23
PETROSETCO
1996-2019

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
Lầu 6, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1-5 Lê Duẩn,
Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 - 3911 7777 | Giấy chứng nhận ĐKKD số:
www.petrosetco.com.vn | 0300452060 - Nơi cấp: Sở KHĐT T.PHCM

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Mã chứng khoán PET

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

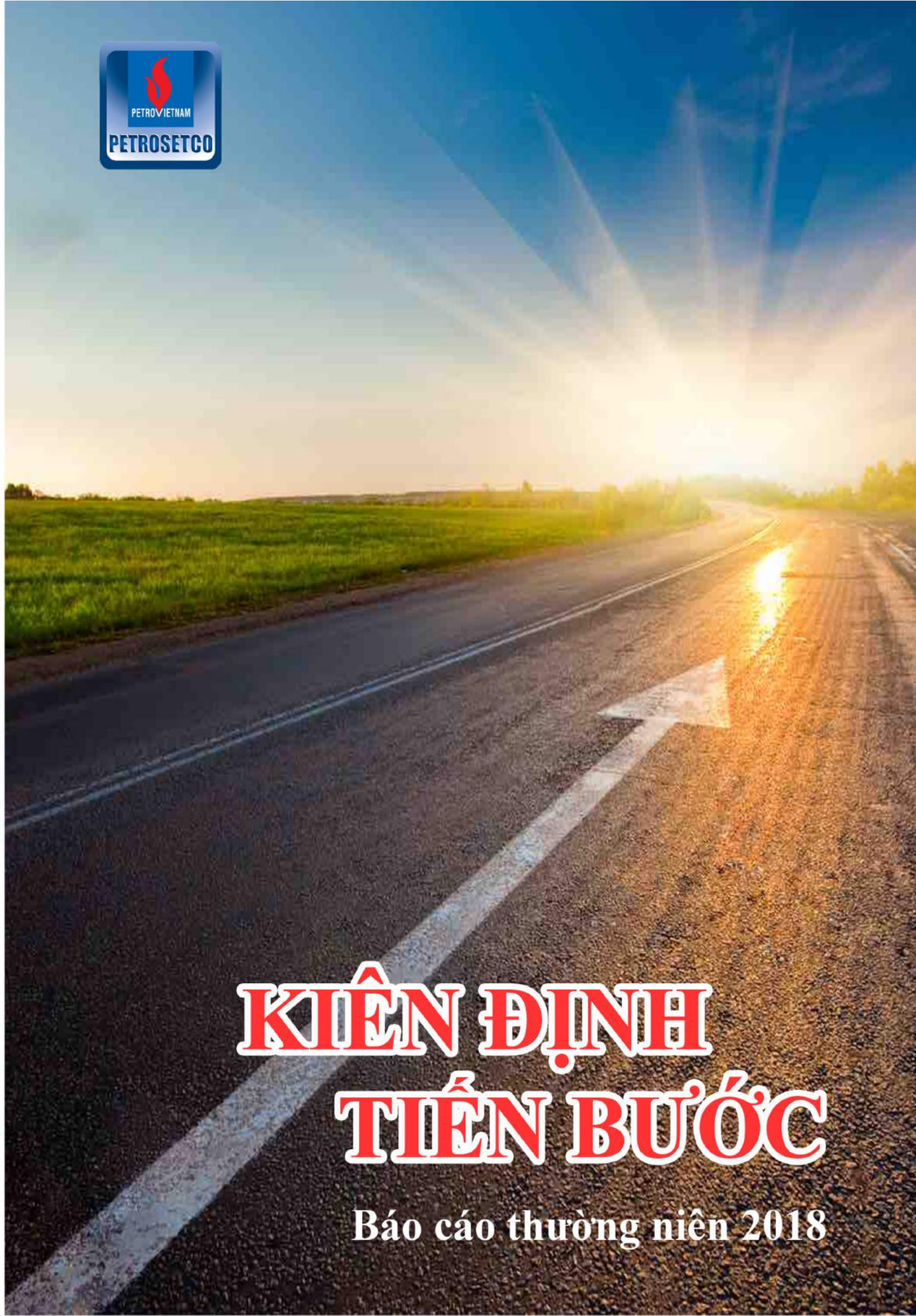

KIÊN ĐỊNH TIẾN BƯỚC

Báo cáo thường niên 2018

MỤC LỤC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT *Trang 05*

01 *Trang 07*
THÔNG TIN CHUNG

02 *Trang 09*
LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

03 *Trang 15*
CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT 2018

04 *Trang 19*
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU QUẢN TRỊ

05 *Trang 33*
CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

06 *Trang 39*
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2018

07 *Trang 49*
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 2018

08 *Trang 62*
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT 2018

09 *Trang 67*
QUẢN TRỊ RỦI RO

10 *Trang 74*
TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

11 *Trang 79*
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2018

VIẾT TẮT

- **BCTC: Báo cáo tài chính**
- **BĐH: Ban điều hành**
- **BKS: Ban kiểm soát**
- **CBNV: Cán bộ nhân viên**
- **CTTV: Công ty thành viên**
- **ĐHCĐ: Đại hội cổ đông**
- **LNTT: Lợi nhuận trước thuế**
- **HĐQT: Hội đồng quản trị**

TẦM NHÌN

Trở thành sự lựa chọn số 1 tại Việt Nam trong lĩnh vực phân phối, thương mại và dịch vụ.

SỨ MỆNH

Tiên phong trong mọi hành động để cung cấp chất lượng dịch vụ vượt trội và đảm bảo lợi ích tối ưu cho khách hàng, đối tác, các Cổ đông và người lao động.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Quyết liệt

Máu lửa, quyết tâm theo đuổi mục tiêu đến cùng; Sẵn sàng đón nhận thử thách; Chủ động, sáng tạo trong tìm giải pháp để thực hiện công việc.

Chuyên nghiệp

Luôn duy trì sự chuyên nghiệp trong mọi công việc, thực hiện công việc có kế hoạch với kỹ năng tốt đặc biệt là trong việc cung cấp các sản phẩm chất lượng, dịch vụ khách hàng tốt nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.

Nhân văn

Xây dựng môi trường Petrosetco có tri thức, văn hóa, văn minh, hướng thiện; Quan tâm với quyền lợi của người lao động, đảm bảo sự công bằng trong tổ chức, nỗ lực đóng góp cho cộng đồng.

Hiệu quả

Hiểu rõ về mục tiêu và nhiệm vụ; Có giải pháp phù hợp nhất cho khách hàng, đối tác và đội ngũ; Luôn đảm bảo hiệu quả tối ưu cho các Cổ đông và tổ chức.

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Thưa Quý Cổ đông,

Theo báo cáo của các tổ chức và Chính phủ, nền kinh tế Việt Nam năm 2018 đạt mức tăng trưởng 7,08%, đây là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm qua và cũng là mức tăng trưởng thuộc top đầu của thế giới. Tuy nhiên, mức tăng trưởng cao này được đóng góp lớn từ các doanh nghiệp FDI, còn đối với nhiều doanh nghiệp nội địa trong nước thì năm qua là một năm đầy khó khăn thách thức. Đối với Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco) thì năm qua là năm khó khăn nhất của Tổng công ty kể từ khi Cổ phần hóa vào năm 2006. Một mặt, Petrosetco phải chịu ảnh hưởng lớn khi nhu cầu dịch vụ trong ngành Dầu khí giảm. Mặt khác, mảng kinh doanh chính là dịch vụ phân phối điện tử ngày càng khó khăn khi thị trường đã bão hòa, sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt, rủi ro kinh doanh ngày càng tăng cao.

Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo Petrosetco đã tập trung mọi nguồn lực với tinh thần trách nhiệm cao nhất để hoàn thành những mục tiêu và kế hoạch đã đặt ra. Hội đồng Quản trị tiếp tục với định hướng triển khai các dự án dịch vụ thoát ra ngoài ngành, mở rộng và phát triển các mảng dịch vụ mới, đồng thời rà soát tiết giảm chi phí tối đa để duy trì sự ổn định của Tổng công ty.

Với những nỗ lực ấy, khép lại năm 2018, Petrosetco đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch; doanh thu với 11.092 tỷ đồng vượt 23% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế với 183 tỷ đồng, vượt 2% kế hoạch. Để đạt được kết quả trên là nhờ vào sự quyết tâm và phối hợp đồng bộ giữa các tổ chức chính quyền, đoàn thể và các cấp lãnh đạo trong Tổng công ty cùng toàn thể CBCNV, uy tín và thương hiệu Petrosetco đối với các dịch vụ mà Tổng công ty cung cấp.

Năm 2019 đã đi được ¼ chặng đường và cho thấy những dấu hiệu tích cực như giá dầu được cải thiện và một số dự án mới trong ngành Dầu khí có thể được thực hiện. Do đó, tôi hy vọng năm 2019 với lập trường kiên định giải quyết những khó khăn, Petrosetco sẽ từng bước đi đến thành công trong chặng đường phát triển phía trước của mình.

Ban lãnh đạo Petrosetco cùng toàn thể hơn 2.500 CBNV sẽ kiên định với những chiến lược đã đề ra, đồng thời quyết tâm vượt qua những khó khăn, thử thách, nắm bắt cơ hội và sự thay đổi của thị trường để phát triển cả về quy mô, chất lượng, hiệu quả; xứng đáng với niềm tin và kỳ vọng của Tập đoàn, của các cổ đông, các nhà đầu tư và của hàng triệu khách hàng đã tin tưởng, đồng hành cùng Petrosetco trong suốt thời gian qua.

Thay mặt cho Hội đồng Quản trị, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, sự tín nhiệm của Quý Cổ đông cũng như của các Nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đặc biệt cảm ơn tinh thần đoàn kết, những nỗ lực và cống hiến của tập thể người lao động PETROSETCO.

Trân Trọng.

Phùng Tuấn Hà
CHỦ TỊCH HĐQT

PHÙNG TUẤN HÀ
CHỦ TỊCH HĐQT

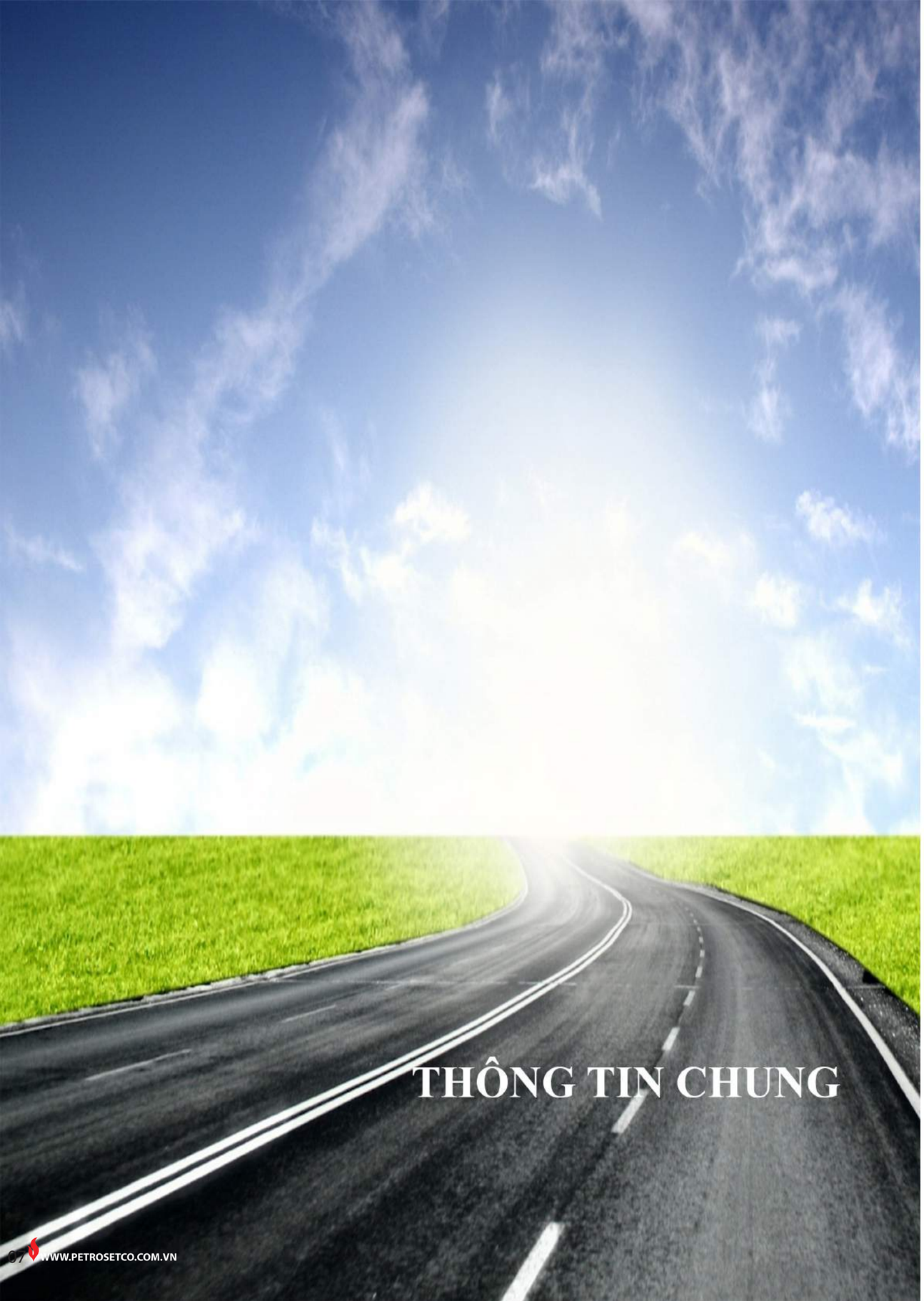

1.THÔNG TIN CHUNG

1.1. Thông tin khái quát

. Tên giao dịch:

- **Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí**
- **Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: PetroVietNam General Services J.S. Corporation**
- **Tên viết tắt: PETROSETCO**

. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300452060

- **Đăng ký lần đầu: Ngày 29 tháng 09 năm 2006**
- **Đăng ký thay đổi lần thứ 18: Ngày 23 tháng 05 năm 2016**

. Vốn điều lệ:

- **866.001.240.000 đồng (Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi sáu tỷ không trăm lẻ một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng.)**

. Địa chỉ: **Lầu 6, Tòa nhà PetroVietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.**

. Số điện thoại: **(84.28) 3911 7777**

. Số fax: **(84.28) 3911 6789**

. Website: **www.petrosetco.com.vn**

. Mã cổ phiếu: **PET**

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

1.2.1 Ngày thành lập

20.06
1996

PETROSETCO được thành lập vào tháng 6/1996, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ sinh hoạt, đời sống và du lịch nhằm phục vụ các hoạt động dầu khí. Năm 2007 đánh dấu bước ngoặc quan trọng trong lịch sử phát triển của PETROSETCO khi Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí.

1.2.2 Thời điểm niêm yết:

Cổ phiếu của PETROSETCO chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh; mã cổ phiếu PET

12.09
2007

QUÁ TRÌNH
HINH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1996

. Tháng 6/1996: Công ty Dịch vụ - Du lịch Dầu khí được thành lập theo Quyết định số 284/BT của Bộ trưởng, chủ nhiệm văn phòng Chính phủ.

1997

. Tháng 7/1997: Hợp nhất một số đơn vị trong ngành làm dịch vụ sinh hoạt, đời sống và du lịch phục vụ các hoạt động dầu khí.

2000

. Tháng 11/2000: Thành lập Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Biển.

2001

. Tháng 10/2001: Thành lập Xí nghiệp Dịch vụ - Thương mại Dầu khí.

2002

. Tháng 5/2002: Thành lập Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn.

2006

. Tháng 9/2006: Chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần.

2007

. Tháng 9/2007: Cổ phiếu của PETROSETCO chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh; mã cổ phiếu PET.
. Tháng 04/2007: Thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (PSD).
. Tháng 10/2007: Ra mắt Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí.

2009

. Tháng 9/2009: Nhận chuyển nhượng phần vốn tại các Công ty TNHH 1TV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển (POTS), Công ty TNHH 1TV Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PVA), Công ty CP Chế biến xuất ăn và Thương mại Dầu khí (Bestfoods Catering), Công ty TNHH 1TV Thương mại Dầu khí Hà Nội (Petro Hanoi)

2010

. Tháng 1/2010: Thành lập Chi nhánh Tổng Công ty - Công ty Phân phối nguyên liệu công nghiệp Dầu khí (PIMD).
. Tháng 6/2010: Góp 51% vốn thành lập Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam tại tỉnh Bạc Liêu.
. Tháng 12/2010: Thành lập Công ty TNHH PETROSET-CO SSG (PSSSG)
. Tháng 12/2010: Chuyển đổi các Công ty PSV, PVA, PSMT hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần.

2011

. Tháng 4/2011: Thành lập Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh (Smartcom).
. Tháng 6/2011: Ra mắt Logo và bộ nhận diện thương hiệu mới của Tổng Công ty.
. Tháng 11/2011: Chuyển đổi Công ty TNHH 1TV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí thành Công ty Cổ phần.

2012

. Tháng 7/2012: PETROSETCO - PSD chính thức trở thành đối tác cung ứng sản phẩm của Samsung tại Việt Nam.
. Tháng 8/2012: PETROSETCO - Văn phòng Tổng Công ty nhận Chứng chỉ Chứng nhận Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.
. Tháng 11/2012: PETROSETCO - Smartcom chính thức trở thành Nhà phân phối của BlackBerry tại Việt Nam, làm tiền đề cho khả năng phát triển sự hợp tác với nhiều nhãn hàng danh tiếng khác.

2013

. Tháng 6/2013: PETROSETCO - PSD chính thức lên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu PSD.
. Tháng 9/2013: PETROSETCO - PSD trở thành nhà phân phối chính thức của Microsoft tại Việt Nam.

2014

. Tháng 4/2014: Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam (PSL Việt Nam) chính thức trở thành đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PETROSETCO) (Từ năm 2012 đến năm 2014, PSL Việt Nam là đơn vị thành viên của Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển (POTS).
. Tháng 5/2014: Thành lập Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí (PHTD).
. Tháng 10/2014: PETROSETCO triển khai dự án khu nhà ở và dịch vụ phục vụ khu Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn tại huyện Tĩnh Gia - Thanh Hóa.

QUÁ TRÌNH
HINH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

2015

. Tháng 11/2015: Công ty Cổ phần phân phối sản phẩm công nghệ cao Dầu khí (PHTD) chính thức phân phối thêm nhiều thương hiệu điện thoại tại thị trường Việt Nam.

. Năm 2005: PSD chính thức trở thành nhà phân phối cho các hãng điện thoại Motorola và thiết bị phụ kiện tai nghe Plantronics.

. Công ty Cổ phần vận tải và Xếp dỡ Cấu kiện Siêu trường Siêu trọng PETROSETCO ALE chính thức trở thành đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí.

2016

. Tháng 6/2016: PETROSETCO tổ chức thành công lễ kỷ niệm 20 năm thành lập, đánh dấu một chặng đường phát triển mới.

. Nhận cờ thi đua của Chính phủ vì đã hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí.

. Nhận huân chương Lao động hạng nhất của Chủ tịch nước vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2011 đến năm 2015, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

. Năm 2016: PETROSETCO đã hoàn thành và đưa vào vận hành chính thức dự án "Khu nhà ở và dịch vụ phục vụ liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn - Giai đoạn 2". Đây là dự án quy mô lớn nhất của PETROSETCO từ trước đến nay, bao gồm 10 block nhà với 600 căn hộ, 25 biệt thự và các công trình phụ trợ như nhà văn hóa, nhà trẻ, trạm y tế và công trình thể thao.....

2017

. Năm 2017: Các đơn vị thành viên của Tổng Công ty rất thành công trong việc mở rộng và triển khai thị trường mới đối với những lĩnh vực riêng của mình.

. Tái cấu trúc các đơn vị thành viên của Tổng Công ty.

2018

. Tháng 4/2018: PETROSETCO hoàn thành và đưa vào bàn giao dự án Khu dân cư số 41D tại TP Vũng Tàu. Đây là dự án BĐS thương mại đầu tiên của Petrosetco trong lĩnh vực kinh doanh BĐS so với các dự án BĐS trước đây chủ yếu là đầu tư nhằm mục đích thực hiện dịch vụ quản lý. Mặc dù dự án có quy mô không lớn bao gồm 12 căn biệt thự và 32 căn nhà phố, nhưng Petrosetco có thêm những trải nghiệm, thử thách trong lĩnh vực hoàn toàn mới.

LĨNH VỰC KINH DOANH

I. DỊCH VỤ PHÂN PHỐI

Phân phối sản phẩm điện tử

PETROSETCO hiện có ba đơn vị thành viên đang thực hiện mảng kinh doanh sản phẩm viễn thông, công nghệ thông tin và các sản phẩm điện máy, điện lạnh là Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (PSD), Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh (Smartcom) và Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí (PHTD).

Hiện PETROSETCO đang phân phối các sản phẩm điện thoại di động như Samsung, HTC, Lenovo, Blackberry, Itel… các sản phẩm công nghệ thông tin như máy tính xách tay các thương hiệu Dell, Lenovo, Asus, Acer…phần mềm bản quyền Microsoft, linh phụ kiện máy tính mang các thương hiệu Asus, Acer, Adata, Dell, Cyber, Samsung, Viewsonic, Plantronic, Ricoh…, các sản phẩm điện máy điện lạnh mang các thương hiệu như Candy, Pensonic, Cuchen, Whirlpool, Ferroli, LG, Media, Sanyo, Tefal, Toshiba, Grudig …

Phân phối sản phẩm công nghiệp trong ngành Dầu khí

Mảng kinh doanh này được giao cho Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí miền Trung (PSMT) thực hiện. Các sản phẩm công nghiệp trong ngành Dầu khí do Petrosetco phân phối bao gồm: hạt nhựa PolyPropylen (PP), khí hóa lỏng (LPG). Petrosetco đảm nhận việc bao tiêu các sản phẩm của ngành công nghiệp chế biến dầu khí như LPG, PP của nhà máy lọc dầu Dung Quất với sản lượng 36 ngàn tấn PP và 30 ngàn tấn LPG/năm.

Ngoài ra, PSMT cũng thực hiện hoạt động chiết nạp bình gas để cung cấp sản phẩm bình gas mang thương hiệu PET-GAS tại thị trường Quảng Ngãi và các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên với 2 trạm chiết nạp Tịnh Phong (Quảng Ngãi) và Cam Ranh (Nha Trang).

II. DỊCH VỤ CUNG ỨNG VÀ HẬU CẦN DẦU KHÍ

Cung ứng vật tư thiết bị

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển (POTS) là đơn vị thực hiện mảng kinh doanh này, chủ yếu hoạt động tại Tp. Hồ Chí Minh và Vũng Tàu. POTS đã và đang làm dịch vụ Đại lý cho các Nhà sản xuất lớn trên thế giới về vật tư, thiết bị chuyên ngành dầu khí như: ống chống, cần khoan, bơm, van các loại, hóa chất, hóa phẩm khoan và khai thác... Ngoài ra, Công ty còn lắp đặt và bảo trì bảo dưỡng hệ thống thiết bị cho các Công ty, Nhà thầu Dầu khí và các công ty hoạt động trong lĩnh vực thăm dò, khai thác và chế biến Dầu khí đang hoạt động tại Việt Nam như Vietsovpetro, PTSC, PVD, Đại Hùng, Hoàng Long JOC, Hoàn Vũ JOC, Petronas…

POTS đã mở rộng cung cấp thêm các sản phẩm, vật tư thiết bị cho các dự án ngành điện gồm các nhóm mặt hàng như Điện – Tự động hóa, Truyền tải và phân phối điện…

Dịch vụ hậu cần dầu khí

Dịch vụ Logistics: Dịch vụ này được giao cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam (PSL) thực hiện. Trong năm 2018, Petrosetco thực hiện tốt các dịch vụ hậu cần như thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu, thủ tục xuất nhập cảnh đổi ca, vận tải đa phương thức quốc tế, vận tải siêu trường siêu trọng (hàng quá khổ quá tải) cho các khách hàng trong và ngoài ngành. Đơn vị đang thực hiện hợp đồng với các nhà thầu chính như Talisman, Biển Đông, Murphy oil, Petronas Over Sea, Cuu Long JOC, HLHV, PTSC, PVTrans, PVDrilling, PVFCCo, Gas Shipping… Trong tình hình khó khăn chung của ngành Dầu khí, đơn vị đã mở rộng ra một số khách hàng ngoài ngành như Vard, Kim Hoàng Ngân, Ngọc Quyết Thắng, Biomass và các khách hàng nhỏ lẻ khác…

LĨNH VỰC KINH DOANH

Dịch vụ vận chuyển: Dịch vụ vận tải đường bộ do Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA) thực hiện. Kết thúc năm 2018, PSA có 75 xe ô tô đời mới cùng đội ngũ lái xe chuyên nghiệp, Tổng Công ty đảm bảo phục vụ tốt và ổn định việc đi lại công tác của cán bộ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội cũng như TP. HCM. Ngoài ra, Tổng Công ty còn cung cấp dịch vụ vận chuyển cho các nhà thầu dầu khí nhằm gia tăng các dịch vụ và tiện ích cho khách hàng.

Dịch vụ lao động: Trong năm 2018, Petrosetco phát triển mạnh mảng cung cấp dịch vụ quản lý chuyên gia cao cấp, bao gồm chuyên gia Việt Nam, chuyên gia nước ngoài trong các lĩnh vực: Khoan, Dự án, Khai thác dầu khí. Ngoài ra, dịch vụ cung ứng lao động văn phòng, lao động ở các ngành nghề cũng được nhiều khách hàng quan tâm ủng hộ. Mảng dịch vụ này hiện giao cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam (PSL) liên doanh với công ty ORIENT thực hiện. Các khách hàng PSL đang triển khai dịch vụ cung cấp nhân sự , ký hợp đồng khung như : Hoàng Long Hoàn Vũ JOC, Phú Quốc POC, Rosneft BV VIỆT NAM, SCG, Long Son Refinery, First Solar, Exxon Mobil (Blue Whale Project), Bureau Veritas, Murphy Oil, Ematys International SA, Wood Kenny…

III. DỊCH VỤ ĐỜI SỐNG (CATERING)

Đây là mảng dịch vụ truyền thống của Tổng công ty do hai đơn vị là Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (PSV) và Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA) thực hiện. Hiện nay Tổng công ty đang cung cấp dịch vụ trên 50 công trình trong và ngoài ngành dầu khí phân bố trải dài trên khắp các tỉnh thành, với các khách hàng như Vietsovpetro, PVD, Cửu Long JOC, JVPC, Đại Hùng, PTSC, Diamond Offshore, Lọc hóa dầu Dung Quất, Lọc hóa Dầu Nghi Sơn… Ngoài ra, Tổng công ty còn cung cấp hàng hóa, thực phẩm cho gần 50 tàu các loại, thuộc đội tàu dịch vụ của VSP, PTSC, PV Trans và tàu dịch vụ nước ngoài. Thị phần dịch vụ Catering của PETROSETCO trong ngành dầu khí hiện chiếm khoảng 95%.

Ngoài ra, trong thời gian qua, PETROSETCO đã mở rộng cung cấp dịch vụ đời sống, suất ăn cho nhiều ngành, nhiều đơn vị khác nhau như: các chuỗi trường học FPT, Ischool, chuỗi nhà máy thép Hòa Phát, khu công nghiệp Phú Mỹ, các cảng Cái Mép, các công ty như Vinamilk…

IV. DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

Mảng dịch vụ quản lý và khai thác bất động sản được giao cho các đơn vị là PSA, POTS và PSV thực hiện với các dịch vụ chính là quản lý vận hành và khai thác các tòa nhà, khu dân cư, cho thuê văn phòng, mặt bằng, dịch vụ khách sạn. Trong đó, PSA được đánh giá là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực quản lý bất động sản với việc lần thứ hai được công nhận là thương hiệu quốc gia năm 2018.

Ngoài các khách hàng lớn trong ngành Dầu khí như Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, các Công ty, Tổng Công ty thành viên của Tập đoàn như PetroVietnam, PVCombank, Viện Dầu khí (VPI), PVEP, PVGas..., nhờ tính chuyên nghiệp và chất lượng dịch vụ cấp, PETROSETCO đã mở rộng ra ngoài ngành và được nhiều khách hàng đón nhận như: Đại học kinh tế quốc dân, hệ thống ngân nhà nước, ngân hàng SCB, ngân hàng phát triển Việt Nam, các tòa nhà của Tập đoàn điện lực, các khu dân cư Park Riverside, Rio Vista, Villa Park…

Ngoài ra, PETROSETCO cũng thực hiện cung cấp dịch vụ cho thuê diện tích, văn phòng, căn hộ, trong đó nổi bật là cung cấp khu nhà ở và dịch vụ cho tổ hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn với hơn 600 căn hộ và biệt thự.

Bên cạnh đó, nhằm đa dạng hóa chuỗi dịch vụ, PETROSETCO đã mở thêm hoạt động cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng kỹ thuật cho các khu dân cư, với khách các hàng như Khu dân cư Vinhomes central park, Vinhomes Bason…

PETROSETCO
CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT 2018

1 DỊCH VỤ PHÂN PHỐI

Tháng 3/2018, Công ty PSD ký thỏa thuận hợp tác với Microsoft Việt Nam và chính thức trở thành đối tác chiến lược phân phối Giải pháp Điện Toán Đám Mây của Microsoft trên thị trường Việt Nam, được gọi là CSP (Cloud Solution Provider). Đây là bước chân đầu tiên của Petrosetco trong việc triển khai cung cấp các sản phẩm hỗ trợ công nghệ 4.0.

Năm 2018, Công ty PHTD là một công ty với số vốn điều lệ 10 tỷ lần đầu tiên đạt mốc doanh thu 850 tỷ và lợi nhuận 10 tỷ, tương ứng tỷ suất LNTT/VĐL đạt 100%.

2 DỊCH VỤ CUNG ỨNG VÀ HẬU CẦN

Đầu năm 2018, POTS tiếp tục thực hiện Hợp đồng cung cấp sắt thép đóng mới chân đế giàn khoan cho dự án Sao vàng Đại Nguyệt của Idemisu trị giá 16 triệu US, tương đương 360 tỷ.

Quý 3/2018: Công ty POTS trúng gói thầu cung cấp ống và phụ kiện đấu nối cho dự án cải thiện môi trường nước TPHCM giai đoạn 2, với giá trị hơn 25 tỷ đồng, qua đó đánh dấu sự mở rộng của Petrosetco ra thị trường ngoài ngành Dầu khí.

3 DỊCH VỤ ĐỜI SỐNG

Công ty PSV phát triển ra thị trường ngoài ngành Dầu khí với các hợp đồng mới như: Công ty hóa chất AGC Việt Nam (từ tháng 12/2018); Công ty Cảng quốc tế Cái Mép CMIT (từ tháng 4/2018); Công ty LD dịch vụ Container quốc tế Cảng Sài Gòn –SSIT (từ tháng 5/2018).

Trong năm 2018, Công ty PSA đánh dấu sự phát triển mạnh vào thị trường suất ăn trường học với một loạt hợp đồng mới trong năm như: hệ thống trường Ischool; hệ thống trường tiểu học, cao đẳng, đại học FPT; trường THCS và THPT Phạm Văn Đồng.

4 DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

Quý III/2018: Petrosetco hoàn thành và đưa vào bàn giao dự án Khu dân cư số 41D tại TP Vũng Tàu. Đây là dự án BĐS thương mại đầu tiên của Petrosetco trong lĩnh vực kinh doanh BĐS so với các dự án BĐS trước đây chủ yếu là đầu tư nhằm mục đích thực hiện dịch vụ quản lý. Mặc dù dự án có quy mô không lớn bao gồm 12 căn biệt thự và 32 căn nhà phố, nhưng Petrosetco có thêm những trải nghiệm, thử thách trong lĩnh vực hoàn toàn mới.

POTS trong năm nay đã giành được hợp đồng quản lý cho tòa nhà Tổng Cục Hải quan Tp.HCM, đồng thời cũng đã được chủ đầu tư Vinhomes lựa chọn để trở thành đơn vị cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa cho cư dân tại 2 dự án là Vinhomes Central Park, Vinhomes Golden River. Đây là một trong những mảng dịch vụ mới đang được mở rộng để Petrosetco ngày càng hoàn thiện chuỗi dịch vụ BĐS của mình.

Công ty PSA ký hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý vận hành với Khu dân cư RiO Vista; Khu cân cư River Park; Khu dân cư Valencia Garden qua đó giúp Petrosetco tiếp tục mở rộng thị trường ra ngoài ngành Dầu khí.

PSA được đánh giá là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực quản lý bất động sản với việc lần thứ hai được công nhận là thương hiệu quốc gia năm 2018.

TỔNG CÔNG TY PETROSETCO KHÔNG THÀNH LẬP CÁC TIỂU BAN TRONG HĐQT

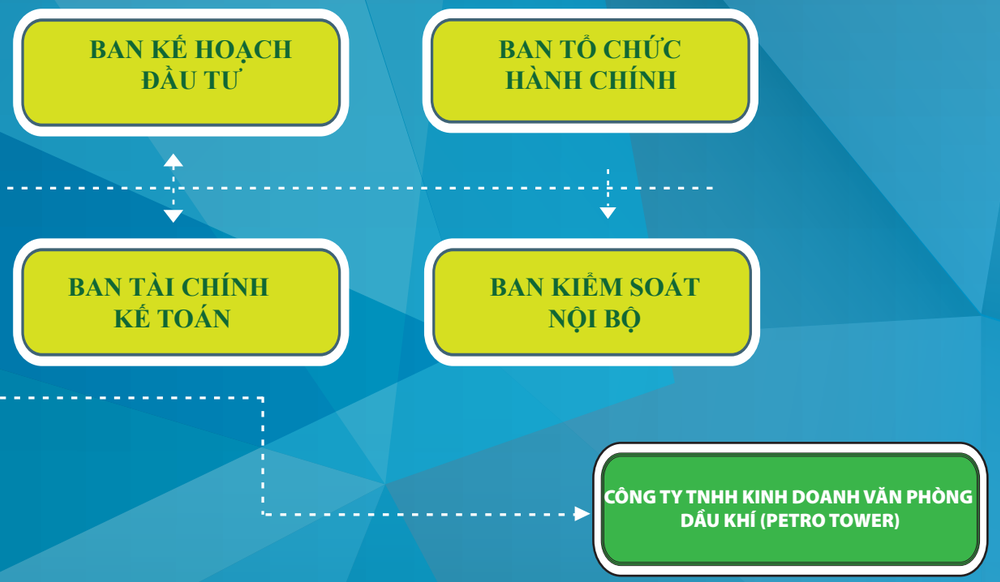

Ông PHÙNG TUẤN HÀ
CHỦ TỊCH HĐQT

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

Làm việc trong ngành Dầu khí 28 năm, ông từng giữ các chức vụ: Trưởng chi nhánh công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí TPHCM, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) và Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí từ năm 2009. Tháng 4 năm 2015 ông được bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Petrosetco.

Ông là linh hồn, là người tập hợp lực lượng và luôn đưa ra những định hướng chiến lược quan trọng trong từng giai đoạn để giữ vững sự phát triển của Petrosetco trong những năm qua.

Thành tích đạt được: Huân chương lao động Hạng Nhất năm 2016, Huân chương lao động Hạng Nhì năm 2007, Huân chương lao động Hạng Ba năm 2002, Bằng khen Thủ tướng chính phủ năm 2013, Danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc năm 2014 và Chiến sỹ thi đua Bộ công thương năm 2013, Bằng khen Tập đoàn DKVN từ 2013-2017.

Ông VŨ TIẾN DƯƠNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

Làm việc trong ngành Dầu khí 24 năm, ông từng giữ các chức vụ: Phó giám đốc và Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển, Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí, Phó Tổng giám đốc và Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí từ tháng 4/2015.

Là một doanh nhân, nhà quản lý Dầu khí xuất sắc, ông có sở trường và kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, phân phối đặc biệt lĩnh vực cung cấp thiết bị cho ngành dầu khí, quản lý cao ốc văn phòng và phân phối thiết bị viễn thông.

Thành tích đạt được: Huân chương lao động Hạng Nhì năm 2016, Huân chương lao động Hạng ba năm 2008; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2014, Bằng khen Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ 2013-2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà PHẠM THỊ HỒNG ĐIỆP
THÀNH VIÊN

Cử nhân Ngữ văn Anh và Thạc sỹ Quản trị kinh doanh và Marketing.

Gia nhập ngành Dầu khí từ 1994, bà từng đảm nhiệm những vị trí quan trọng tại các công ty thành viên của Petrosetco và có nhiều kinh nghiệm quản lý và khai thác bất động sản/tòa nhà, chăn drap gối nệm.

Thành tích đạt được: Huân chương Lao động Hạng ba năm 2014; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2008, Danh hiệu Chiến sỹ thi đua của Bộ Công thương năm 2013; Doanh nhân, nhà quản lý trẻ Dầu khí xuất sắc năm 2012.

Ông KIM KANG HO
THÀNH VIÊN

Cử nhân Quản trị Kinh doanh.

Ông được bổ nhiệm là Thành viên HĐQT của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí vào tháng 4 năm 2018. Ông từng đảm nhiệm những vị trí quan trọng của các Tập đoàn, Công ty đa quốc gia lớn trên thế giới.

Bà LÊ THỊ CHIẾN
THÀNH VIÊN

Cử nhân Tài chính Kế toán.

Bà gia nhập ngành Dầu khí năm 1999 và hiện giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (PSD)

Thành tích đạt được: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2014

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông VŨ TIẾN DƯƠNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị Kinh doanh.

Làm việc trong ngành Dầu khí 24 năm, ông từng giữ các chức vụ: Phó giám đốc và Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển, Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí, Phó Tổng giám đốc và Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí từ tháng 4/2015.

Là một doanh nhân, nhà quản lý Dầu khí xuất sắc, ông có sở trường và kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, phân phối đặc biệt lĩnh vực cung cấp thiết bị cho ngành dầu khí, quản lý cao ốc văn phòng và phân phối thiết bị viễn thông.

Thành tích đạt được: Huân chương lao động Hạng Nhì năm 2016, Huân chương lao động Hạng ba năm 2008; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2014, Bằng khen Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ 2013-2017.

Bà PHẠM THỊ HỒNG ĐIỆP
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Cử nhân Ngữ Văn Anh và Thạc sỹ Quản trị kinh doanh & Marketing.

Gia nhập ngành Dầu khí từ 1994, bà từng đảm nhiệm những vị trí quan trọng tại các công ty thành viên của Petrosetco và có nhiều kinh nghiệm quản lý và khai thác bất động sản/tòa nhà, chăn drap gối nệm.

Thành tích đạt được: Huân chương Lao động Hạng ba năm 2014; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2008, Danh hiệu Chiến sỹ thi đua của Bộ Công thương năm 2013; Doanh nhân, nhà quản lý trẻ Dầu khí xuất sắc năm 2012.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông NGUYỄN THANH TÚ
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Cử nhân Kinh tế Công nghiệp và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Gia nhập ngành Dầu khí từ 1993 và có gần 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dịch vụ Dầu khí, đặc biệt trong công tác quản lý dịch vụ đời sống (catering) trên các công trình biển và các dịch vụ trên đất liền.

Thành tích đạt được: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2014; Bằng khen của Bộ công Thương 2013; Danh hiệu Chiến sỹ thi đua của Bộ công thương năm 2012; Bằng khen của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ năm 2013-2016.

Ông HỒ MINH VIỆT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Cử nhân Kinh tế Xây dựng và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

Gia nhập ngành Dầu khí từ năm 2017, với nền tảng kiến thức vững chắc cùng nhiều năm kinh nghiệm tư vấn chiến lược và đầu tư cho nhiều tập đoàn đa quốc gia như Tập đoàn Big C (Pháp), Lotte (Hàn quốc), OCHN (Pháp), Tập đoàn Posco (Hàn Quốc), ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Petrosetco từ ngày 11/8/2017.

Ông PHAN QUANG TUẤN ANH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Cử nhân Kinh tế và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

Gia nhập ngành Dầu khí từ năm 2007, ông từng đảm nhiệm những vị trí quan trọng tại các công ty thành viên của Petrosetco và có nhiều kinh nghiệm quản lý và điều hành trong lĩnh vực Thương mại Phân phối.

Thành tích đạt được: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2014; Bằng khen của Bộ công Thương 2013; Doanh nhân Sao đỏ năm 2014.

BAN KIỂM SOÁT

Ông PHAN KHẮC VINH
TRƯỞNG BAN

Cử nhân Tài chính kế toán Doanh nghiệp.

Ông gia nhập Petrosetco năm 1999, từng đảm nhiệm chức vụ Phó giám đốc, Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị tại đơn vị thành viên thuộc Petrosetco và được bầu làm Trưởng ban kiểm soát Petrosetco vào tháng 4/2016.

Ông LÊ ANH QUỐC
THÀNH VIÊN

Cử nhân Tài chính Kế toán Doanh nghiệp.

Ông gia nhập Petrosetco năm 2000 và từ năm 2006-2010 ông đảm nhiệm chức vụ Trưởng phòng Kế toán và Kế toán trưởng tại các đơn vị thành viên thuộc Petrosetco. Tháng 10/2010 ông được bầu làm Trưởng ban kiểm soát Petrosetco và Thành viên ban kiểm soát vào tháng 4/2016.

Bà NGUYỄN THỊ MỸ DUNG
THÀNH VIÊN

Cử nhân Luật.

Bà gia nhập Petrosetco năm 2010, đảm nhiệm công tác pháp chế của Petrosetco, tháng 6/2016 được bổ nhiệm Phó phòng pháp chế Petrosetco và được bầu làm Thành viên ban kiểm soát vào tháng 4/2016.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà NGUYỄN THỊ THANH
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Cử nhân Kế toán và Cử nhân Ngữ văn Anh.

Gia nhập ngành Dầu khí từ 1999, bà có 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán và đã có nhiều đóng góp trong việc xây dựng hệ thống tài chính kế toán tại đơn vị thành viên theo chuẩn quốc tế. Tháng 5/2017 bà được bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Petrosetco.

Thành tích đạt được: Bằng khen Bộ công thương năm 2013, Bằng khen Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ 2013-2016.

Cơ cấu nguồn nhân lực

Kết thúc năm 2018, tổng số nhân lực PETROSETCO đạt 2.483 CBCNV, tăng 3.6 % so với năm 2017. Cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực tiếp tục duy trì sự ổn định với tỷ lệ lao động có trình độ từ sơ cấp trở lên chiếm tỷ trọng 82.2% tổng nhân lực toàn Tổng công ty tương đương 2.040 người.

Số lượng nhân lực và tỷ trọng theo trình độ trong 03 năm

STT	Lao động (người)	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
		Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng		
1	Trên đại học	46	1,9%	49	2,1%	40	1.6%
2	Đại học	545	22,9%	526	22,0%	525	21.1%
3	Cao đẳng, Trung cấp	618	26,0%	630	26,3%	749	30.2%
4	Công nhân kỹ thuật và Sơ cấp	825	34,7%	686	28,6%	726	29.2%
5	Lao động phổ thông	341	14,4%	505	21,0%	443	17.8%
	Tổng cộng:	2375	100%	2396	100%	2483	100%

Cơ cấu theo độ tuổi

STT	Lao động theo độ tuổi	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Bằng và dưới 30 tuổi	1006	916	1045
2	Từ 31 đến 49 tuổi	1104	1357	1314
3	Trên 49 tuổi	265	123	124
4	Tổng cộng:	2.375	2.396	2.483

Cơ cấu nguồn nhân lực (tiếp theo)

Cơ cấu lao động theo giới tính

STT	Lao động theo giới tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Nam	1700	1695	1717
2	Nữ	675	701	766
3	Tổng cộng	2.375	2.396	2.483

Cơ cấu lao động theo vùng, miền:

STT	Lao động theo khu vực	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Vũng Tàu	1195	1380	1500
2	TP.HCM	557	610	554
3	Quảng Ngãi	164	54	61
4	Hà Nội	330	304	320
5	Các tỉnh khác	129	48	48
6	Tổng cộng	2.375	2.396	2.483

Vốn cổ phần và cơ cấu cổ đông

1. THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Mã cổ phiếu: PET
Tên cổ phiếu: Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí
Vốn điều lệ: 866.001.240.000 đồng

CỔ PHẦN	2016	2017	2018
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	86.600.124 CP	86.600.124 CP	86.600.124 CP
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	86.600.124 CP	86.600.124 CP	85.009.814 CP
Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	0 CP	0 CP	0 CP
Số lượng cổ phiếu quỹ (*)	0 CP	0 CP	1.590.310 CP
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	86.600.124 CP	86.600.124 CP	85.009.814 CP
Mệnh giá của cổ phần	10.000 đồng	10.000 đồng	10.000 đồng

(*) Trong năm 2018 từ ngày 26/6 đến 25/7, PET đã thực hiện mua 1.590.310 cổ phiếu quỹ.

2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(cập nhật theo danh sách chốt ngày 2/4/2019 & tỷ lệ căn cứ trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành)

STT	ĐỐI TƯỢNG	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông
1	**Cổ đông lớn**	**29.468.619**	**34,7%**	**2**
	Trong nước	20.973.851	24,7%	1
	Nước ngoài	8.494.768	10,0%	1
2	**Cổ đông khác**	**57.131.505**	**65,3%**	**6.270**
	Trong nước	47.135.554	55,4%	6.080
	Nước ngoài	8.405.641	9,9%	190
3	**TỔNG**	**85.009.814**	**100,0%**	**6.272**
	Trong nước	68.109.405	80,1%	6.081
	Nước ngoài	16.900.409	19,9%	191

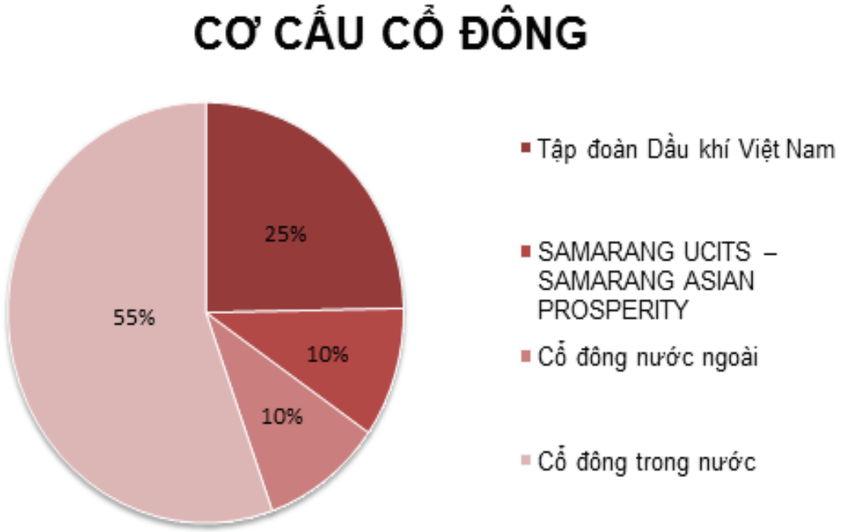

3. SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Đối tượng	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
Hội đồng quản trị	Phùng Tuấn Hà	Chủ tịch HĐQT	2,534,989	2.98%
	Vũ Tiến Dương	UV HĐQT kiêm TGĐ	301,642	0.35%
	Lê Thị Chiến	UV HĐQT - TV độc lập	150,583	0.18%
	Kim Kang Ho	UV HĐQT - TV độc lập	-	0.00%
	Phạm Thị Hồng Điệp	UV HĐQT kiêm P.TGĐ	100,000	0.12%
Ban Tổng giám đốc	Vũ Tiến Dương	UV HĐQT kiêm TGĐ	301,642	0.35%
	Phạm Thị Hồng Điệp	UV HĐQT kiêm P.TGĐ	100,000	0.12%
	Hồ Minh Việt	Phó TGĐ	-	0.00%
	Nguyễn Thanh Tú	Phó TGĐ	111,642	0.13%
	Phan Quang Tuấn Anh	Phó TGĐ	110,000	0.13%
	Nguyễn Thị Thanh	Kế toán trưởng	2	0.00%
Ban Kiểm soát	Phan Khắc Vinh	Trưởng ban kiểm soát	41,900	0.05%
	Lê Anh quốc	Kiểm soát viên	46,642	0.05%
	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Kiểm soát viên	-	0.00%
	TỔNG CỘNG		**3,397,400**	**4.00%**

4 GIAO DỊCH CỔ PHIẾU

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ :

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với công ty niêm yết	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm *(mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)*
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Phùng Tuấn Hà	CT.HĐQT	2.034.989	2.35%	2.534.989	2,93%	Mua 500.000CP

Giao dịch cổ phiếu của người liên quan của người nội bộ: (không có)

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn: (không có)

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
VÀ ĐƠN VỊ PETROSETCO THAM GIA GÓP VỐN

PETROSETCO PHTD

PETROSETCO PSD

PETROSETCO POTS

PETROSETCO PSL

sm@rtcom

PSSSG

PETROSETCO PSV

PETROSETCO PSA

PETROSETCO PSMT

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
VÀ ĐƠN VỊ PETROSETCO THAM GIA GÓP VỐN

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (PSD)

* Lầu 2, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1-5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

* Điện thoại: 028.39115578

*Ngành nghề kinh doanh: Phân phối điện thoại di động; Phân phối máy tính xách tay, máy tính bảng, PC; Phân phối linh kiện điện tử; Phân phối phần mềm/bản quyền.

Vốn điều lệ: 255.793.160.000 VND

79.94 % **Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco**

Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh (Smartcom)

* Phòng 608, Lầu 6, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1-5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

* Điện thoại: 028.39105566

* Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Chăn, drap gối nệm Lotus.

Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VND

55 % **Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam (PSL)

* Phòng 201, Lầu 2, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1-5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

* Điện thoại: 028.39104466

* Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Cung ứng và quản lý nguồn lao động.

Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VND

44 % **Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (PSV)

* Số 63, đường 30/4, Phường 9 TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

* Điện thoại: 0254.3833345

* Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ, sản phẩm sinh hoạt đời sống cho các hoạt động của ngành Dầu khí; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Dịch vụ khách sạn; Dịch vụ phục vụ đồ uống, nhà hàng; Dịch vụ nhà ở; Dịch vụ khai thác và quản lý tòa nhà; Dịch vệ sinh công nghiệp; Kinh doanh lương thực, thực phẩm, nhu phẩm yếu, hàng nông sản.

Vốn điều lệ: 90.000.000.000 VND

70 % **Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco**

Công ty TNHH Petrosetco SSG (PSSSG)

* 92 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

* Điện thoại: 0287.3098805

* Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản

Vốn điều lệ: 450.000.000.000 VND

51 % **Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco**

Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí (PHTD)

* Phòng 608, Lầu 6, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, P. Bến Nghé, TP.HCM

* Điện thoại: 028.39107979

* Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn thiết bị và linh kiến điện tử, viễn thông.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VND

51 % **Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco**

Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA)

* Tầng 15, Tòa nhà PVI, Số 167 Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

* Điện thoại: 024.37726886

* Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ quản lý, vận hành tòa nhà văn phòng, chung cư; Dịch vụ ăn uống; Dịch vụ vận chuyển; Dịch vụ lễ tân; Dịch vụ lưu trú.

Vốn điều lệ: 68.000.000.000 VND

78.61 % **Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco**

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí biển (POTS)

* Phòng 201 - 211, Lầu 2, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1-5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

* Điện thoại: 028.39106868

* Ngành nghề kinh doanh: Cung cấp vật tư, máy móc, thiết bị cho các ngành công nghiệp; Cung cấp dịch vụ vận tải, hàng hóa đường bộ, đường thủy; Cung cấp dịch vụ hỗ trợ, khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Cung cấp dịch vụ lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị công nghiệp, hệ thống điện, các hệ thống xây dựng khác; Cho thuê và điều hành quản lý bất động sản (Văn phòng, mặt bằng nhà xưởng; nhà ở..)

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VND

60 % **Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco**

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung (PSMT)

* Số 01 An Dương Vương, Phường Lê Hồng Phong Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

* Điện thoại: 0255.3738738

* Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí; Bán buôn tơ, xơ sợi dệt; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn nhựa tổng hợp, phân đạm.

Vốn điều lệ: 107.000.000.000 VND

99.79 % **Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco**

ĐƠN VỊ PETROSETCO THAM GIA GÓP VỐN

Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí (PETROTOWER)

* Số 08 Hoàng Diệu - Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
* Điện thoại: 0254.3850098
* Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ quản lý và Khai thác Tòa nhà Văn phòng

Vốn điều lệ: 164.040.911.440 VNĐ

24 % **Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco**

SUCCESS

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY NĂM 2018

1. Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2018

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt công việc điều hành hoạt động SXKD khi doanh thu đạt 11.092 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 183 tỷ đồng, vượt kế hoạch lần lượt là 23% và 2%. Ngoài ra, để có được kết quả kinh doanh khả quan trên cũng phải kể đến sự nỗ lực hết sức của các Công ty thành viên, với hầu hết các đơn vị đều có tỷ lệ hoàn thành kế hoạch cao, ngoại trừ một số đơn vị ở mảng phân phối điện tử do có sự cạnh tranh quyết liệt từ thị trường. Phát triển ra ngoài ngành Dầu khí tiếp tục là động lực phát triển của PETROSETCO, nhờ sự đóng góp này mà mặc dù thị trường Dầu khí kém sôi động nhưng các mảng dịch vụ như đời sống, dịch vụ bất động sản, logistics, lao động…đều có sự tăng trưởng ấn tượng và đóng góp tỷ trọng ngày càng cao vào cơ cấu doanh thu, lợi nhuận của Tổng công ty.

2. Đánh giá về kết quả thực hiện các định hướng của HĐQT

2.1. Mở rộng danh mục phân phối

Việc mở rộng danh mục phân phối được PETROSETCO triển khai trong nhiều năm qua, tuy nhiên trong thời gian qua, rất nhiều thương hiệu gia nhập thị trường Việt Nam, trong đó nhiều thương hiệu có tiềm lực không cao. Trên cơ sở đó, HĐQT đã đề ra chủ trương mở rộng danh mục phân phối trên cơ sở có đánh giá, chọn lọc kỹ càng. Trong năm 2018, ban điều hành đã thực hiện rất tốt chủ trương này. Nhiều thương hiệu có hiệu quả kinh doanh chưa cao đã được sàng lọc và chấm dứt kinh doanh, đồng thời các thương hiệu mới đưa vào hệ thống phân phối của PETROSETCO, tuy chưa nhiều về mặt số lượng nhưng HĐQT đánh giá rất cao về mặt chất lượng và tiềm năng mang lại.

2.2. Phát triển ra ngoài ngành Dầu khí

Trong năm 2018, định hướng phát triển ra ngoài ngành Dầu khí được Ban điều hành chỉ đạo quyết liệt và các đơn vị thành viên đã đẩy mạnh triển khai và đạt được nhiều kết quả cụ thể như sau:

- Doanh thu thị trường ngoài ngành Dầu khí đạt 9.314 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 85% doanh tu toàn Tổng công ty (so với mức 83% cùng kỳ năm trước). Lợi nhuận trước thuế thị trường ngoài ngành Dầu khí đạt 103 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 56% (so với mức 50% cùng kỳ năm trước).
- Việc cung cấp dịch vụ đời sống cho 10/12 công trình mới trong năm 2018 là từ thị trường ngoài ngành, trong đó PETROSETCO cung cấp cho nhiều lĩnh vực mới như: hệ thống các trường học, các công ty cảng… Đối với dịch BĐS cũng chứng kiến hàng loạt khách hàng ngoài ngành mới như: các khu dân cư Rio Vista, Park Riverside, ngân hàng SCB…

2.3. Đa dạng hóa các dịch vụ cung cấp

Song hành với phát triển ra ngoài ngành Dầu khí chính là việc đa dạng hóa chuỗi dịch vụ cung cấp. Chính sách này đã được triển khai tương đối tốt trong năm 2018. Các mảng hoạt động của PETROSETCO trong năm qua đều đưa ra các dịch vụ mới. Trong đó, các dịch vụ mới mang lại hiệu quả cao như: dịch vụ cung ứng lao động, dịch vụ cho thuê xe, dịch vụ sửa chữa, bảo trì cho các khu dân cư…Ngoài ra, trong cùng một loại hình dịch vụ, thì các đơn vị của PETROSETCO cũng đã xây dựng được nhiều mô hình khác nhau giúp cung cấp linh hoạt cho các đối tượng khách hàng khác nhau.

3. Đánh giá về giá trị mang lại cho các bên liên quan.

Bên liên quan	Giá trị mang lại
Cổ đông	+ Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2018: 183 tỷ đồng, vượt 2% kế hoạch. + Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) năm 2018: 1.243 đồng/cổ phiếu; + Chi trả cổ tức năm 2017 trong quý II/2018 với tỷ lệ 12%, bằng tiền mặt.
Khách hàng	+ Các dịch vụ cung cấp cho khách hàng không ngừng được hoàn thiện và cải tiến, trong đó đơn vị thành viên PSA được bầu chọn là Thương hiệu quốc gia trong lĩnh vực quản lý BĐS. + PETROSETCO cung cấp, bổ sung thêm nhiều sản phẩm dịch vụ mới giúp đáp ứng các yêu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng như: cung ứng nhân sự cấp cao, dịch vụ hàng hải, dịch vụ bảo trì khu dân cư, văn phòng, dịch vụ suất ăn trường học, các sản phẩm công nghệ cao như Smarthome, các giải pháp về CNTT… + Các dịch vụ của PETROSETCO gắn liền khá sát sao với sức khỏe, sự an toàn của khách hàng như dịch vụ vận hành BĐS, dịch vụ ăn uống, vận chuyển… tuy nhiên trong năm 2018 vừa qua, PETROSETCO không để xảy ra bất cứ sự cố nào gây mất an toàn cho khách hàng.
Người lao động của Tổng công ty	+ Trong năm 2018, PETROSETCO đã triển khai thực hiện 3.318 lượt đào tạo cho CBCNV trong toàn Tổng công ty với kinh phí hơn 6,9 tỷ đồng. + Thu nhập bình quân trong năm 2018 của người lao động đạt mức 11,6 triệu đồng/người/tháng.
Cơ quan nhà nước	+ Đóng góp ngân sách nhà nước với số tiền 1.661 tỷ đồng. Tài trợ nhiều chương trình do các cơ quan ban ngành tổ chức.
Cộng đồng	+ Chi số tiền cho công tác an sinh xã hội 2,5 tỷ đồng
Môi trường	+ Các tòa nhà, công trình BĐS do PETROSETCO quản lý vận hành luôn có triển khai đánh giá tác động môi trường. + Là đơn vị cung cấp dịch vụ có sử dụng nhiều điện, nước, thực phẩm nên PETROSETCO hàng năm đều kêu gọi người lao động, khách hàng sử dụng tiết kiệm điện, nước, thực phẩm để góp phần bảo vệ môi trường. Biểu ngữ kêu gọi được đặt tại các bếp ăn, các văn phòng, các tòa nhà… Ngoài ra, hằng năm PETROSETCO đều đặt Poster kêu gọi hưởng ứng giờ trái đất tại các tòa nhà, công trình do mình quản lý.

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT 2018

1. Số lượng các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Phùng Tuấn Hà	CT.HĐQT	09/04/2015	10/10	100%
2	Ông Vũ Tiến Dương	UVHĐQT	15/04/2014	10/10	100%
3	Ông Kim Kang Ho	UVHĐQT	27/04/2018	7/10	70%
4	Bà Lê Thị Chiến	UVHĐQT	05/04/2013	10/10	100%
5	Bà Phạm Thị Hồng Điệp	UVHĐQT	01/01/2016	10/10	100%

2. Hoạt động của các thành viên HĐQT

Ông Phùng Tuấn Hà: với chức vụ chủ tịch HĐQT, ông đã trực tiếp chỉ đạo, định hướng hoạt động SXKD đối với Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty. Ngoài ra, ông trực tiếp điều hành các cuộc họp của HĐQT cũng như tham dự các họp quan trọng với các đối tác, khách hàng. Đặc biệt trong giai đoạn ngành Dầu khí gặp nhiều khó khăn, ông quan tâm sát sao đến tình hình kinh doanh của các đơn vị thành viên, kịp thời chỉ đạo, hỗ trợ đơn vị mở rộng ra nhiều mảng kinh doanh ngoài thị trường. Ông đã chủ động chủ trì các cuộc họp định kỳ cũng như các cuộc họp đột xuất, đồng thời tích cực tìm kiếm các cơ hội hợp tác với các đối tác lớn trên thế giới. Bênh cạnh đó ông còn trực tiếp kiêm nhiệm chủ tịch HĐQT và tham gia chỉ đạo điều hành công ty Petrosetco Vũng tàu là đơn vị đông người lao động nhất trong tổng công ty nhằm mục đích cải tiến, đổi mới chất lượng mảng dịch vụ Catering, duy trì ổn định doanh thu, lợi nhuận và thu nhập cho người lao động.

Ông Vũ Tiến Dương: là thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty, ông Vũ Tiến Dương đã tiếp thu các ý kiến chỉ đạo của HĐQT và trực tiếp điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty đúng theo kế hoạch đã đề ra. Ông cũng đã có những đóng góp tích cực trong quá trình hoàn thiện hệ thống quy chế quản trị nội bộ, tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và là cầu nối quan trọng giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty. Ngoài việc chỉ đạo, điều hành chung, ông còn được HĐQT giao nhiệm vụ trực tiếp theo dõi và phát triển mảng phân phối, với trọng tâm là mở rộng danh mục phân phối.

Bà Phạm Thị Hồng Điệp: là thành viên HĐQT kiêm nhiệm, bà đã tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT cũng như đóng góp nhiều ý kiến đối với việc hoàn thiện các Nghị quyết HĐQT đã ban hành. Bà Phạm Thị Hồng Điệp thường xuyên đưa ra các ý kiến tư vấn cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đối với công tác tổ chức, truyền thông, phát triển dịch vụ. Với kinh nghiệm nhiều năm trong ngành dịch vụ bà quan tâm và có nhiều chỉ đạo, đóng góp ý kiến đối với việc phát triển dịch vụ, đặc biệt là việc hoàn thiện, đa dạng hóa chuỗi dịch vụ của PETROSETCO.

Bà Lê Thị Chiến: là thành viên HĐQT độc lập nhưng bà đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT cũng như đóng góp nhiều ý kiến đối với việc hoàn thiện các Nghị quyết HĐQT đã ban hành. Đặc biệt, Bà Lê Thị Chiến còn quan tâm và có nhiều tư vấn, đóng góp cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đối với công tác tài chính, kế toán và kiểm toán. Công tác quản trị rủi ro cũng được Bà Chiến đặc biệt quan tâm và đã có nhiều chỉ đạo, đóng góp ý kiến có liên quan đến vấn đề này trong các cuộc họp của Tổng công ty.

Ông Kim Kang Ho: Được bầu là thành viên HĐQT độc lập từ tháng 4/2018, ông Kim Kang Ho với nền tảng và kinh nghiệm dày dặn trong hoạt động SXKD trong môi trường quốc tế trong năm qua đã giúp hoạt động của HĐQT thêm phần sôi động và chuyên nghiệp với những cuộc thảo luận mang tính thẳng thắn, có tính chất chuyên môn cao. Ngoài ra, với nhiều mối quan hệ từ các công ty quốc tế, ông Kim Kang Ho đã giúp giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ của PETROSETCO và tạo nhiều cơ hội hợp tác giữa PETROSETCO với các đối tác quốc tế, đặc biệt là các doanh nghiệp Hàn Quốc.

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

3. Kết quả hoạt động quản trị

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2018 tiếp tục là năm khó khăn, khi PETROSETCO phải đối mặt với tình hình giá dầu thấp, tỷ giá ngoại tệ tăng, cạnh tranh trong mảng phân phối điện tử càng thêm quyết liệt. Để giải quyết các thách thức đó, Hội đồng Quản trị Tổng công ty đã chỉ đạo Ban Tổng Giám linh hoạt và bám sát trước những diễn biến của thị trường để có những cân chỉnh phù hợp như:

- Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ: tăng cường xúc tiến với các thương hiệu mới, có ý định gia nhập thị trường Việt Nam để triển khai phân phối, tổ chức triển khai các dịch vụ mới có liên quan để đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng và tận dụng hệ thống các nguồn lực sẵn có.
- Tái cơ cấu, tái cấu trúc các mảng kinh doanh có hiệu quả thấp; tập trung hoàn thành các dự án đầu tư trọng điểm.
- Tối ưu hóa chi phí: đây là nội dung mang tính then chốt, quyết định việc PETROSETCO có thể cạnh tranh và mở rộng dịch vụ ra ngoài ngành Dầu khí thành công hay không.
- Đẩy mạnh việc mở rộng ra ngoài ngành và tiếp cận các thị trường mới, đồng thời tăng cường công tác rủi ro từ các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2018, Ban điều hành đã thực hiện rất tốt chủ trương trên của Hội đồng Quản trị Tổng công ty, góp phần mang lại những kết quả kinh doanh khả quan trong năm 2018.

Hoạt động đầu tư

Hội động quản trị đã chỉ đạo tập trung thực hiện các dự án trọng điểm, trong đó: Tập trung hoàn thành sớm, bàn giao đúng hạn cho khách hàng, khẩn trương hoàn thành công tác thanh, quyết toán đối với dự án Khu dân cư số 41D tại Tp Vũng Tàu. Tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của thành viên góp vốn để sở hữu 20% vốn tại Công ty TNHH Nghỉ dưỡng Quốc tế Vịnh Hòa Emerald Bay.

Hoạt động thu xếp và sử dụng vốn

Đã chỉ đạo Ban điều hành kịp thời làm việc với các tổ chức tín dụng để thu xếp nguồn vốn kinh doanh cho các đơn vị thành viên với dư nợ khoảng 2.000 tỷ đồng. Trong đó, HĐQT đã ban hành nhiều Nghị quyết thông qua nội dung cấp bảo lãnh vay vốn cho các đơn vị như PSD; Smartcom; PHTD; POTS; PSMT… tại các tổ chức tín dụng.
Có thể nói trong năm qua, nhu cầu vốn của Petrosetco cơ bản được thu xếp ổn thỏa, kịp thời, đáp ứng được yêu cầu của hoạt động SXKD.

Công tác tái cấu trúc Tổng Công ty

Năm 2018, Hội đồng Quản trị Tổng công ty tiếp tục thực hiện một số công tác tái cấu trúc Tổng công ty, cụ thể như: Thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Công nghệ ASSA (VĐL 45 tỷ đồng, Petrosetco góp 60%, triển khai thoái vào đầu năm 2018). Thoái toàn bộ vốn tại Công ty CP Vận chuyển và Xếp dỡ cấu kiện siêu trường siêu trọng – Pet Ale (VĐL: 10 tỷ đồng, Petrosetco góp 51%). Cả hai đơn vị này đều có hiệu quả kinh doanh thấp và tiềm năng phát triển không cao. Hoàn thiện thủ tục pháp lý góp 20% vốn vào Công ty TNHH Nghỉ dưỡng Quốc tế Vịnh hòa Emearl Bay theo nghị quyết số 22/DVTHDK-NQ ngày 09/7/2018.

III. ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

1. Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT

Trong năm 2018, HĐQT đã hoạt động tích cực, tuân thủ các quy định chung đối với hoạt động của HĐQT, chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ hoạt động của BĐH trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã đề ra.
Công tác quản trị tiếp tục được minh bạch hóa. Các thành viên HĐQT độc lập đều giữ vị trí lãnh đạo lâu năm, có uy tín cao, có bề dày kinh nghiệm sâu và mạng lưới quan hệ rộng rãi. Trong năm 2018, các thành viên này đã đóng góp, hỗ trợ đắc lực về mặt định hướng, phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới và phát triển thị trường mới.

2. Đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2018, HĐQT Tổng công ty đã tổ chức các cuộc họp thường xuyên và định kỳ theo đúng quy định của Điều lệ hoạt động và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, việc này góp phần giúp cho Hội đồng quản trị có những quyết sách kịp thời, minh bạch và phù hợp với chiến lược phát triển và nhu cầu hoạt động động của Tổng công ty. Các thành viên HĐQT đã đưa ra các quyết định, chỉ đạo điều hành hoạt động kinh doanh theo đúng Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thường niên 2018 thông qua.

HĐQT đã có những chủ trương và ban hành các Nghị quyết chỉ đạo hoạt động của Tập đoàn trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT được ban hành theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự và thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, phù hợp với thực tiễn kinh doanh, đáp ứng được yêu cầu quản trị và nhu cầu phát triển kinh doanh cũng như chiến lược của Petrosetco.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Phương pháp giám sát

HĐQT thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc:
- Theo dõi việc hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng trong năm mà Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã cam kết;
- Yêu cầu Tổng Giám đốc và Ban Điều hành thực hiện báo cáo kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động của Tổng công ty hàng tháng và hàng quý;
- Tham gia vào các cuộc buổi họp giao ban định kỳ hay đột xuất của Tổng công ty nhằm theo sát tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

2. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2018, Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt việc điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, cụ thể:
- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai tốt các chủ trương từ Hội đồng Quản trị với tinh thần quyết liệt ngay từ đầu năm.
- Đối với việc ra quyết định đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị thì Ban Tổng Giám đốc đã có những giải trình, tham mưu rất chi tiết giúp tạo sự đồng thuần cao và nhanh chóng trong việc ra quyết định của Hội đồng Quản trị.
- Dù áp lực về huy động vốn cho hoạt động thương mại và phân phối cũng như cho các dự án đầu tư là rất lớn nhưng trong năm qua Ban điều hành đã chủ động trong việc điều phối cân đối nguồn tài chính đảm bảo cho sản xuất kinh doanh, và chi trả các dự án đầu tư.

- Trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện sự phối hợp chỉ đạo tương đối tốt, nhạy bén trong các quyết định kinh doanh, hỗ trợ, tháo gỡ kịp thời các khó khăn cho các đơn vị thành viên.

Kết luận: Kết quả của năm 2018 đã minh chứng cho nỗ lực, sáng tạo không ngừng của tập thể Ban Điều hành Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí trong việc quyết tâm tìm kiếm mặt hàng phân phối mới, khai phá thị trường ra ngoài ngành nhằm tiếp tục đưa Tổng công ty trở thành đơn vị cung cấp dịch vụ phân phối và dịch vụ dầu khí tốt nhất trong cả nước.

V. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2019

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019

Chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung quốc và giữa Mỹ với một số nước sẽ gây ra tình hình bất ổn kinh tế trên toàn cầu. Chính lý do cuộc chiến thương mại toàn cầu chưa kết thúc và sẽ tác động nên nền kinh tế toàn cầu, vốn đang yếu dần và tác động không nhỏ tới hệ thống thương mại toàn cầu cũng như làm tổn hại đầu tư kinh doanh tới thị trường Việt nam. Chính phủ đã đặt ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2019 đạt mức 6,8%, tuy nhiên với những tín hiệu bất ổn toàn cầu trong những tháng đầu năm chúng ta có thể dự đoán rằng tăng trưởng kinh tế trong nước sẽ cũng gặp nhiều khó khăn. Dự đoán những khó khăn trên cũng là những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động SXKD của PETROSETCO trong năm 2019. Mặc dù giá dầu thô thế giới có tăng nhưng vẫn ở mức thấp (quanh ngưỡng 60 usd/thùng), tỷ giá ngoại tệ có thể biến động khó lường, tình hình thị trường, tình hình cạnh tranh vẫn diễn ra ngày càng quyết liệt. Trên cơ sở những phân tích đó, HĐQT PETROSETCO đưa ra các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 mang tính thận trọng, chắc chắn, các chỉ tiêu kế hoạch 2019 cơ bản như sau:

ĐVT: Tỷ VNĐ

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tỷ lệ %
	1	2	3= (2)/(1)
Doanh thu (thuần) hợp nhất	11,092	**9,050**	82%
Lợi nhuận trước thuế	183	**180**	98%
Lợi nhuận sau thuế	130	**135**	104%
Vốn điều lệ	866	**866**	100%
Tỷ lệ cổ tức tối thiểu	10%	**10%**	100%
Kế hoạch đầu tư của công ty mẹ	52,7	**116,1**	220%

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

2. Định hướng hoạt động năm 2019

- Tiếp tục định hướng mở rộng danh mục phân phối thông qua việc xúc tiến, tìm kiếm các đối tác, thương hiệu từ các nước trên thế giới, đồng thời xem xét phân phối các thương hiệu trong nước có tiềm năng.
- Ổn định hoạt động phân phối hạt nhựa PP và khí hóa lỏng LPG bằng việc tập trung vào khối khách hàng sản xuất cũng như chuyển dần sang hoạt động chế biến các sản phẩm từ các mặt hàng này.
- Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành quyết liệt hơn nữa trong định hướng mở rộng hoạt động Sản xuất kinh doanh ra thị trường ngoài ngành Dầu khí đối với các mảng như dịch vụ đời sống, dịch vụ logistics, dịch vụ bất động sản, dịch vụ lao động… xem đây là động lực cho sự tăng trưởng của PETROSETCO.
- Mở rộng và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ và các sản phẩm để cung cấp cho thị trường.
- Nâng cao công tác quản trị công ty theo chuẩn quốc tế, đồng thời nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro trong quản trị tài chính, kế toán kiểm toán, quản lý rủi ro doanh nghiệp .
- Tiếp tục rà soát cơ cấu lại bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, tăng năng suất và tăng thu nhập cho người lao động.
- Tập trung công tác đào tạo, phát triển đội ngũ nhân lực đáp ứng yêu cầu thực tế công việc.
- Đầu tư mở rộng hệ thống cơ sở vật chất phục vụ cho việc phát triển ra thị trường ngoài ngành.
- Đảm bảo huy động đủ vốn, đồng thời quản lý và sử dụng vốn an toàn, hiệu quả, đúng mục đích, kiểm soát tốt chi phí.
- Thực hiện chăm lo đời sống cho cán bộ công nhân viên; xây dựng văn hóa doanh nghiệp và tác phong làm việc ngày càng chuyên nghiệp hơn.
- Nâng cao công tác quản trị công ty theo chuẩn quốc tế, đồng thời nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro trong quản trị tài chính, kế toán kiểm toán, quản lý rủi ro doanh nghiệp;
- Tiếp tục phát huy các nền tảng đã xây dựng trong những năm qua để tăng trưởng bền vững về kinh doanh, xây dựng nguồn nhân lực vững mạnh và phát triển công nghệ vì cộng đồng cũng như nâng cao ý thức về môi trường cho CBNV.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHÙNG TUẤN HÀ

CÁC NGHỊ QUYẾT HĐQT ĐÃ BAN HÀNH TRONG NĂM 2018

1	01/NQ-DVTHDK	03/01/2018	Về việc tái cấu trúc các đơn vị thành viên Tổng Công Ty
2	02/NQ-DVTHDK	02/01/2018	Về Phương án nhân sự các đơn vị thành viên
3	03/NQ-DVTHDK	08/01/2018	Về việc cấp bảo lãnh cho Công ty Cổ Phần Hội tụ Thông minh (Smartcom) được cấp hạn mức tín dụng tại NH TMCP Đại Chúng Việt Nam – CN HCM
4	04/NQ-DVTHDK	15/01/2018	Cấp bảo lãnh cho công ty Cổ Phần Dịch vụ Phân Phối Tổng hợp Dầu khí được cấp tín dụng tại NH ANZ –CN HCM
5	04B/ NQ-DVTHDK	15/01/2018	Cấp bảo lãnh cho công ty Cổ Phần Dịch vụ Phân Phối Tổng hợp Dầu khí được cấp tín dụng tại NH TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – CN HCM
6	05/NQ-DVTHDK	09/02/2018	Góp vốn vào công ty TNHH Petrosetco-SSG
7	06/NQ-DVTHDK	08/03/2018	Công tác Cán bộ tại các đơn vị thành viên
8	07/NQ-DVTHDK	19/03/2018	Cấp bảo lãnh cho công ty Cổ Phần Phân Phối sản phẩm công nghệ cao Dầu khí (PHTD) được cấp hạn mức tại NH TMCP Quân đội - CN Sài Gòn
9	08/NQ-DVTHDK	27/03/2018	Cấp bảo lãnh cho công ty Cổ phần Thương mai Dịch vụ Dầu khí Miền trung được nâng cấp hạn mức tín dụng tại NH TMCP Kỹ thương Việt nam – CN Quảng Ngãi
10	09/NQ-DVTHDK	02/04/2018	Về việc công tác cán bộ tại PSV
11	10/NQ-DVTHDK	03/04/2018	Về việc đề nghị bổ nhiệm lại cán bộ quản lý Petrosetco
12	11/NQ-DVTHDK	16/04/2018	Cấp bảo lãnh cho công ty Cổ phần Thương mai Dịch vụ Dầu khí Miền trung được nâng hạn mức tín dụng tại NH TMCP Đại Chúng Việt Nam – CN Quảng Ngãi
13	12/NQ-DVTHDK	19/04/2018	Về việc tăng hạn mức bảo lãnh cho công ty Cổ phần Thương mại và Dịch Vụ Dầu Khí biển được cấp hạn mức tín dụng tại Vietinbank – Chi nhánh 7
14	13/NQ-DVTHDK	27/04/2018	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

15	14/NQ-DVTHDK	28/05/2018	Về việc công tác cán bộ tại Công ty PHTD
16	15/NQ-DVTHDK-ĐHĐCĐ	29/05/2018	Về việc thông qua chủ trương mua cổ phiếu quỹ năm 2018
17	16/NQ-DVTHDK	07/06/2018	Lựa chọn Công Ty Kiểm toán năm 2018
18	17/NQ-DVTHDK	07/06/2018	Về việc bảo lãnh cho công ty Cổ Phần Phân Phối sản phẩm công nghệ cao Dầu khí (PHTD) được nâng cấp han mức tín dụng tại Ngân hàng Vietinbank – CN 7
19	18/NQ-DVTHDK	12/06/2018	Về việc công tác cán bộ tại Công ty TNHH Nghỉ dưỡng Quốc tế Vịnh Hòa Emerald Bay
20	19/NQ-DVTHDK	06/06/2018	Cấp bảo lãnh cho công ty Cổ Phần Phân Phối sản phẩm công nghệ cao Dầu khí được Nâng cấp hạn mức tín dụng tại NH Vietcombank CN HCM
21	20/NQ-DVTHDK	20/06/2018	Về việc Công tác nhân sự tại PSV
22	21/NQ-DVTHDK	09/07/2018	Về Việc bảo lãnh cho công ty cổ phần Thương mại Và Dịch vụ Dầu khí biển được nâng hạn mức cấp tín dụng tại Vietcombank – CN HCM
23	22A/NQ-DVTHDK	09/07/2018	Về việc đề nghị phê duyệt quy hoạch cán bộ nguồn của Petrosetco giao đoạn 2020-2025
24	22B/NQ-DVTHDK	25/07/2018	Về việc bảo lãnh cho Công ty PHTD được cấp hạn mức tín dụng tại ngân hàng TMCP Quân đội – CN Sài gòn
25	23/NQ-DVTHDK	30/07/2018	Về việc bảo lãnh cho công ty Hội tụ Thông minh được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Sài gòn
26	24/ NQ-DVTHDK	02/08/2018	Về hoạt động của Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh
27	25/NQ-DVTHDK	08/08/2018	Về phương án nhân sự Tổng công ty các đơn vị thành viên
28	26/NQ-DVTHDK	09/08/2018	Về việc đề nghị bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc Petrosetco

29	27/NQ-DVTHDK	10/08/2018	Về việc giao đại diện phần vốn của Tổng công ty tại công ty PHTD
30	28/NQ-DVTHDK	29/08/2018	Về việc xin cấp bảo lãnh cho POTS được cấp hạn mức tín dụng tại NH PVcombank
31	29/NQ-DVTHDK	30/08/2018	Về việc xin cấp bảo lãnh cho POTS được cấp hạn mức tín dụng tại NH TMCP Quân đội CN Sài Gòn
32	30/NQ-DVTHDK	13/09/2018	Về việc cấp Bảo Lãnh cho công ty cổ phần điện tử điện lạnh Bình Minh được cấp hạn mức tín dụng tại ngân hàng Vietinbank-CN7
33	31/NQ-DVTHDK	15/10/2018	Về việc bảo lãnh cho công ty Hội tụ Thông minh được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam – CN HCM
34	32/NQ-DVTHDK	25/10/2018	Về việc bảo lãnh cho công ty PSD được cấp hạn mức tín tại ngân hàng TMCP Quân đội-CN Sài gòn
35	33/NQ-DVTHDK	21/11/2018	Về việc bảo lãnh cho công ty cổ phần dịch vụ phân phối Tổng hợp dầu khí được cấp hạn mức tại NH TMCP Tiên Phong –CN Bến Thành
36	34/NQ-DVTHDK	20/12/2018	Hội nghị Người lao động và Tổng kết HĐ SXKD năm 2018, triển khai kế hoạch năm 2019 của Tổng công ty CP DV TH DK

Báo cáo của ban Tổng giám đốc

1. TỔNG QUAN

Năm 2018, nền kinh tế thế giới có nhiều biến động do diễn biến phức tạp của tình hình chính trị thế giới. Đáng chú ý là làn sóng bảo hộ lan rộng mà điển hình là chiến tranh thương mại giữa hai cường quốc là Mỹ và Trung Quốc. Giá dầu thế giới cũng có một năm biến động mạnh với biên độ giảm hơn 30% chỉ riêng vào 2 tháng cuối năm.

Tình hình trong nước, theo các báo cáo của các tổ chức và chính phủ, nền kinh tế ghi nhận những dấu hiệu tích cực khi tăng trưởng GDP đạt mức 7,08%- đạt mức cao nhất trong 10 năm qua, đồng thời chỉ số lạm phát được giữ ở mức 3,54%. Tuy nhiên, đóng góp tích cực vào sự tăng trưởng này do phần lớn là các doanh nghiệp FDI- đã tạo ra hơn 50% giá trị khối lượng hàng công nghiệp, và 75% kim ngạch xuất nhập khẩu.

Về phía PETROSETCO, là doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực dịch vụ dầu khí và phân phối thiết bị viễn thông, Tổng công ty chịu tác động khá lớn từ tình hình kinh tế vĩ mô nêu trên. Thứ nhất, tình hình giá dầu vẫn giữ ở mức thấp, trong năm 2018 ngành dầu khí không có nhiều những dự án mới khiến hoạt động cung cấp dịch vụ dầu khí gặp nhiều khó khăn. Thứ hai, chiến tranh thương mại Mỹ-Trung là nguyên nhân dẫn đến tỷ giá ngoại tệ tăng khiến cho hoạt động cung cấp VTTB dầu khí và hoạt động phân phối thiết bị viễn thông bị giảm hiệu quả. Thứ ba, ngành hàng IT có dấu hiệu bão hòa, sức mua thấp, chính sách chiết khấu bán hàng của các Hãng IT thay đổi cũng đã tạo ra sự cạnh tranh quyết liệt đối với các hoạt động kinh doanh của các công ty phân phối trong nước nói chung và PETROSETCO nói riêng.

Báo cáo của ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

2. KẾT QUẢ CHUNG NĂM 2018

Kết thúc năm 2018, PETROSETCO ghi nhận doanh thu (thuần) hợp nhất đạt 11.092 tỷ đồng, vượt 23% kế hoạch đề ra và tăng trưởng 4% so với cùng kỳ. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 183 tỷ đồng, vượt 2% kế hoạch đề ra và giảm 9% so với cùng kỳ năm trước. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu đạt 1.243 đồng, bằng 92% kế hoạch năm và bằng 91% cùng kỳ năm trước.

Chỉ tiêu	Đvt	TH 2017	KH 2018	TH 2018	Tỷ lệ (%)	
					So thực hiện cùng kỳ	So kế hoạch năm
Tổng tài sản	Tỷ đồng	6,173	5,500	**5,563**	90%	101%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	10,703	9,000	**11,092**	104%	123%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	202	180	**183**	91%	102%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	144	135	**130**	90%	96%
EPS	Đồng	1,361	1,350	**1,243**	91%	92%

3. KẾT QUẢ THEO MẢNG KINH DOANH

Về doanh thu: Dịch vụ phân phối đóng vai trò chủ đạo với tỷ trọng 72%, tiếp theo là mảng dịch vụ cung ứng và hậu cần với tỷ trọng 14%, mảng dịch vụ đời sống đóng góp tỷ trọng 9% và mảng dịch vụ bất động sản là 6%.

Về lợi nhuận: Dịch vụ phân phối có tỷ trọng lớn nhất với 28%, tuy nhiên cách biệt so với các mảng khác là không lớn, mảng dịch vụ đời sống theo sau với 26% đóng góp, tiếp theo là dịch vụ bất động sản với tỷ trọng 25%, và cuối cùng là cung ứng và hậu cần với tỷ trọng 21%.

Cơ cấu doanh thu

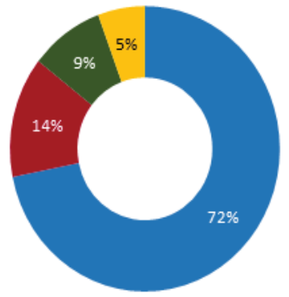

Cơ cấu lợi nhuận

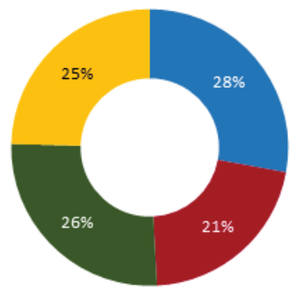

Dịch vụ phân phối | Dịch vụ cung ứng và hậu cần | Dịch vụ đời sống | Dịch vụ bất động sản

ĐVT: TỶ VNĐ

Chỉ tiêu	TH 2017	KH 2018	TH 2018	Tỷ trọng 2018	Tỷ lệ (%)	
					So cùng kỳ	So kế hoạch
Tổng doanh thu (thuần)	10,703	9,000	**11,092**	100%	104%	123%
Dịch vụ phân phối	8,622	7,150	**8,005**	72%	93%	112%
Dịch vụ cung ứng và hậu cần	804	750	**1,500**	14%	187%	200%
Dịch vụ đời sống	813	650	**971**	9%	119%	149%
Dịch vụ bất động sản	464	450	**616**	6%	133%	137%
Lợi nhuận trước thuế	202.0	180.0	**183.0**	100%	91%	102%
Dịch vụ phân phối	62.6	59.0	**51.0**	28%	81%	86%
Dịch vụ cung ứng và hậu cần	50.0	38.0	**39.0**	21%	78%	103%
Dịch vụ đời sống	45.6	42.0	**48.0**	26%	105%	114%
Dịch vụ bất động sản	43.8	41.0	**45.0**	25%	103%	110%

4. PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÁC MẢNG NĂM 2018

DỊCH VỤ PHÂN PHỐI:

Bao gồm phân phối thiết bị điện tử, viễn thông và các sản phẩm hoá dầu.
- Phân phối thiết bị điện tử được triển khai bởi 03 đơn vị thành viên là: Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (PSD); Công ty Cổ phần Hội Tụ Thông Minh (Smartcom) và Công ty CP Phân phối Sản phẩm Công nghệ Cao Dầu khí (PHTD).
- Phân phối sản phẩm hóa dầu do Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung (PSMT) triển khai thực hiện.

Trong năm qua mảng dịch vụ phân phối đạt 8.005 tỷ đồng doanh thu, vượt 12% kế hoạch và giảm 7% so với cùng kỳ, lợi nhuận mảng này đạt 51 tỷ đồng, bằng 86% kế hoạch và bằng 81% so với cùng kỳ. Trong đó:

ĐVT: TỶ VNĐ

Chỉ tiêu	TH 2017	KH 2018	TH 2018	Tỷ trọng 2018	Tỷ lệ (%)	
					So cùng kỳ	So kế hoạch
Tổng doanh thu	**8,622**	**7,150**	**8,005**	**100%**	**93%**	**112%**
Điện tử	7,402	6,050	6,341	79%	86%	105%
Sản phẩm hóa dầu	1,220	1,100	1,664	21%	136%	151%
Tổng lợi nhuận	**62.6**	**59.0**	**51.0**	**100%**	**81%**	**86%**
Điện tử	54.3	51.0	41.9	82%	77%	82%
Sản phẩm hóa dầu	8.3	8.0	9.1	18%	110%	114%

Phân phối thiết bị điện tử: Theo báo cáo của tổ chức JFK, trong năm 2018 thị trường IT consumer giảm khoảng 20%, so với năm 2017 và có khả năng tiếp tục giảm 15-20% năm 2019 do thị trường bão hòa, nhu cầu máy tính cá nhân, notebook và máy tính bảng giảm dẫn đến cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các thương hiệu và các nhà phân phối. Thị trường giảm do một phần trong những năm vừa qua các hệ thống chuỗi retails như TGDĐ, FPT, VTA mở ra ồ ạt, lượng hàng bán ra từ các hãng và nhà phân phối chủ yếu để lấp vào các cửa hàng chuỗi nhưng sức mua không tăng dẫn đến sự tăng trưởng ảo của ngành. Điểm sáng của mảng phân phối điện tử là ngành hàng điện thoại Samsung do Petrosetco phân phối tăng trưởng 7% so với năm 2017. Trước tình hình trên, PETROSETCO chỉ đạo các đơn vị bám sát thị trường, tiếp tục mở rộng danh mục phân phối thông qua việc tìm kiếm các thương hiệu có tiềm lực, có thị hiếu phù hợp với thị trường Việt Nam, đồng thời mở rộng và phát triển mảng IT dành cho các tổ chức và doanh nghiệp (B2B), song song với việc liên tục rà soát loại dần các sản phẩm, thương hiệu phân phối có **n**hiều rủi ro và có hiệu quả thấp. Kết quả doanh thu mảng này đạt 6.341 tỷ đồng, vượt 5% kế hoạch và giảm 14% so với cùng kỳ năm trước (mức giảm của Petrosetco vẫn thấp hơn mức giảm của toàn thị trường là 20%). Tuy nhiên lợi nhuận mảng này chưa đạt kỳ vọng khi chỉ ở mức 41,9 tỷ đồng, đạt 82% kế hoạch. Nguyên nhân của vấn đề này là do tình hình cạnh tranh khi thị trường suy giảm và một phần do biến động tỷ giá ngoại tệ trong năm cũng như do PETROSETCO tiến hành cơ cấu lại danh mục phân phối, khiến cho hiệu quả kinh doanh giảm.

PETROSETCO và hệ thống phân phối với hơn 1.500 khách hàng đại lý.

Phân phối sản phẩm hoá dầu: bao gồm phân phối hạt nhựa PP và khí hoá lỏng LPG. Mảng kinh doanh này phụ thuộc khá nhiều vào tình hình giá dầu thế giới. Trong năm 2018 vừa qua, giá dầu ổn định trong 6 tháng đầu năm, tuy nhiên trong 6 tháng cuối năm, giá dầu biến động mạnh, đặc biệt giảm hơn 20 usd/thùng trong 2 tháng cuối năm. Giá dầu biến động, kéo theo giá PP và khí hóa lỏng LPG cũng biến động theo khiến cho việc tiêu thụ gặp nhiều khó khăn do khách hàng có tâm lý chờ giá dầu ổn định mới nhập hàng. Tuy nhiên là đơn vị bao tiêu sản phẩm PP, LPG của nhà máy lọc dầu Dung Quất khoảng 10 năm nay nên PETROSETCO có lợi thế là còn nguồn cung hàng ổn định, điều này được khách hàng đánh giá cao, đặc biệt là khối khách hàng sản xuất. Do đó, thời gian qua PETROSETCO tập trung chủ yếu vào khách hàng sản xuất (end user), dù lợi nhuận không đột biến, nhưng giúp hoạt động kinh doanh được ổn định và giảm thiểu đáng kể rui ro. Ngoài hoạt động phân phối, PETROSETCO cũng giành một phần sản lượng LPG để kinh doanh gas lẻ và mang lại hiệu quả tốt trong thời gian qua. Kết thúc năm, PETROSETCO tiêu thụ được khoảng 36 nghìn tấn nhựa PP và hơn 30 nghìn tấn khí hóa lỏng LPG, mang lại doanh thu 1.664 tỷ đồng, tăng 36%, và lợi nhuận 9,1 tỷ đồng , tăng 10% so với cùng kỳ.

Báo cáo của ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

DỊCH VỤ CUNG ỨNG VÀ HẬU CẦN:

Bao gồm hoạt động cung ứng VTTB và cung cấp các dịch vụ hậu cần cho ngành Dầu khí.

ĐVT: TỶ VNĐ

Chỉ tiêu	TH 2017	KH 2018	TH 2018	Tỷ trọng 2018	Tỷ lệ (%)	
					So cùng kỳ	So kế hoạch
Tổng doanh thu	**804**	**750**	**1,500**	**100%**	**187%**	**200%**
Cung ứng VTTB dầu khí	580	550	**1,197**	80%	206%	218%
Dịch vụ hậu cần	224	200	**303**	20%	135%	152%
Tổng lợi nhuận	**50.0**	**38.0**	**39.0**	**100%**	**78%**	**103%**
Cung ứng VTTB dầu khí	23.4	20.0	**20.1**	52%	86%	101%
Dịch vụ hậu cần	26.6	18.0	**18.9**	48%	71%	105%

Cung ứng VTTB: do Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển (POTS) triển khai thực hiện. Mảng kinh doanh này trong thời gian qua gặp nhiều khó khăn khi các dự án mới trong ngành Dầu khí không nhiều, các dự án dự kiến triển khai bị dừng, giãn tiến độ. Bên cạnh đó Môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt, việc đàm phán với nhà cung cấp ngày càng khó khăn, đặc biệt tỷ giá giữa đồng USD và Vietnam đồng biến động mạnh trong năm đã làm ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của đơn vị. Chính những điều này gây áp lực lớn trong công tác đấu thầu cũng như tìm kiếm các nhà cung cấp tiềm năng. Tuy nhiên, bằng uy tín, thương hiệu và sự nỗ lực của mình, PETROSETCO đã triển khai nhiều gói thầu có giá trị lớn như Sao Vàng Đại Nguyệt (16 triệu usd), cung cấp linepipe cho VSP, cung cấp xích neo cho Đại Hùng, cung cấp bơm dầu thô cho dự án Cá Tầm, cung cấp hóa phẩm khoan cho VSP. Ngoài ra, Petrosetco tiếp tục tập trung thực hiện các hợp đồng lớn đã ký kết như hợp đồng cung cấp dịch vụ commisioning 6 năm cho Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn, Dự án DK…Với những kết quả đó đã mang lại doanh thu 1.197 tỷ đồng, bằng 218% kế hoạch năm và 206% so với cùng kỳ. Lợi nhuận đạt 20,1 tỷ đồng, bằng 101% kế hoạch năm và 86% so với cùng kỳ. Dù doanh thu gấp hơn hai lần so với cùng kỳ, nhưng lợi nhuận mảng kinh doanh này giảm 14% có nguyên nhân rất lớn đến từ tỷ giá ngoại tệ tăng, khiến cho giá vốn đầu vào tăng hơn so với dự tính khi chào thầu.

Hoạt động cung ứng VTTB năm 2018 bị tác động mạnh bởi tỷ giá ngoại tệ

Báo cáo của ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

Dịch vụ hậu cần: gồm các dịch vụ như logistics, cung ứng nhân sự, dịch vụ vận chuyển…do Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam (PSL), Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA), Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (PSV) triển khai thực hiện. Thị trường chính của mảng kinh doanh này là ngành Dầu khí nên mảng này Bị ảnh hưởng bởi giá dầu thấp, khiến khối lượng công việc ở mức không cao. PETROSETCO tập trung vào việc kiểm soát chi phí, nâng cao năng suất lao động. Mảng dịch cung ứng lao động có sự phát triển tốt khi PETROSETCO đón nhận xu thế outsource của các đơn vị trong và ngoài nước. Kết thúc năm, doanh thu mảng này đạt 303 tỷ đồng, vượt 52% kế hoạch và tăng trưởng 35%, lợi nhuận đạt 18,9 tỷ đồng, vượt 5% kế hoạch và giảm 29% so với cùng kỳ. Doanh thu tăng mạnh là do sự đóng góp của dịch vụ cung ứng lao động và do hoạt động này có lãi gộp thấp nên lợi nhuận chung của mảng không tăng.

DỊCH VỤ ĐỜI SỐNG

Bao gồm dịch vụ đời sống trên biển, cung cấp suất ăn văn phòng, suất ăn công nghiệp và cung cấp thực phẩm. Mảng kinh doanh này do các đơn vị Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (PSV) và Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA) triển khai thực hiện.

ĐVT: TỶ VNĐ

Chỉ tiêu	TH 2017	KH 2018	TH 2018	Tỷ trọng 2018	Tỷ lệ (%)	
					So cùng kỳ	So kế hoạch
Tổng doanh thu	**813**	**650**	**971**	**100%**	**119%**	**149%**
Dịch vụ đời sống	751	600	**901**	93%	120%	150%
Cung ứng thực phẩm	62	50	**70**	7%	113%	140%
Tổng lợi nhuận	**45.6**	**42.0**	**48.0**	**100%**	**105%**	114%
Dịch vụ Catering	43.8	40.0	**45.0**	94%	103%	113%
Cung ứng thực phẩm	1.8	2.0	**3.0**	6%	167%	150%

PETROSETCO tiếp tục giữ vững vị thế với 95% thị phần trong ngành dầu khí. Tuy nhiên, thị trường trong ngành Dầu khí hầu như không tăng trưởng do giá dầu thấp nên các công trình mới hầu như rất ít. Do đó, thời gian qua PETROSETCO đã đẩy mạnh phát triển ra thị trường ngoài ngành. Chính sách này đã giúp PETROSETCO tận dung được ưu thế quy mô, cũng như thương hiệu đã có lâu năm và bước đầu phát huy được hiệu quả của nó. Kết thúc năm, mảng kinh doanh này mang lại doanh thu 971 tỷ đồng, tăng trưởng 19% và lợi nhuận 48 tỷ đồng, tăng trưởng 5%.

Một số công trình mới nổi bật trong năm: giàn Hakuruy 5, Hakuruy 11, giàn Metro 1 (ở Malaysia), Công ty liên doanh dịch vụ container quốc tế Cảng Sài gòn- SSIT, Công ty Cảng quốc tế Cái mép CMIT, Công ty hóa chất AGC Việt nam, văn phòng Petronas. Bên cạnh đó, Petrosetco phát triển mạnh vào thị trường suất ăn trường học với một loạt hợp đồng mới trong năm như: hệ thống trường Ischool; hệ thống trường tiểu học, cao đẳng, đại học FPT; trường THCS và THPT Phạm Văn Đồng…

DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

Bao gồm dịch vụ quản lý bất động sản và hoạt động kinh doanh, khai thác bất động sản. Mảng kinh doanh này do các đơn vị Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA) và Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển (POTS) triển khai thực hiện.

Mảng quản lý BĐS: Mảng kinh doanh này năm qua gặt hái được nhiều thành công, khi PETROSETCO liên tục mở rộng danh mục các công trình triển khai quản lý vận hành. Tính thời điểm hiện tại, PETROSETCO đang vận hành hơn một chục công trình trong ngành Dầu khí và hơn 20 công trình ngoài ngành trên địa bàn trải dài khắp cả nước. Một số công trình mới tiêu biểu trong năm 2018 như: Khu cư dân Valencia Garden tại Quận Long Biên – Hà Nội và Khu cư dân River Park và Rio Vista tại Quận 9 – TP.HCM, Tòa nhà 25 Lý Thường Kiệt – Hà Nội, Tòa nhà 12 Hàm Nghi – TP.HCM, Chi nhánh Ngân Hàng Nhà nước tại số 8 Võ Văn Kiệt – Tp. HCM. Ngoài ra, nhằm đa dạng hóa và hoàn thiện chuỗi dịch vụ BĐS của mình, Petrosetco đã ký đã đạt được thỏa thuận với Vinhomes để trở thành đơn vị cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa cho cư dân tại 2 dự án là Vinhomes Central Park, Vinhomes Golden River.

ĐVT: TỶ VNĐ

Chỉ tiêu	TH 2017	KH 2018	TH 2018	Tỷ trọng 2018	Tỷ lệ (%)	
					So cùng kỳ	So kế hoạch
Tổng doanh thu	**464**	**450**	**616**	**100%**	**133%**	**137%**
Quản lý BĐS	276	270	**316**	51%	114%	117%
KD và Khai thác BĐS	188	180	**300**	49%	160%	167%
Tổng lợi nhuận	**43.8**	**41.0**	**45.0**	**100%**	**103%**	**110%**
Quản lý BĐS	27.8	25.0	**26.0**	58%	94%	104%
KD và Khai thác BĐS	16.0	16.0	**19.0**	42%	119%	119%

Mảng kinh doanh, khai thác BĐS: PETROSETCO tiếp tục khai thác ổn định và hiệu quả tổ hợp khu nhà ở và dịch vụ phục vụ liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn. Bên cạnh đó, hoạt động cho kinh doanh, cho thuê mặt bằng, văn phòng được triển khai tốt với công suất đạt mức tối ưu.

Với những kết quả nêu trên, mảng kinh doanh này năm mang lại 616 tỷ đồng doanh thu, vượt 37% kế hoạch, tăng trưởng 33%, lợi nhuận trước thuế đạt 45 tỷ đồng, vượt 10% kế hoạch, tăng trưởng 3% so với cùng kỳ. Mặc dù doanh thu tăng mạnh 33% nhưng lợi nhuận chỉ tăng nhẹ 3% là do các công trình mới đưa vào khai thác trong năm 2018 có chi phí setup ban đầu lớn nên hiệu quả trong thời gian đầu chưa lớn.

Báo cáo của ban
Tổng giám đốc
(tiếp theo)

5. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH **ĐVT: TỶ VNĐ**

KẾT QUẢ KINH DOANH	2014	2015	2016	2017	2018
Doanh thu thuần	11.581	10.652	9.882	10.703	11.092
Lợi nhuận gộp	846	819	658	748	662
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	284	274	210	198	174
Lợi nhuận sau thuế	236	212	167	144	130
EPS (VNĐ/CP)	2.760	2.012	1.578	1.400	1.243
Tỷ suất lợi nhuận					
Tỷ lệ lãi gộp	7,3%	7,7%	6,7%	7,0%	6,0%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	1,7%	1,6%	1,5%	1,2%	1,0%
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
Tài sản ngắn hạn	5.282	4.542	4.741	4.786	4.331
Tổng tài sản	5.765	5.145	6.227	6.173	5.563
Nợ phải trả	4.265	3.570	4.579	4.512	3.943
Nợ ngắn hạn	4.206	3.376	4.159	4.099	3.557
Vốn chủ sở hữu	1.352	1.415	1.465	1.490	1.477

Tình hình kinh doanh: Trong năm 2018, doanh thu thuần đạt 11.092 tỷ đồng, tăng 389 tỷ đồng (tương đương 3,6%) và 130 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, giảm 14 tỷ đồng (tương đương 10%) so với năm 2017. Lãi cơ bản trên cổ phiếu cả năm đạt 1.243 đồng/cổ phần giảm 157 đồng (tương đương 11%) so với năm trước.

Tỷ suất lợi nhuận: Những tác động mạnh từ các biến động kinh tế vĩ mô cũng như sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường đã ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả hoạt động kinh doanh, đặc biệt đối với hoạt động kinh doanh phân phối chiếm phần lớn tỷ trọng doanh thu và lợi nhuận của Tổng công ty. Trong năm 2018, lợi nhuận gộp giảm từ 7,0% xuống còn 6,0% qua đó đẩy tỷ suất lợi nhuận ròng xuống còn 1,0% thay vì mức 1,2% của năm 2017. Tuy vậy, Tổng công ty đã nỗ lực trong việc quản lý tốt chi phí bán hàng và quản lý, cụ thể tiết giảm được gần 50 tỷ đồng (tương đương gần 8%) so với năm 2017.

Tình hình tài sản và khả năng thanh toán: Tổng tài sản của PET tại ngày 31/12/2018 ghi nhận là 5.563 tỷ đồng, giảm 10% so với cùng kỳ 2017. Trong đó, tiền mặt và tiền gửi đạt 1.038 tỷ đồng (tương đương 18,7% tổng tài sản), hàng tồn kho tăng 230 tỷ đồng lên 1006 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 18% trong tổng tài sản). Tổng công ty luôn duy trì khả năng thanh toán tốt: khả năng thanh toán ngắn hạn đạt 1,22 lần, khả năng thanh toán nhanh đạt 0,9 lần.

Cơ cấu tài sản: Tính đến 31/12/2018, tài sản ngắn hạn đạt 4.331 tỷ đồng, giảm 10% so với năm 2017, chiếm 78% tổng tài sản. Vốn chủ sở hữu đạt 1.477 tỷ đồng, giảm 1%, chiếm 27% tổng tài sản và bằng 37% so với nợ phải trả.

Nguồn vốn: Tính đến 31/12/2018, nợ phải trả ở mức 3.943 tỷ đồng, chiếm 71% tổng tài sản, giảm 13% so với năm 2017. Nợ ngắn hạn là 3.557 tỷ đồng chiếm 90% nợ phải trả, giảm 13% trong đó vay nợ ngắn hạn với 1.614 tỷ đồng giảm 415 tỷ đồng (giảm 20%) so với năm trước . Nợ dài hạn ở mức 385 tỷ đồng giảm 7% trong đó phần lớn là vay dài hạn với 280 tỷ đồng chiếm 73% tổng nợ dài hạn.

6. CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	2014	2015	2016	2017	2018
1. Chỉ tiêu tăng trưởng					
Tăng trưởng doanh thu	0%	-7%	-8%	8%	4%
Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	20%	-10%	-21%	-14%	-10%
Tăng trưởng EPS	21%	-27%	-22%	-11%	-11%
Tăng trưởng tổng tài sản	-8%	-11%	21%	-1%	-10%
Tăng trưởng vốn chủ sở hữu	10%	5%	4%	2%	-1%
2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán hiện hành	1,3	1,3	1,1	1,2	1,2
Hệ số thanh toán nhanh	0,9	1,0	0,9	1,0	0,9
Khả năng thanh toán lãi vay	3,5	3,9	3,6	2,9	3,0
3. Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay tổng tài sản	1,9	2,0	1,7	1,7	1,9
Vòng quay tài sản cố định	21,9	19.6	9.5	7.5	8,5
Vòng quay vốn lưu động bình quân	4,5	4,0	3,9	4,1	4,1
Kỳ thu tiền bình quân (ngày)	41	45	55	66	67
Kỳ trả tiền bình quân (ngày)	53	55	64	70	68
Thời gian tồn kho (ngày)	41	52	45	32	31
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	2,01	2,07	1,59	1,73	1,99
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi					
Lợi nhuận gộp biên	7,3%	7,7%	6,7%	7,0%	6,0%
Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	2,7%	2,6%	2,1%	1,9%	1,6%
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	1,7%	1,6%	1,5%	1,2%	1,0%
ROE (Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu)	14,3%	12,2%	9,8%	8,4%	7,7%
ROA (Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản)	3,3%	3,4%	2,3%	2,0%	2,0%
5. Cơ cấu vốn					
Tổng nợ/Tổng tài sản	74%	69%	74%	73%	71%
Tổng nợ vay/Tổng tài sản	46%	36%	41%	37%	34%
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	3,16	2,52	3,12	3,03	2,67

Báo cáo của ban
Tổng giám đốc
(tiếp theo)

KHẢ NĂNG THANH TOÁN

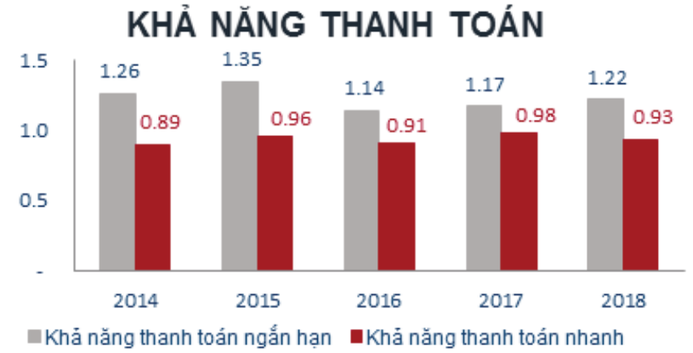

Nhờ việc tối ưu hóa kho hàng và nâng cao năng lực quản lý chuỗi logistics cũng như nắm bắt thị trường nhanh nhạy, mức tồn kho của PETROSETCO đã và đang được kiểm soát chặt chẽ và tạo ra hiệu quả có thể thấy rõ thông qua sự cải thiện của các chỉ số về khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh trong 5 năm gần đây.

CHU KỲ TIỀN MẶT

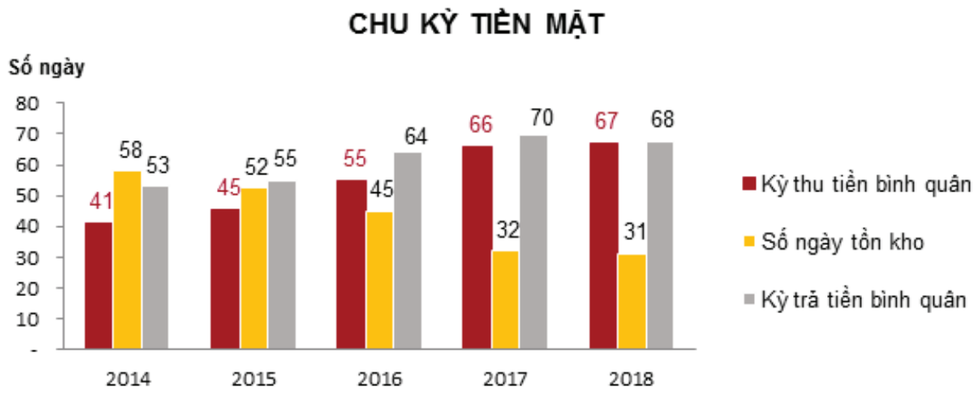

Bình quân chu kỳ tiền mặt của PETROSETCO trong 3 năm gần đây là 30 ngày. Nhân tố góp phần quan trọng trong sự cải thiện chỉ số này là thời gian tồn kho bình quân của hàng hóa được rút ngắn đáng kể, còn 31 ngày. Bên cạnh các biện pháp quản lý và kiểm soát hàng tồn kho hiệu quả, công ty từng bước cải thiện và điều chỉnh quy trình quản lý hệ thống kho theo hướng linh hoạt hơn để bắt kịp với sự phát triển của các công ty con trong mảng phân phối, đồng thời hợp tác và phối hợp chặt chẽ với các đơn vị vận chuyển uy tín trên khắp cả nước để tối ưu hóa chi phí vận chuyển và tăng hiệu quả lưu thông hàng hóa kho bãi.

Trước áp lực cạnh tranh cũng như sự thay đổi mô hình hoạt động của một số nhà cung ứng lớn, Tổng công ty đã chủ động trong việc cân đối dòng tiền thông qua chính sách công nợ linh hoạt từ đó cân đối giữa phải thu và phải trả giúp giảm thiểu áp lực dòng tiền cho Tổng công ty.

PETROSETCO vẫn luôn không ngừng nỗ lực để duy trì sự ổn định trong hoạt động kinh doanh cũng như trong công tác thanh toán, thu hồi công nợ qua đó tạo dựng niềm tin, uy tín, xây dựng thương hiệu trong tâm trí khách hàng.

7. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂM 2018

Dự án Khu dân cư số 41D: Đây là dự Petrosetco đưa vào kế hoạch triển khai từ năm 2015 với tổng mức đầu tư gần 165 tỷ đồng gồm 32 căn nhà phố đơn lập và 12 căn song lập, tuy nhiên do tình hình thị trường chưa thuận lợi nên dự án đã tạm hoãn và chính thức khởi công vào quý cuối quý III/2017. Dự án đã được hoàn thành và bàn giao cho khách hàng trong quý III/2018. Tuy có quy mô không lớn, nhưng đây là dự án bất động sản thương mại đầu tiên của Petrosetco chào bán ra thị trường.

Dự án Cape Pearl: Dự án được triển khai tại khu đất số 12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh. Hiện dự án đang được Petrosetco hoàn thiện các thủ tục về mặt pháp lý. Sau khi hoàn thành các thủ tục pháp lý, thì Tổng công ty mới tính đến việc triển khai hay sẽ chuyển nhượng dự án.

Dự án Vịnh Hoà Emerald Bay Resort: PETROSETCO góp 20% vốn vào Công ty TNHH Nghỉ dưỡng Quốc tế Vịnh Hoà để triển khai dự án với quy mô 362 căn biệt thự biển và công trình phụ trợ trên diện tích 71,6 ha mặt đất và 50,3ha mặt biển. Dự án được chia làm 3 giai đoạn, với giai đoạn 1 gồm: 200 căn biệt thự các công trình phụ trợ, giai đoạn 2: 42 căn biệt thự và giai đoạn 3: đầu tư 120 căn biệt thự và công viên biển. Hiện dự án đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục pháp lý cuối cùng và chuẩn bị khởi công giai đoạn 1.

8. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

DỰ BÁO TÌNH HÌNH SXKD NĂM 2019

Bảo hộ kinh tế và chiến tranh thương mại sẽ tiếp tục diễn ra và có thể phức tạp hơn nữa trong năm 2019. Điều này có thể sẽ ảnh hưởng tích cực đến nền kinh tế Việt Nam, tuy nhiên nó sẽ khiến kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và khiến giá các nguyên liệu như dầu mỏ sẽ có xu hướng giảm. Đặc biệt, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung sẽ khiến tỷ giá ngoại tệ biến động tác động đến các hoạt động thương mại, phân phối của PETROSETCO.

PETROSETCO sẽ tiếp tục định hướng mở rộng các hoạt động cung cấp dịch vụ ra ngoài ngành Dầu khí. Thời gian qua, chính sách này đã có nhiều kết quả khả quan, khi PETROSETCO ngày càng được khách hàng đánh giá cao về tính chuyên nghiệp và chất lượng dịch vụ cung cấp.

Tình hình hoạt động phân phối điện tử sẽ tiếp tục khó khăn, khi tác động của cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt, tuy nhiên doanh số và lợi nhuận của mảng này khó có khả năng giảm hơn nữa vì đã ở mức bão hòa. Ở một chiều khác, các sản phẩm mới được PETROSETCO đưa vào phân phối như phần mềm, mở rộng mảng cung cấp tới các doanh nghiệp (B2B), các sản phẩm công nghệ thông minh cho Smarhome, hợp tác chặt chẽ với các nhà cung cấp giải pháp tích hợp, hệ thống để đồng hành cung cấp sản phẩm cho khách hàng đầu cuối… dự báo sẽ có những đóng góp nhất định vào doanh số và lợi nhuận của PETROSETCO.

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2019

ĐVT: TỶ VNĐ

Chỉ tiêu	KH 2018	TH 2018	KH 2019	Tỷ lệ %	
	1	2	3	4=3/1	5=3/2
Doanh thu (thuần)	**9,000**	**11,092**	**9,050**	**101%**	**82%**
Dịch vụ phân phối	*7,150*	*8,005*	*6,700*	*94%*	*84%*
Dịch vụ cung ứng và hậu cần	*750*	*1,500*	*1,000*	*133%*	*67%*
Dịch vụ đời sống	*650*	*971*	*750*	*115%*	*77%*
Dịch vụ bất động sản	*450*	*616*	*600*	*133%*	*97%*
Lợi nhuận trước thuế	**180**	**183**	**180**	**100%**	**98%**
Dịch vụ phân phối	*59*	*51*	*59*	*100%*	*116%*
Dịch vụ cung ứng và hậu cần	*38*	*39*	*38*	*100%*	*97%*
Dịch vụ đời sống	*42*	*48*	*42*	*100%*	*88%*
Dịch vụ bất động sản	*41*	*45*	*41*	*100%*	*91%*
Lợi nhuận sau thuế	**135**	**130**	**135**	**100%**	**104%**
Vốn điều lệ	**866**	**866**	**866**	**100%**	**100%**
Tỷ lệ chia cổ tức	**10%**	**10%**	**10%**	**100%**	**100%**

9. GIẢI PHÁP HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO

Để hoàn thành các mục tiêu chiến lược và kế hoạch của PETROSETCO trong năm 2019 và các năm tiếp theo, Ban điều hành xây dựng giải pháp cụ thể như sau:

DỊCH VỤ PHÂN PHỐI:

Mục tiêu: Tiếp tục duy trì doanh số và hiệu quả SXKD trong năm 2019. Trong các năm tiếp theo sẽ triển khai phân phối thêm các ngành hàng mới phù hợp với xu hướng của thị trường. Ít nhất triển khai thêm 1-2 ngành hàng mới trong thời gian từ đây đến năm 2021.

Giải pháp: Tiếp tục rà soát tái cơ cấu danh mục phân phối, đẩy mạnh tìm kiếm, hợp tác phân phối thêm sản phẩm mới, đặc biệt là các sản phẩm công nghệ cao. Phát triển các đại lý vệ tinh, triển khai thực hiện mảng Back to Back cho các dự án IT. Đào tạo và phát triển nhân sự đáp ứng và phù hợp với tình hình phát triển thực tế của ngành. Áp dụng CNTT và công nghệ mới vào quy trình phân phối.

DỊCH VỤ CUNG ỨNG VÀ HẬU CẦN DẦU KHÍ

Mục tiêu: Tiếp tục duy trì doanh số, đồng thời nâng cao hiệu quả đối với thị trường trong ngành. Triển khai mở rộng ra thị trường ngoài ngành, tốc độ tăng trưởng khoảng 10%/năm.
Giải pháp:

Đối với thị trường trong ngành: tăng cường tiếp cận các công trình, dự án mới, đồng thời rà soát quy trình, chi phí cũng như dự báo, kiểm soát những rủi ro về tỷ giá để nâng cao hiệu quả.

Đối với thị trường ngoài ngành: đẩy mạnh công tác marketing, tìm kiếm khách hàng, song song với việc nâng cao năng suất lao động để gia tăng sức cạnh tranh. Phát triển thêm các dịch vụ có liên quan để hoàn thiện chuỗi dịch vụ và đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng. Đặc biệt là nhắm đến việc cung cấp các giải pháp, dịch vụ trọn gói. Để thực hiện được điều này, PETROSETCO sẽ gia tăng năng lực, cơ sở vật chất thông qua việc đầu tư hoàn thiện cũng như liên kết với các đơn vị khác.

DỊCH VỤ ĐỜI SỐNG

Mục tiêu: giữ vững được thị trường trong ngành Dầu khí, đồng thời phát triển mạnh ra các ngành nghề khác và nhắm đến thị trường các nước lân cận trong thời gian tới.

Giải pháp: không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng, xem đây là yếu tố then chốt để giữ chân khách hàng hiện có. Đối với các thị trường mới, PETROSETCO sẽ xây dựng từng nhóm sản phẩm dịch vụ phù hợp với từng ngành nghề, từng thị trường để có sự tiếp cận phù hợp nhất. Song song với việc đầu tư hoàn thiện cơ cơ vật chất, vùng nguyên liệu, PETROSETCO cũng sẽ đẩy mạnh công tác marketing, tìm kiếm khách hàng.

DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

Mục tiêu: tiếp tục phát triển ra thị trường ngoài ngành Dầu khí, hướng đến mục tiêu là công ty cung cấp dịch vụ quản lý, vận hành BĐS hàng đầu tại Việt Nam.

Giải pháp: không ngừng rà soát, nâng cao chất lượng dịch vụ quản lý vận hành thông qua việc áp dụng CNTT, đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ CBCNV. Nghiên cứu cung cấp thêm các dịch vụ mới có liên quan để đa dạng hóa và đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng. Tăng cường công tác marketing, tìm kiếm khách hàng, đặt biệt hướng đến các đối tượng khách hàng chuỗi, khách hàng hệ thống như các ngân hàng, trường đại học, công ty bđs…

I. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018

1. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Petrosetco gồm 3 thành viên:

Stt	Thành viên BKS	Chức danh	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Phan Khắc Vinh	Trưởng Ban	4/4	100%
2	Ông Lê Anh Quốc	Thành viên	4/4	100%
3	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Thành viên	4/4	100%

Hoạt động của Ban Kiểm soát tuân thủ theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Petrosetco đã ban hành. Ban kiểm soát đã tiến hành xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể từ đầu năm 2018, được thông qua và chấp thuận của HĐQT. Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của Petrosetco và các đơn vị thành viên. Qua đó phản ánh những kết quả đạt được. những tồn tại trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị và nêu những kiến nghị để khắc phục. Định kỳ hàng quý, năm Ban kiểm soát đều lập báo cáo kiểm tra, giám sát để báo cáo cho Hội Đồng Quản Trị.

2. Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Thành viên

Trong năm 2018, Ban Kiểm soát đã kiểm tra, giám sát theo Nghị quyết ĐHĐCĐ, kế hoạch hoạt động SXKD và tình hình thực tế. Ban kiểm soát tuân thủ Nghị quyết ĐHĐCĐ và các điều lệ, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Thực hiện gửi đầy đủ, trung thực các báo cáo giám sát và báo cáo khác theo quy định.

Các Thành viên Ban kiểm soát làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cẩn trọng; Duy trì mối quan hệ công tác và phối hợp tốt với các Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban chức năng của Petrosetco, các cổ đông khác và Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam. Các thành viên của Ban Kiểm soát được phân công nhiệm vụ cụ thể và đã hoàn thành các nhiệm vụ trong kế hoạch phân công công việc cho mỗi thành viên đã được Ban Kiểm soát Petrosetco thông qua. Trong quá trình làm việc, các thành viên Ban Kiểm soát luôn trao đổi công việc và phối hợp chặt chẽ với nhau để hoạt động của Ban kiểm soát được thực hiện kịp thời, hiệu quả.

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định để thông qua các hoạt động của Ban Kiểm soát, công tác kiểm tra giám sát theo quy định, nội dung cụ thể như sau:

Ngày họp	Nội dung	Kết quả
30/03/2018	- Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2017. - Thảo luận, đánh giá báo cáo tài chính năm 2017, đánh giá kết quả hoạt động SXKD trong năm 2017. - Thảo luận, thông qua kế hoạch hoạt động của BKS trong năm 2018, phân công chi tiết công việc trong năm.	Các thành viên Ban kiểm soát thông qua 100%
20/07/2018	- Thảo luận, đánh giá kết quả hoạt động của BKS quý II và 6 tháng đầu năm 2018. - Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018. - Đánh giá tình hình hoạt động của các đơn vị thành viên trong 6 tháng đầu năm 2018. - Thảo luận, thông qua kế hoạch hoạt động của BKS trong 6 tháng cuối năm 2018.	Các thành viên Ban kiểm soát thông qua 100%
22/10/2018	- Thảo luận, đánh giá kết quả hoạt động của BKS quý III và 9 tháng năm 2018. - Thẩm định Báo cáo tài chính Quý III năm 2018. - Thông qua kế hoạch hoạt động của BKS trong Quý IV năm 2018.	Các thành viên Ban kiểm soát thông qua 100%
28/12/2018	- Đánh giá kết quả hoạt động của BKS quý 4 năm 2018. - Thảo luận, đánh giá khả năng hoàn thành kế hoạch và xem xét kết quả hoạt động SXKD năm 2018. - Xem xét đánh giá tình hình công nợ khó đòi và hàng tồn kho tại các đơn vị thành viên. - Thảo luận kế hoạch và phân công nhiệm nhiệm vụ các thành viên BKS cho kế hoạch hoạt động của BKS trong năm 2019.	Các thành viên Ban kiểm soát thông qua 100%

3. Lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

Lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát thực hiện theo đúng Điều lệ Petrosetco và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018. Tổng tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2018 là 595,10 triệu đồng.
Tiền lương, thù lao và số lượng cổ phiếu PET của các thành viên Ban kiểm soát trong năm 2018 cụ thể như sau:

Stt	Thành viên BKS	Tiền lương-Thù lao (ĐVT: triệu đồng)	Cổ phiếu sở hữu (CP)
1	Phan Khắc Vinh	426	41.900
2	Ông Lê Anh Quốc	30	46.642
3	Nguyễn Thị Mỹ Dung	30	0
	Tổng cộng	**486**	**88.542**

Báo cáo của
Ban kiểm soát
(tiếp theo)

II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động của Petrosetco

1. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2018

Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính, Ban kiểm soát thống nhất xác nhận kết quả Báo cáo tài chính năm 2018 của Petrosetco và đánh giá như sau :

Báo cáo tài chính năm 2018 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018. Báo cáo tài chính của Petrosetco đã được kiểm toán theo qui định tại Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam (PwC) đã được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.

Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành. Thực hiện báo cáo và công bố thông tin định theo đúng các qui định hiện hành.

2. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ So thực hiện 2017	Tỷ lệ So với KH
Doanh thu thuần	10,703	9,000	11,092	104%	123%
Lợi nhuận trước thuế	202	180	183	91%	102%
Lợi nhuận sau thuế	144	135	130	90%	96%

Tổng doanh thu thuần thực hiện năm 2018 đạt 11.092 tỷ đồng, đạt 123% kế hoạch năm, và bằng 104% so với thực hiện năm 2017. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế là 183 tỷ đồng đạt 102% kế hoạch năm, bằng 91% so với thực hiện năm 2017. Lợi nhuận sau thuế 130 tỷ đồng đạt 96% kế hoạch năm, bằng 90% so với thực hiện năm 2017.

Các chỉ số tài chính đều khả quan, tình hình tài chính năm 2018 của Tổng công ty là lành mạnh, khả năng thanh toán nợ đều đảm bảo: chỉ số khả năng thanh toán hiện hành được duy trì khá tốt ở mức 1,2; chỉ số khả năng thanh toán nhanh là 0,9. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 7,7% giảm hơn so với năm 2017 (8,4%); tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) đạt 2,0% tương đương với năm trước.

Báo cáo của Ban kiểm soát (tiếp theo)

3. Hoạt động giám sát đối với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Petrosetco trong năm 2018 đã tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết của HĐQT ban hành và các quy định pháp luật.

Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị Petrosetco đã tổ chức 10 cuộc họp, ban hành 34 nghị quyết để quản lý hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. HĐQT thường xuyên theo dõi hoạt động kinh doanh và tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định đã ban hành. HĐQT giám sát tình hình hoạt động của các Đơn vị thành viên thông qua các báo cáo định kỳ của Người đại diện và các buổi làm việc trực tiếp với Đơn vị. HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm trong vai trò chỉ đạo, giám sát, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai, chỉ đạo việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời, tập trung điều hành quyết liệt mọi hoạt động của Tổng công ty; chủ động thực hiện các giải pháp và triển khai kịp thời các quyết sách để tháo gỡ khó khăn; tích cực mở rộng thị trường. Bên cạnh đó Ban Tổng Giám đốc cũng đã áp dụng nhiều biện pháp làm nâng cao hiệu quả của bộ máy quản lý giúp tiết giảm chi phí. Ban Tổng Giám đốc làm việc thường xuyên với các đơn vị trực thuộc để kịp thời chấn chỉnh các hoạt động SXKD, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động của từng đơn vị.

4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp trong hoạt động kiểm tra, giám sát theo quy định.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình, như việc cung cấp các thông tin về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của công ty được cập nhật thường xuyên, cử các cán bộ phối hợp làm việc với Ban kiểm soát khi có yêu cầu. BKS cũng được mời tham dự các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành.

Trong năm 2018, Ban Kiểm soát đã thông báo cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc về kế hoạch kiểm tra, kiểm soát trong năm. Ban kiểm soát đã chủ động phối hợp với các Ban chức năng của Tổng công ty trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động của các đơn vị thành viên. Định kỳ hàng quý, Ban kiểm soát đều lập báo cáo kiểm tra giám sát đối với tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh gởi đến HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2019

Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 nhằm đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông; Tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Hội đồng quản trị.

Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát công tác quản lý, điều hành và triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các dự án đầu tư, công tác tái cấu trúc của Tổng công ty thực hiện trong năm 2019 theo quy định của Luật doanh nghiệp và Đều lệ Petrosetco.

Giám sát việc chấp hành các quy chế, quy trình quản lý của Tổng công ty và các đơn vị thành viên. Đồng thời góp ý chỉnh sửa các quy chế, quy trình cho phù hợp với các quy định hiện hành của nhà nước và thực tiễn hoạt động.

Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm của Petrosetco. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản trị của Tổng công ty. Lập và gởi các báo cáo kiểm tra giám sát theo đúng quy định.

Phối hợp chặt chẽ với các Ban chức năng Tổng công ty và Ban kiểm soát tại các đơn vị triển khai kiểm tra hoạt động SXKD tại các đơn vị thành viên.

Trưởng Ban kiểm soát

BÁO CÁO TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN KS NĂM 2018

STT	Họ và tên	Chức danh	Số tháng làm việc thực tế	Chi từ Quỹ tiền lương nguồn từ năm 2018	Chi phí SXKD (Bao hiểm sức khỏe, trang phục)	Chi từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tổng thu nhập trước thuế 2018 (Không bao gồm thưởng hoàn thành kế hoạch năm 2017)	Thuế TNCN năm 2018 phải nộp	Thu nhập bình quân năm 2018
I	**Hội đồng Quản trị**								
1	Phùng Tuấn Hà	Chuti ch HĐQT (Chuyên trách)	12	720,788,598	10,825,400	49,500,000	781,113,998	194,851,884	65,092,833
3	Vũ Tiến Dương	Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	12	645,769,905	10,825,400	50,500,000	707,095,305	131,230,260	58,924,609
4	Phạm Thị Hồng Điệp	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	12	48,000,000			48,000,000	4,800,000	4,000,000
5	Kim Kang Ho	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm (tổ nhiệm từ tháng 04/2018)	8	32,000,000			32,000,000	4,000,000	4,000,000
6	Lê Thị Chiến	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	12	48,000,000			48,000,000	4,800,000	4,000,000
II	**Ban kiểm soát**						-		
7	Phan Khắc Vinh	Trưởng Ban KS	12	426,132,754	10,825,400	43,500,000	480,458,154	50,784,132	40,038,180
8	Lê Anh Quốc	Thành viên BKS	12	30,000,000			30,000,000	3,000,000	2,500,000
9	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Thành viên BKS	12	30,000,000			30,000,000	3,000,000	2,500,000
	TỔNG				**32,476,200**	**143,500,000**	**2,156,667,457**	**396,466,276**	**181,055,621**

Quản trị rủi ro

Công tác quản trị rủi ro (QTRR) tại PETROSETCO được xây dựng và triển khai nhằm các mục tiêu sau đây:

- Kịp thời nhận diện rủi ro và khai thác các cơ hội, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Hỗ trợ chiến lược phát triển kinh doanh thông qua việc triển khai các quy trình, công cụ và kỹ thuật QTRR hiệu quả và nhất quán trong toàn Tổng công ty.
- Phân định rõ ràng trách nhiệm sở hữu và quản trị rủi ro, xây dựng cơ chế giám sát và báo cáo rủi ro liên tục trong toàn Tổng công ty.

Cơ hội trong rủi ro là quan điểm của PETROSETCO. Vì vậy, QTRR không phải chỉ bao gồm giảm thiểu rủi ro mà cần phải phân tích tường tận rủi ro, tối ưu hóa tương quan giữa rủi ro và cơ hội, chấp nhận rủi ro trong phạm vi cho phép của Tổng công ty. Nhờ đó, PETROSETCO chọn lọc và chấp nhận rủi ro một cách thận trọng, có kiểm soát vì những mục tiêu kinh doanh hợp lý.

Cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro của PETROSETCO được cụ thể như sau:

Bộ phận	Vai trò Quản trị rủi ro
Hội đồng quản trị	Ban hành Quy chế, chiến lược, chính sách quản trị rủi ro; Quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy QTRR.
Tổng giám đốc	Giám sát, đảm bảo hoạt động QTRR được thực hiện phù hợp với chiến lược và chính sách QTRR.
Bộ phận quản trị rủi ro	Phối hợp với các ban khác thực hiện QTRR bằng việc sử dụng các công cụ, hạn mức rủi ro và quy trình QTRR.

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG NĂM 2018

PETROSETCO luôn coi quản trị rủi ro như là một bộ phận không thể tách rời với chiến lược phát triển. Để phòng ngừa hiệu quả các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh, PETROSETCO đề ra những biện pháp cụ thể với từng nhóm rủi ro cũng như tiếp tục hoàn thiện các quy trình QTRR cho toàn bộ hệ thống, phù hợp với chiến lược QTRR của Tổng công ty. Ngoài ra, để hệ thống QTRR hoạt động hiệu quả cần tăng cường nhận thức về QTRR đến với từng cán bộ trong Tổng công ty. Do đó, hằng năm, Tổng công ty đều tổ chức các buổi hội thảo, đào tạo và truyền thông về các rủi ro mới, các thay đổi về môi trường pháp lý, luật pháp cho Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV.

CÁC NHÓM RỦI RO CHÍNH

1. Rủi ro về kinh tế vĩ mô

Là một đơn vị có nhiều hoạt động trong ngành dầu khí, tất cả những biến động liên quan từ giá dầu đến tình hình hoạt động của các dự án khai thác dầu đều ảnh hưởng và nằm trong mục tiêu giám sát và QTRR của Tổng công ty. Bên cạnh đó, Thương mại - Phân phối là lĩnh vực kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu và lợi nhuận của Tổng công ty nhưng có xu hướng biến động mạnh theo tình hình kinh tế vĩ mô. Các yếu tố quan trọng của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, tăng trưởng tín dụng, tỷ giá, chỉ số tiêu dùng, tỷ lệ tiết kiệm, đầu tư hay tỷ lệ thất nghiệp đều có ảnh hưởng đến hoạt động và kết quả kinh doanh của PETROSETCO. Tổng công ty tiến hành QTRR bằng cách tập trung vào các ngành có doanh thu thường xuyên như quản lý vận hành bất động sản, catering và phân phối thiết bị điện tử viễn thông. Ngoài ra, các bộ phận chuyên môn giám sát môi trường kinh tế vĩ mô nhằm kịp thời tư vấn cho Ban Tổng giám đốc các xu hướng kinh tế vĩ mô tương lai cũng như tác động đối với các lĩnh vực kinh doanh trọng yếu để từ đó đưa ra các quyết sách, chiến lược phù hợp.

Quản trị rủi ro (tiếp theo)

2. Rủi ro cạnh tranh

PETROSETCO chú trọng xây dựng hoạch định chiến lược, mô hình kinh doanh linh hoạt, phù hợp để tồn tại và phát triển trước áp lực cạnh tranh cao trên thị trường. Hiện nay, các nhà sản xuất có xu hướng bán hàng trực tiếp đến các nhà bán lẻ thay vì qua khâu trung gian là nhà phân phối đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Tuy nhiên, PETROSETCO cũng có các biện pháp để phòng ngừa rủi ro này bằng cách liên tục tìm kiếm các đối tác phân phối mới, sản phẩm mới cũng như cải tiến mô hình kinh doanh, cải tiến hệ thống thông tin, quy trình nội bộ để tối ưu hóa việc vận hành và tối ưu hóa chi phí dựa trên hệ thống quản trị hiện đại.

3. Rủi ro hàng tồn kho

Nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh diễn ra liên tục, đảm bảo đủ hàng hóa cung cấp cho khách hàng, đảm bảo kế hoạch đặt hàng với nhà sản xuất,… việc lưu trữ hàng hóa là một việc thiết yếu nhất là đối với các đơn vị hoạt động trong ngành phân phối điện tử - điện lạnh của Tổng công ty. Thế nhưng, tồn kho đồng nghĩa với việc phát sinh chi phí lưu kho (mặt bằng, bảo quản, quản lý an toàn, hao hụt,…) và các chi phí khác có liên quan như chi phí bảo hiểm, lãi vay; đặc biệt hàng tồn kho của Tổng công ty phần lớn được sử dụng từ nguồn vốn vay ngắn hạn.

Trong 3 năm gần đây, với sự cạnh tranh mạnh mẽ trong ngành phân phối điện tử và thiết bị viễn thông cũng như sự lớn mạnh vượt trội của các chuỗi bán lẻ cùng với tiến bộ của khoa học kỹ thuật đã khiến cho vòng đời của các thiết bị điện tử rút ngắn đáng kể và sự ra đời của nhiều hãng điện tử cạnh tranh khiến cho hàng hóa dễ bị lỗi mốt và thay thế. Các yếu tố này ảnh hưởng khá nhiều đối với Petrosetco trong những năm vừa qua khi hơn 80% hàng tồn kho của Tổng công ty là hàng điện tử và thiết bị viễn thông. Vì vậy, Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng giám đốc (Ban TGĐ) luôn luôn theo dõi sát sao, cập nhật tình hình hàng tồn kho hàng tuần từ các đơn vị từ đó kịp thời ra các quyết định chỉ đạo và hỗ trợ các đơn vị trong việc xử lý hàng hóa. Bên cạnh đó, việc sử dụng phần mềm quản lý được thiết kế riêng biệt WMS (Warehouse Management System) cũng giúp cho bộ phận quản lý và bán hàng cập nhật liên tục hàng ngày hàng giờ tốc độ luân chuyển hàng hóa qua các đơn hàng, tuổi hàng tồn và số lượng hàng tồn kho từ đó tư vấn cho ban lãnh đạo có hướng xử lý kịp thời.

4. Rủi ro về khả năng thu hồi công nợ

Là một đơn vị hoạt động lâu đời trong lĩnh vực phân phối, có mạng lưới phân phối trải rộng khắp cả nước, danh sách khách hàng của PETROSETCO đã lên đến con số hàng nghìn. Vì vậy, chính sách bán hàng và chính sách công nợ luôn là kim chỉ nam để tất cả các nhân viên hướng đến và tuân theo.

Tuy nhiên, kinh doanh luôn có những biến động bất ngờ không lường trước được như khách hàng phá sản, gặp khó khăn hoặc cố ý trì hoãn thanh toán. Để phòng ngừa rủi ro và hạn chế ở mức thấp nhất các thiệt hại, Tổng công ty đã đề ra chính sách mua bảo hiểm công nợ với tất cả các khách hàng lớn. Bên cạnh đó, báo cáo công nợ là công việc được thực hiện và cập nhật hằng ngày giúp cho bộ phận bán hàng và kế toán phối hợp chặt chẽ trong việc bán hàng và thu tiền hàng.

Ngoài ra, Tổng công ty luôn xem xét, đánh giá định kỳ chất lượng tín dụng căn cứ vào tình hình tài chính và mức độ thanh toán của khách hàng để đề ra chính sách công nợ cho phù hợp với tình hoạt hoạt động của Tổng công ty nhằm hướng rủi ro xuống mức thấp nhất.

5. Rủi ro về tài chính

Chính sách của Petrosetco luôn đặt vấn đề tối thiểu hóa những rủi ro về tài chính gây ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty thông qua hoạt động quản lý, theo dõi và phối hợp chặt chẽ của các bộ phận quản lý.

5.1 Rủi ro về cân đối dòng tiền và tính thanh khoản

Vấn đề cân đối dòng tiền và đảm bảo tính thanh khoản luôn được quan tâm và ưu tiên hàng đầu của Petrosetco. Dòng tiền là huyết mạch của doanh nghiệp, mất cân đối dòng tiền sẽ khiến cho Tổng công ty gặp khó khăn trong việc kiểm soát khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, thiếu vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh và từ đó ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty.

Quản trị rủi ro (tiếp theo)

5.2 Rủi ro về lãi suất

Với đặc thù kinh doanh thương mại và phân phối chiếm tỷ trọng lớn trong hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, Petrosetco luôn phải duy trì số tiền vay rất lớn, hầu hết trong số đó là các khoản vay ngắn hạn nhằm phục vụ nhu cầu vốn lưu động. Bên cạnh đó, Petrosetco còn nắm giữ một lượng tiền và các khoản tương đương tiền khá lớn 1.038 tỷ đồng để đảm bảo tính thanh khoản. Do đó, Tổng công ty luôn cố gắng kết hợp nguồn vốn vay và vốn tự có một cách linh hoạt để điều vốn cho các công ty thành viên khi có nhu cầu và sử dụng vốn một cách hiệu quả, hợp lý nhất. Ngoài ra, Petrosetco cũng làm việc với nhiều ngân hàng, tổ chức tín dụng để có thể huy động được nguồn vốn với chi phí hợp lý nhất. Mặc dù tỷ lệ nợ phải trả luôn cao, nhưng Petrosetco không ngừng tìm cách giảm sự lệ thuộc vào nguồn vốn vay, thể hiện qua tỷ lệ nợ phải trả giảm dần qua từng năm. Bên cạnh đó, trong các năm gần đây Petrosetco đã rất thành công trong việc huy động vốn với mức lãi vay hợp lý, dẫn đến việc tiết kiệm được chi phí lãi vay.

Năm 2019, Petrosetco dự kiến vẫn sẽ tiếp tục duy trì nguồn vốn vay như hiện tại để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Tổng công ty sẽ tiếp tục thực hiện các giải pháp trong năm 2018 và nghiên cứu các biện pháp mới nhằm giảm thiểu chi phí lãi vay.

5.3 Rủi ro do biến động tỷ giá hối đoái

Tất cả các hoạt động kinh doanh của PETROSETCO hầu như đều liên quan đến mua bán với đối tác nước ngoài. Do đó, ảnh hưởng của biến động tỷ giá luôn là quan tâm hàng đầu của Tổng công ty. Tổng công ty luôn tính toán kỹ lưỡng thời gian thực hiện và thời hạn thanh toán các hợp đồng ngoại tệ để cân đối ngoại tệ cho phù hợp thông qua chủ động sử dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá (hedging) thông qua các hợp đồng phái sinh (kỳ hạn, tương lai). Với các biện pháp linh hoạt và nhạy cảm nắm bắt các tín hiệu biến động tỷ giá, ảnh hưởng cho biến động tỷ giá hối đoái đối với Tổng công ty không đáng kể và luôn trong tầm kiểm soát.

5.4 Rủi ro về Chi phí hoạt động

Trong công tác quản lý những rủi ro tài chính, không thể không quan tâm đến chi phí hoạt động, vốn dĩ là một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Tổng công ty. Do đó, việc kiểm soát chi phí hoạt động chặt chẽ cũng chính là một biện pháp phòng ngừa rủi ro hữu hiệu đồng thời giúp tăng cường rõ rệt hiệu quả hoạt động kinh doanh. Sớm nhận thức được tầm quan trọng của yếu tố này, Petrosetco đã tăng cường hoạt động kiểm soát, quản lý chặt chẽ không chỉ kết quả kinh doanh của Tổng công ty, mà hiệu quả đi kèm cùng những chi phí hoạt động phát sinh trong quá trình kinh doanh cũng được chú ý theo dõi sát sao.

Trong giai đoạn kinh tế còn rất nhiều khó khăn như hiện nay đặc biệt đối với lĩnh vực phân phối hàng điện tử và ngành dầu khí nhiều biến động, bên cạnh công tác kiểm soát rủi ro về chi phí phát sinh, Petrosetco cũng đã chủ động thực hiện những chính sách tiết kiệm, chống lãng phí nhằm góp phần duy trì sự ổn định trong quá trình phát triển của Tổng công ty.

6. Rủi ro về việc tuân thủ các quy định

Rủi ro về tuân thủ các quy định có liên quan trực tiếp đến những sự cố và sai sót trong quá trình hoạt động, gây ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của công ty. Nguyên nhân chủ yếu gây ra rủi ro này chính là do con người không tuân thủ chặt chẽ các quy trình hoạt động hay quy định trong công tác liên quan, do không nắm bắt đầy đủ thông tin về những chuẩn mực, luật pháp và quy định vốn thay đổi khá thường xuyên.

Petrosetco đã thành lập Ban kiểm soát tại từng đơn vị thành viên thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật và các quy trình, quy trình nội bộ được ban hành. Việc kiểm soát được thực hiện theo hình thức định kỳ và đột xuất tại các bộ phận và tập trung hơn tại các bộ phận có khả năng xảy ra nhiều sai phạm. Kết quả kiểm soát được báo cáo trực tiếp cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành, từ đó giúp các bộ phận nghiệp vụ rà soát, sửa đổi quy trình nghiệp vụ cho phù hợp với thay đổi của luật và tình hình sản xuất kinh doanh nhằm hạn chế rủi ro.

Ngoài ra, Petrosetco cũng tiến hành nghiên cứu và liên tục cập nhật các chính sách thuế để áp dụng phù hợp với tình hình của Tổng công ty, tối ưu hóa các ưu đãi về miễn giảm thuế, nhằm tăng cường hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty trong khi vẫn đảm bảo hoàn thành nghĩa vụ của mình đối với ngân sách Nhà nước.

Sức khỏe - An toàn Môi trường - Chất lượng (HSEQ)

Với đặc thù của các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh có các hoạt động trên các vùng biển xa bờ, thời tiết khắc nhiệt cũng như các điều kiện làm việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, công tác Sức khỏe - An toàn - Môi trường - Chất lượng (HSEQ) luôn được các cấp lãnh đạo và người lao động nhận thức sâu sắc, thực hiện nghiêm túc và là một trong những ưu tiên hàng đầu cùng với các kế hoạch phát triển kinh doanh. Petrosetco luôn chú trọng và triển khai trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, tiện nghi phục vụ cho quá trình làm việc của người lao động đảm bảo năng suất, hiệu quả và an toàn; thực hiện kiểm soát nghiêm ngặt chất lượng sản phẩm cung ứng. Trong năm 2018, Petrosetco không để xảy ra sự cố về an toàn lao động và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm một cách tuyệt đối.Công tác HSEQ được thực hiện tốt đã góp phần xây dựng, tạo sự tin tưởng trong khách hàng, duy trì và nâng cao hình ảnh chất lượng dịch vụ của Petrosetco theo phương châm "Chuyên tay, chuyên tâm".

Các chỉ số cơ bản về An toàn, Sức khỏe , Môi trường

1.Tổng số giờ công hoạt động an toàn của CBNV: 5.671.500 giờ

2. Đào tạo về công tác HSEQ

Petrosetco luôn chú trọng thực hiện các chương trình đào tạo xuất phát từ nhu cầu thực tiễn cho việc đảm bảo an toàn và nâng cao chất lượng cho công việc như đào tạo nghiệp vụ Phòng cháy chữa cháy, An toàn vệ sinh thực phẩm, Đào tạo Fosiet, An toàn lao động, An toàn Điện, Ứng cứu tình huống khẩn cấp,...Trong năm 2018, Tổng công ty thực hiện đào tạo mới và đào tạo lại về HSEQ cho trên 4.074 lượt cán bộ công nhân viên.

3. Kiểm tra/ giám sát về HSEQ và kiểm soát HSEQ đối với các nhà thầu phụ

Các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn được bảo hành, bảo trì và vận hành, đạt hệ số an toàn và được kiểm định theo đúng yêu cầu. Tổng công ty thực hiện chỉ đạo các Công ty kiểm soát chất lượng, phương thức vận hành đảm bảo theo đúng quy định và định kỳ kiểm tra 01 lần/năm đối với các nhà thầu phụ về HSEQ.

4. Quản lý y tế và An toàn vệ sinh thực phẩm

Với dịch vụ cung cấp suất ăn Catering, công tác quản lý, giám sát an toàn vệ sinh thực phẩm được Petrosetco xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, đảm bảo hình ảnh và uy tín của Tổng công ty. Toàn bộ nguyên liệu thực phẩm đầu vào đảm bảo tất cả được giám sát chặt chẽ từ xuất xứ, quá trình vận chuyển và lưu trữ; chế biến thực phẩm được tuân thủ tích hợp theo quy trình kiểm soát chất lượng thực phẩm HACCP 9001-2003 và tiêu chuẩn ISO 9001:2008 dành cho nhà cung cấp thực phẩm an toàn do TUV chứng nhận. Bên cạnh đó các đơn vị cung cấp dịch vụ Catering như Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu đã tiến hành xây dựng các mô hình trồng rau sạch theo chuẩn Vietgap để sử dụng trực tiếp.

Hằng năm, Petrosetco thực hiện khám sức khỏe định kỳ người lao động. Đối với các lao động đặc thù trên biển, người lao động được thực hiện các chương trình giám sát sức khỏe theo yêu cầu của các khách hàng như Vietsvo. Người lao động làm việc trong các môi trường độc hại được khám tầm soát sức khỏe và được hỗ trợ các phụ cấp độc hại theo quy định.

Sức khỏe - An toàn Môi trường - Chất lượng (HSEQ) (tiếp theo)

5. An toàn, Môi trường và Quản lý chất thải

Năm 2018, Petrosetco đã thực hiện duy trì hợp đồng với các đơn vị môi trường tại các địa phương có đơn vị hoạt động trong việc xử lý chất thải nguy hại, xử lý rác thải và nước thải. Công tác kiểm tra đo đạc môi trường xung quanh các tòa nhà và văn phòng được thực hiện định kỳ theo quy định với các chỉ tiêu về không khí, nước và tiếng ồn đều nằm trong các định mức quy chuẩn.

Petrosetco đang thực hiện vận hành và quản lý các tòa nhà trải dài trên nhiều nơi. Công tác Phòng chống cháy nổ và ứng cứu tình huống khẩn cấp được thực hiện diễn tập hàng năm với các phương án phòng chống cháy nổ được tư vấn của các cơ quan chuyên ngành, sự phối hợp của các lực lượng chức năng địa phương và các khách hàng tại các tòa nhà, cùng với việc diễn tập thường xuyên của liên quân các lực lượng ban ngành hữu quan. Đảm bảo chủ động trước mọi tình huống, hạn chế tối đa thiệt hại trong tình huống xấu nhất.

Quan hệ cổ đông

MINH BẠCH – ĐẦY ĐỦ – KỊP THỜI công bố thông tin cho các cổ đông, nhà đầu tư và khách hàng, luôn luôn được PETROSETCO thực hiện và đặt lên hàng đầu. Đồng thời, trao đổi cởi mở, thẳng thắn và hai chiều với cổ đông là nguyên tắc hoạt động của Tổng công ty.

PETROSETCO đã và luôn tuân thủ đúng theo các yêu cầu về thực hiện công bố thông tin theo quy định của luật chứng khoán như công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính quý, năm; các thông tin bất thường; các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị liên quan đến các chiến lược, kế hoạch phát triển trung và dài hạn cũng như kế hoạch kinh doanh và các hoạt động khác.

Bên cạnh đó, Tổng công ty luôn duy trì các kênh thông tin đến các Cổ đông và nhà Đầu tư như Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội thảo các nhà đầu tư qua đó tạo điều kiện để các cổ đông và nhà đầu tư góp ý về các vấn đề có liên quan đến Tổng công ty; các phương tiện truyền thông đại chúng. Website của Tổng công ty (www.petroset-co.com.vn) liên tục được duy trì và cập nhật thường xuyên đặc biệt là các chuyên mục Quan hệ cổ đông; thông tin về các sự kiện, các hoạt động của Tổng công ty cũng như các tin liên quan được đăng trên các kênh truyền thông chuyên về thông tin kinh tế tài chính như báo Đầu tư Chứng khoán, báo Đầu tư, Thời báo Kinh tế Việt Nam, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, Nhịp cầu Đầu tư, Vietstock, CafeF, Vietnam Business Forum, …

Trong những năm vừa qua, Tổng công ty đã kí hợp đồng sử dụng gói dịch vụ cung cấp thông tin của FPT Securities trong mục Quan hệ Cổ đông trên website của Tổng công ty. Thông qua phương tiện này, Tổng công ty muốn cung cấp thông tin tài chính cũng như những thông tin chi tiết về các hoạt động và tổ chức của Tổng công ty phù hợp với sự quan tâm của các cổ đông và các nhà đầu tư. Ngoài ra, PETROSETCO cũng liên tục cập nhật thông tin bằng tiếng Anh để giúp cho các nhà đầu từ nước ngoài có thể dễ dàng hơn trong việc tìm hiểu và cập nhật thông tin về Tổng công ty cũng như giúp PETROSETCO mở rộng hơn nữa mạng lưới đầu tư của mình.

Bên cạnh việc chủ động công bố thông tin, các nhà đầu tư, cổ đông hoặc đối tác khi có nhu cầu cần tìm hiểu thêm một số thông tin về công ty cũng có thể liên hệ trực tiếp và PETROSETCO luôn sẵn sang hỗ trợ hết mình để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu và hợp tác của các bên. Bộ phận chuyên trách về hoạt động quan hệ cổ đông của Tổng công ty thường xuyên cập nhật thông tin về các chỉ số tài chính, các dự án quan trọng đã, đang và sẽ được tiến hành, cũng như những khó khăn và thuận lợi mà Tổng công ty đang có cùng với định hướng phát triển của Tổng công ty cho các cổ đông và nhà đầu tư.

Trong năm 2018, bộ phận quan hệ cổ đông đã thực hiện:

- Giải đáp thắc mắc của các cổ đông, các nhà đầu tư tiềm năng qua kênh email hoặc điện thoại, nỗ lực giải đáp các thắc mắc, yêu cầu của nhà đầu tư trong thời gian nhanh nhất với hiệu quả cao nhất và đầy đủ nhất. Bên cạnh đó, nhóm chuyên trách cũng tổ chức các cuộc họp giới thiệu về Tổng công ty đáp ứng nhu cầu của các quỹ đầu tư trong và ngoài nước.
- Cung cấp các tài liệu giới thiệu về PETROSETCO và các đơn vị thành viên thông qua việc thực hiện các video clip giới thiệu, Brochure, các tài liệu cung cấp thông tin định kỳ cập nhật kết quả kinh doanh bằng tiếng Việt và tiếng Anh.
- Xây dựng và phát triển các kênh tương tác thường xuyên với cổ đông và các nhà đầu tư, đặc biệt là xây dựng mục quan hệ cổ đông trên website ngày càng chuyên nghiệp và tương tác với cổ đông hơn nữa.

Chúng tôi hy vọng với những nỗ lực đã làm trong năm 2018, cùng với sự tích cực trong cách thức tiếp cận và cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư sẽ giúp cổ đông, nhà đầu tư và khách hàng hiểu rõ hơn về những hoạt động sản xuất kinh doanh, cập nhật các thông tin tài chính của Tổng công ty và đặc biệt mang lại hiệu quả cao nhất cho các cổ đông.

BẢO ĐẢM QUYỀN LỢI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC

Con người là tài sản lớn nhất của Petrosetco, vì vậy chúng tôi luôn ghi nhận và hiện thực hóa những nỗ lực và đóng góp của CBCNV vào sự tăng trưởng và phát triển bền vững của Tập đoàn.

Petrosetco luôn tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về sử dụng lao động và đảm bảo đầy đủ quyền lợi của người lao động. Năm 2018 Petrosetco đã đảm bảo công việc làm cho người lao động toàn Tổng công ty, không để xảy ra trường hợp người lao động nghỉ việc, không có việc làm.

Petrosetco đảm bảo quyền tự do tham gia các hoạt động công đoàn của người lao động và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức công đoàn hoạt động theo Luật công đoàn và Bộ luật lao động. Toàn bộ người lao động tại Petrosetco tham gia các Thỏa ước lao động tập thể ở các cấp. Quyền lợi của người lao động được cụ thể hóa qua các chế độ, chính sách sau:

1. Chế độ đãi ngộ:

- Lương gồm: Lương sản xuất kinh doanh (12 tháng), lương tháng thứ 13 và được thưởng vào dịp thành lập Petrosetco, Lễ, Tết.
- Chế độ hỗ trợ: Chi phí đi lại, chi phí điện thoại, Phụ cấp ăn ca, Phụ cấp độc hại, Phụ cấp kiêm nhiệm, Công tác phí đi công tác trong và ngoài nước…
- Thưởng theo hiệu quả kinh doanh và theo thành tích thực hiện dự án/công việc. Các thành tích luôn được ghi nhận, khen thưởng kịp thời, công bằng, minh bạch với các phần thưởng có giá trị về tinh thần lẫn vật chất.

2. Chế độ phúc lợi:

Bên cạnh các chế độ phúc lợi chung cho người lao động do pháp luật quy định, Petrosetco xây dựng các chế độ phúc lợi ưu đãi với mục đích chăm sóc toàn diện cho người lao động để yên tâm công tác làm việc, cụ thể như sau:
- Kiểm tra sức khỏe định kỳ: Toàn thể CBCNV đã ký hợp đồng lao động chính thức được kiểm tra sức khỏe định kỳ ít nhất mỗi năm một lần tại các cơ sở y tế do Petrosetco chỉ định và được Tổng công ty đài thọ 100% chi phí khám sức khỏe.
- Chế độ bảo hiểm sức khỏe: Ngoài các chế độ bảo hiểm theo quy định của nhà nước, tất cả CBCNV ký hợp đồng chính thức được Petrosetco mua gói Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện.
- Chế độ cho nữ CBCNV nghỉ thai sản: được hưởng thấp nhất từ 1 triệu đồng/tháng/người và hưởng đầy đủ quyền lợi theo chế độ thai sản quy định tại Luật bảo hiểm xã hội hiện hành.
- Chế độ hưu trí và tử tuất: được hưởng mức từ 5-20 triệu đồng tùy theo thâm niên làm việc.

3. Chính sách đào tạo:

Tất cả CBCNV đã ký hợp đồng lao động chính thức được cử đi đào tạo/tập huấn theo nhu cầu công việc tối thiểu 1 lần/năm.

HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THỂ VÀ XÃ HỘI

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI VÀ HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Trách nhiệm xã hội

Để công ty phát triển trường tồn, ngoài việc chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ hiện tại, Petrosetco cần có trách nhiệm và hành động cụ thể để đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng và xã hội. Chính vì vậy Petrosetco khuyến khích mỗi cán bộ công nhân viên thực hiện và sẻ chia những nghĩa cử tốt đẹp bằng những hành động thiết thực, đồng hành cùng Tổng công ty trong các hoạt động thiện nguyện và xây dựng cộng đồng qua việc đóng góp tài chính và tham gia trực tiếp vào các hoạt động thiện nguyện. Với cách thực hiện như vậy, trong năm 2018 Petrosetco đã chi cho các hoạt động thiện nguyện/cộng đồng như sau:

• Khoản chi lấy từ ngân sách Tổng công ty Petrosetco và đơn vị thành viên: Tài trợ mổ mắt tại Tp. HCM đem lại ánh sáng cho 104 bệnh nhân nghèo ở miền Tây (125 triệu);

• Khoản chi từ nguồn Quỹ tương trợ Dầu khí: 394,300 triệu đồng (hỗ trợ cho cán bộ hưu trí tại Petrosetco và người lao động có hoàn cảnh khó khăn)

HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THỂ VÀ XÃ HỘI (tiếp theo)

• Khoản chi lấy từ nguồn đóng góp CBCNV: 542,5 triệu đồng (Thăm và tặng quà cho người nghèo và các hoàn cảnh khó khăn trên toàn quốc)

• Khoản chi từ nguồn Quỹ vì phụ nữ khó khăn: 168 triệu đồng (hỗ trợ cho người lao động nữ có hoàn cảnh khó khăn)

HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Các hoạt động bảo vệ môi trường

Petrosetco luôn tuân thủ các quy định liên quan đến bảo vệ môi trường, ưu tiên sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, cụ thể:

Xây dựng văn phòng làm việc thân thiện với môi trường: Petrosetco luôn ý thức mô hình văn phòng xanh không chỉ giúp Tổng công ty đạt được những hiệu quả nhất định trong việc tiết kiệm năng lượng, giảm chi phí vận hành văn phòng mà còn góp phần nâng cao nhận thức về môi trường cho CBCNV.

Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường: Petrosetco thường xuyên thực hiện các hoạt động và chương trình tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong CBCNV:

+ Hưởng ứng chiến dịch giờ trái đất

+Thực hiện việc điều tiết điện, nước phù hợp với thời tiết và hoạt động toàn bộ tòa nhà/văn phòng làm việc.

+ Tuyên truyền nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường của toàn thể CBCNV.

+ Tuyên truyền, khuyến khích CBCNV đi bằng cầu thang bộ và hạn chế sử dụng thang máy.

Báo cáo của ban Tổng giám đốc

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Số 4103005338 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 ngày 23 tháng 5 năm 2016.

Hội đồng Quản trị	Ông Phùng Tuấn Hà	Chủ tịch
	Bà Lê Thị Chiến	Thành viên
	Ông Vũ Tiến Dương	Thành viên
	Bà Phạm Thị Hồng Điệp	Thành viên
	Ông Kim Kang Ho	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018)
Ban Kiểm soát	Ông Phan Khắc Vinh	Trưởng ban
	Ông Lê Anh Quốc	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Vũ Tiến Dương	Tổng Giám đốc
	Ông Hồ Minh Việt	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Phạm Thị Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Tú	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Quang Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2018)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Phùng Tuấn Hà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trụ sở chính Lầu 6, Tòa nhà Petro Việt Nam, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Báo cáo của ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT") của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí ("Công ty mẹ") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là "Tổng Công ty") nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Chủ tịch HĐQT được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định Tổng Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Chủ tịch HĐQT của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tổng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Chủ tịch HĐQT của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 53. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Phùng Tuấn Hà
Chủ tịch HĐQT

TP Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 25 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí ("Công ty mẹ") và các công ty con (gọi chung là "Tổng Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2018, và được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT") phê duyệt vào ngày 25 tháng 3 năm 2019. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 53.

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT

Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch HĐQT cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Mai Viết Hùng Trân
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0048-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Cao Thị Ngọc Loan
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán:
3030-2019-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM 7783
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2019

Bảng cân đối Kế toán hợp nhất

Mẫu số B 01 – DN/HN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND	2017 VND
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**4.330.671.814.214**	**4.786.143.044.848**
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**1.038.281.209.462**	**1.342.345.339.986**
111	Tiền		348.751.510.692	338.508.337.541
112	Các khoản tương đương tiền		689.529.698.770	1.003.837.002.445
120	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**		**28.011.800.000**	**28.244.800.000**
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	28.011.800.000	28.244.800.000
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**1.847.136.673.354**	**2.229.463.525.562**
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.602.337.603.339	1.684.907.681.145
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	193.713.174.336	431.103.266.432
136	Phải thu ngắn hạn khác	7	187.633.232.862	211.045.807.038
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(136.547.337.183)	(98.255.510.692)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		-	662.281.639
140	**Hàng tồn kho**	**10**	**1.005.806.038.013**	**774.605.298.993**
141	Hàng tồn kho		1.034.126.786.928	790.864.877.778
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(28.320.748.915)	(16.259.578.785)
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**411.436.093.385**	**411.484.080.307**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		8.522.285.940	10.140.752.223
152	Thuế GTGT được khấu trừ	10(a)	400.786.975.549	400.131.863.898
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10(a)	2.126.831.896	1.211.464.186

Bảng cân đối Kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Mã	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND	2017 VND
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.232.389.760.023**	**1.386.636.201.219**
210	**Khoản phải thu dài hạn**		**8.162.504.752**	**8.361.270.031**
216	Phải thu dài hạn khác		8.162.504.752	8.361.270.031
220	**Tài sản cố định**		**190.496.727.093**	**203.600.840.740**
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	87.993.861.420	100.747.708.067
222	Nguyên giá		327.863.935.080	327.870.252.182
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(239.870.073.660)	(227.122.544.115)
227	Tài sản cố định vô hình	11(b)	102.502.865.673	102.853.132.673
228	Nguyên giá		106.860.184.632	107.082.807.737
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.357.318.959)	(4.229.675.064)
230	**Bất động sản đầu tư**	12	**758.428.814.929**	**802.740.513.854**
231	Nguyên giá		858.194.158.578	861.998.984.242
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(99.765.343.649)	(59.258.470.388)
240	**Tài sản dở dang dài hạn**		**38.512.494.154**	**102.728.014.308**
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	38.512.494.154	102.728.014.308
250	**Đầu tư tài chính dài hạn**		**22.705.237.055**	**42.001.621.150**
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	15.474.289.268	16.441.621.150
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(c)	28.910.000.000	27.560.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(c)	(22.160.000.000)	(2.000.000.000)
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		480.947.787	-
260	**Tài sản dài hạn khác**		**214.083.982.040**	**227.203.941.136**
261	Chi phí trả trước dài hạn	14	198.530.067.519	213.430.498.636
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	15	3.310.854.521	-
269	Lợi thế thương mại	16	12.243.060.000	13.773.442.500
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**5.563.061.574.237**	**6.172.779.246.067**

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 53 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Bảng cân đối Kế toán hợp nhất

Mẫu số B 01 – DN/HN

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND	2017 VND
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**3.942.652.024.730**	**4.512.198.485.463**
310	**Nợ ngắn hạn**		**3.557.079.155.532**	**4.099.088.566.592**
311	Phải trả người bán ngắn hạn	17	1.428.095.256.213	1.375.987.881.476
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	89.349.766.737	304.168.612.427
313	Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	10(b)	29.801.737.904	31.400.887.211
314	Phải trả người lao động		81.425.763.820	86.684.642.775
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	19	28.345.497.684	22.227.978.586
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20(a)	31.870.171.186	35.076.695.490
319	Phải trả ngắn hạn khác	21(a)	179.413.912.692	144.946.961.090
320	Vay ngắn hạn	22(a)	1.614.290.757.720	2.031.170.448.265
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	74.486.291.576	67.424.459.272
330	**Nợ dài hạn**		**385.572.869.198**	**413.109.918.871**
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	20(b)	47.727.272.747	75.077.806.678
337	Phải trả dài hạn khác	21(b)	54.635.171.676	55.850.108.311
338	Vay dài hạn	22(b)	279.910.424.775	278.882.003.882
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	15	3.300.000.000	3.300.000.000
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.620.409.549.507**	**1.660.580.760.604**
410	**Vốn chủ sở hữu**		**1.620.409.549.507**	**1.660.580.760.604**
411	Vốn góp của chủ sở hữu	24, 25	866.001.240.000	866.001.240.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*866.001.240.000*	*866.001.240.000*
412	Thặng dư vốn cổ phần	25	133.918.052.614	133.918.052.614
414	Vốn khác của chủ sở hữu	25	90.820.087.775	56.740.087.775
415	Cổ phiếu quỹ	25	(50.118.432.974)	(35.523.322.342)
418	Quỹ đầu tư phát triển	25	172.453.174.126	172.453.174.126
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	25	264.287.335.590	303.178.676.162
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước*		*200.269.009.711*	*228.333.891.914*
421b	*- LNST chưa phân phối của năm nay*		*64.018.325.879*	*74.844.784.248*
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26	143.048.092.376	163.812.852.269
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**5.563.061.574.237**	**6.172.779.246.067**

Phạm Thị Ninh
Người lập

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán trưởng

Phùng Tuấn Hà
Chủ tịch HĐQT
Ngày 25 tháng 3 năm 2019

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Mẫu số B 02 – DN/HN

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND	2017 VND
01	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**11.237.353.478.530**	**10.834.566.185.375**
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		(145.377.143.791)	(131.307.913.285)
10	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**30**	**11.091.976.334.739**	**10.703.258.272.090**
11	**Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	**31**	**(10.429.535.229.187))**	**(9.955.349.766.791)**
20	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**662.441.105.552**	**747.908.505.299**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	32	80.677.869.112	66.337.307.855
22	Chi phí tài chính	33	(125.261.973.866)	(113.393.202.528)
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(93.376.087.267)*	*(105.602.842.553)*
24	Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	4(b)	(967.331.882)	391.174.529
25	Chi phí bán hàng	34	(240.776.025.051)	(255.769.838.013)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	35	(202.902.993.436)	(246.738.361.502)
30	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**173.210.650.429**	**198.735.585.640**
31	Thu nhập khác		13.562.355.930	12.001.994.383
32	Chi phí khác		(4.260.519.629)	(8.275.065.574)
40	**Lợi nhuận khác**	**36**	**9.301.836.301**	**3.726.928.809**
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**182.512.486.730**	**202.462.514.449**
51	**Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**37**	**(55.880.843.431)**	**(55.154.138.356)**
52	**Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	**15, 37**	**3.310.854.521**	**(3.489.110.129)**
60	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**129.942.497.820**	**143.819.265.964**
	Phân bổ cho:			
61	**Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ**		**113.081.223.363**	**131.362.586.804**
62	**Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**		**16.861.274.457**	**12.456.679.160**
71	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**28(a)**	**1.243**	**1.400**
72	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	**28(b)**	**1.243**	**1.400**

Phạm Thị Ninh
Người lập

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán trưởng

Phùng Tuấn Hà
Chủ tịch HĐQT
Ngày 25 tháng 3 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03 – DN/HN

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND	2017 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**182.512.486.730**	**202.462.514.449**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ"), bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại		68.269.641.488	82.646.733.051
03	Các khoản dự phòng		70.512.996.621	55.008.041.353
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(3.384.565.760)	585.648.946
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(61.389.293.024)	(49.830.020.287
06	Chi phí lãi vay		93.376.087.267	105.602.842.553
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**349.897.353.322**	**396.475.760.065**
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		348.297.892.285	(627.252.864.667
10	(Tăng)/ giảm hàng tồn kho		(243.261.909.150)	194.895.512.198
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(114.998.660.317)	206.005.326.977
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		16.518.897.400	(2.427.463.087)
14	Lãi vay đã trả		(92.039.643.102)	(101.358.064.470
15	Thuế TNDN đã nộp		(56.565.355.516)	(49.225.276.378
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(10.611.476.937)	(12.994.231.753
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**197.237.097.985**	**4.118.698.885**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(11.715.479.711)	(35.467.376.989
22	Thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác		1.177.688.181	584.629.383
23	Chi đầu tư tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn		(9.247.947.787)	(35.744.800.000
24	Thu hồi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn		9.000.000.000	21.000.000.000
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.350.000.000)	(5.400.000.000
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.074.399.778
27	Thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia		61.337.305.501	53.862.131.587
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**49.201.566.184**	**(2.239.815.797**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Thu từ phát hành cổ phiếu		-	2.352.773.000
32	Mua lại cổ phiếu đã phát hành		(14.595.110.632)	-
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn		6.662.948.556.690	6.965.782.684.792
34	Chi trả nợ gốc vay		(7.078.799.826.342)	(7.209.668.614.101
36	Chi trả cổ tức cho chủ sở hữu		(120.145.639.162)	(112.485.661.597
40	**Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính**		**(550.592.019.446)**	**(354.018.817.906**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(304.153.355.277)**	**(352.139.934.818)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	3	**1.342.345.339.986**	**1.694.402.253.760**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		89.224.753	83.021.044
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	3	**1.038.281.209.462**	**1.342.345.339.986**

Phạm Thị Ninh	Nguyễn Thị Thanh	Phùng Tuấn Hà
Người lập	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
		Ngày 25 tháng 3 năm 2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí ("Công ty mẹ") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005338 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 18, ngày 23 tháng 5 năm 2016. Công ty mẹ được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty nhà nước, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là "Tập đoàn" hay "PVN").

Cổ phiếu của Công ty mẹ đã chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 12 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PET, theo Quyết định số 94/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 13 tháng 8 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty mẹ và các công ty con ("Tổng Công ty") bao gồm:

- Kinh doanh bán buôn các sản phẩm hạt nhựa, xơ sợi;
- Cung cấp dịch vụ hỗ trợ và quản lý, dịch vụ hỗ trợ nhân sự;
- Cho thuê kho, nhà xưởng, mặt bằng, văn phòng;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị;
- Mua bán thiết bị viễn thông;
- Cung cấp vật tư, thiết bị chuyên ngành dầu khí;
- Vận tải và xếp dỡ cấu kiện siêu trường siêu trọng;
- Kinh doanh dịch vụ, sản phẩm sinh hoạt đời sống cho các hoạt động của ngành dầu khí;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu LPG, chiết nạp ga;
- Phát triển và kinh doanh bất động sản; và
- Quản lý bất động sản (tòa nhà, khách sạn, các công trình nhà ở).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có 2.450 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2.396 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có 11 công ty con sở hữu trực tiếp; 3 công ty con sở hữu gián tiếp, 1 công ty liên kết trực tiếp và 1 công ty liên kết gián tiếp được trình bày như sau:

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

Tên	Địa điểm (Tỉnh/Thành phố)	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính	2018 Quyền biểu quyết (%)	2018 Quyền sở hữu (%)	2017 Quyền biểu quyết (%)	2017 Quyền sở hữu (%)
I - Công ty con trực tiếp						
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí ("PSD")	Thành phố Hồ Chí Minh	Phân phối thiết bị điện tử viễn thông	80,02	80,02	80,02	80,02
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển ("POTS")	Thành phố Hồ Chí Minh	Thương mại, dịch vụ	60	60	60	60
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu ("PSV")	Vũng Tàu	Cung cấp dịch vụ	70	70	70	70
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung ("PSMT")	Quảng Ngãi	Thương mại, dịch vụ	99,79	99,79	99,79	99,79
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí ("PSA")	Hà Nội	Quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà	78,61	78,61	78,61	78,61
Công ty TNHH Petrosetco - SSG ("PSSSG") (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	51	21,46	51	20,27
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh ("Smartcom")	Thành phố Hồ Chí Minh	Thiết bị, linh kiện điện tử, thiết bị ngoại vi, phần mềm	55	55	55	55
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí ("PSR")	Thành phố Hồ Chí Minh	Bán lẻ điện thoại	75	72,75	75	72,75
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam ("PSL") (ii)	Thành phố Hồ Chí Minh	Hỗ trợ vận tải	67	44	67	44
Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí ("PHTD")	Thành phố Hồ Chí Minh	Phân phối thiết bị, linh kiện điện tử, thiết bị ngoại vi	51	51	51	51
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Cấu kiện Siêu trường Siêu trọng Petrosetco - Ale ("Petrosetco - Ale") (iii)	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải và xếp dỡ cấu kiện siêu trường siêu trọng	-	-	51	51
Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí ("PST") (iv)	Thành phố Hồ Chí Minh	Đã giải thể	100	100	100	100
Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí ("PSG") (iv)	Thành phố Hồ Chí Minh	Ngưng hoạt động và đang chờ giải thể	100	100	100	100

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

Tên	Địa điểm (Tỉnh/Thành phố)	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính	2018 Quyền biểu quyết (%)	2018 Quyền sở hữu (%)	2017 Quyền biểu quyết (%)	2017 Quyền sở hữu (%)
II - Công ty con gián tiếp						
Công ty Cổ phần Điện tử Điện lạnh Bình Minh ("Bình Minh")	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh sản phẩm điện tử, điện lạnh, điện gia dụng	51	40,81	51	40,81
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dầu khí Nha Trang ("Nha Trang PST")	Nha Trang	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	100	99,79	100	99,79
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Cấu kiện Siêu trường Siêu trọng Petrosetco - Ale ("Petrosetco - Ale") (iii)	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải và xếp dỡ cấu kiện siêu trường siêu trọng	51	22,44	-	-
III – Công ty liên kết trực tiếp						
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	Dịch vụ cho thuê văn phòng	24	24	24	24
IV – Công ty liên kết gián tiếp						
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại số Vietecom (v)	Hà Nội	Kinh doanh thiết bị điện tử, công nghệ thông tin, chuyển giao công nghệ, giao nhận hàng hóa	20	16	20	16

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại PSSSG chỉ là 21,46% và 20,27%, tương ứng, Tổng Công ty vẫn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của PSSSG thông qua 51% đại diện trong Hội đồng Quản trị của PSSSG. Do đó, Tổng Công ty kiểm soát PSSSG và PSSSG vẫn được trình bày và phân loại là công ty con của Tổng Công ty cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại PSL chỉ là 44%, Tổng Công ty vẫn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của PSL thông qua 2/3 đại diện trong Hội đồng Quản trị của PSL. Do đó, Tổng Công ty kiểm soát PSL và PSL vẫn được trình bày và phân loại là công ty con của Tổng Công ty cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

(iii) Theo Nghị quyết số 01/NQ-DVTHDK ngày 3 tháng 1 năm 2018 về việc tái cấu trúc các thành viên trực thuộc Tổng Công ty và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2018/PETROSETCO-ALE ngày 2 tháng 2 năm 2018, Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Petrosetco - Ale tương đương 5,1 tỷ Đồng cho PSL với giá chuyển nhượng là 5,1 tỷ Đồng.

(iv) Theo Quyết định số 313/QĐ-DVTHDK-HĐQT và 314/QĐ-DVTHDK-HĐQT ngày 26 tháng 12 năm 2011, HĐQT của Tổng Công ty quyết định giải thể PST và PSG kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2012.

Theo Thông báo số 975037/18 ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Đăng ký Kinh doanh Thành phố Hồ Chí Minh đã xác nhận tình trạng giải thể của PST, trên cơ sở PST đã hoàn tất các thủ tục giải thể theo yêu cầu của quy định hiện hành.

Hiện tại, PSG đang trong quá trình quyết toán với cơ quan thuế để hoàn thiện các thủ tục cho việc giải thể doanh nghiệp. Trong giai đoạn từ năm 2013 đến nay, PSG không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh nào.

(v) Vietecom đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tổng Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tổng Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tổng Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh trong nội bộ các công ty thành viên được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tổng Công ty áp dụng.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tổng Công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tổng Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tổng Công ty vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tổng Công ty được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong các công ty liên kết, Tổng Công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Công ty liên kết (tiếp theo)

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tổng Công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tổng Công ty với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tổng Công ty trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành. Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tổng Công ty áp dụng

2.5 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tổng Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tổng Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con định kỳ hàng năm. Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế trừ tổn thất lợi thế thương mại lũy kế. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Chủ tịch HĐQT đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho bao gồm hàng hóa bất động sản được xây dựng với mục đích để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tổng Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá; hàng hóa; và các loại hàng tồn kho khác.

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng hóa bất động sản bao gồm giá đất và các chi phí xây dựng sở hạ tầng, chi phí trực tiếp và chi phí chung. Giá gốc của các loại hàng tồn kho khác bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí chung khác có liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho (tiếp theo)

Giá gốc được xác định trên cơ sở thực tế đích danh đối với hạt nhựa, bình quân gia quyền đối với các loại hàng tồn kho khác. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.9 Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Chủ tịch HĐQT có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy mà nhà đầu tư nắm giữ lâu dài, dự phòng được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường. Đối với các khoản đầu tư khác, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Chủ tịch HĐQT đã dự đoán từ khi đầu tư.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	2% - 20%
Máy móc thiết bị	7% - 33%
Phương tiện vận tải	10% - 33%
Thiết bị quản lý	10% - 33%
Phần mềm máy tính	12,5% - 33%

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không phải trích khấu hao.

2.10 Tài sản cố định (tiếp theo)

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong thời gian sử dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Quyền sử dụng đất	2%
Nhà cửa, vật kiến trúc	2% - 33%

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là tiền thuê văn phòng và tiền thuê kho trả trước. Chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong đó, chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm khoản trả trước tiền mua vỏ bình ga; chi phí thuê văn phòng; công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng.

Khoản trả trước tiền mua vỏ bình ga được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm phù hợp với quy định tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính – "Hướng dẫn về chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai".

2.14 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.15 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.16 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.17 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.18 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Tổng Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

2.19 Vốn chủ sở hữu

(a) Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

(b) Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

(c) Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị các khoản vốn khác của chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

(d) Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành và được mua lại bởi chính Công ty mẹ, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

(e) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Tổng Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.20 Phân chia lợi nhuận thuần sau thuế TNDN

Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để đầu tư mở rộng và phát triển kinh doanh.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để dùng cho công tác khen thưởng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

2.21 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

. Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Tổng Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tổng Công ty thì Tổng Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho khách hàng phần lớn những rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản đã được chuyển giao cho người mua. Việc ghi nhận doanh thu bán bất động sản phải đảm bảo đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

(c) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(d) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê.

(e) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(f) Thu nhập từ cổ tức/ lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia từ các đơn vị đầu tư.

(g) Thu nhập từ ký cược, ký quỹ vỏ bình ga

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vỏ bình ga được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình ga đã nhận từ khách hàng theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm, tương ứng với cách thức phân bổ chi phí vỏ bình ga (Thuyết minh 2.13), theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn về chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai".

2.22 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

2.23 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.24 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, và lỗ tỷ giá hối đoái và chiết khấu thanh toán.

2.25 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, chi phí bảo quản, đóng gói và vận chuyển.

2.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng; công cụ lao động; khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác.

2.27 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.28 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

2.30 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam yêu cầu Chủ tịch HĐQT phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch HĐQT, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2018 VND	2017 VND
Tiền mặt	6.239.434.885	7.250.188.703
Tiền gửi ngân hàng (*)	342.512.075.807	331.258.148.838
Các khoản tương đương tiền (**)	689.529.698.770	1.003.837.002.445
	1.038.281.209.462	1.342.345.339.986

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, bao gồm trong tiền gửi ngân hàng là khoản tiền gửi thanh toán tại ngân hàng thương mại có giá trị là 27.900.000.000 Đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng (Thuyết minh 22).

(**) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất bình quân từ 4,5% đến 5,5%/năm (năm 2017: 4,2% đến 5,5%/năm).

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	2018		2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	28.011.800.000	28.011.800.000	28.244.800.000	28.244.800.000

Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất bình quân từ 5,1% - 8%/năm (năm 2017: 5,5% - 8%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, bao gồm trong tiền gửi có kỳ hạn là khoản tiền gửi có trị giá 16 tỷ Đồng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 22).

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

	2018				2017			
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	14.359.957.249	15.474.289.268	(*)	-	14.359.957.249	16.441.621.150	(*)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại số Vietecom	853.268.080	-	(*)	-	853.268.080	-	(*)	-
	15.213.225.329	15.474.289.268		-	15.213.225.329	16.441.621.150		-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này, vì đây là khoản đầu tư tài chính dài hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

	2018 VND	2017 VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	16.441.621.150	16.050.446.622
(Lỗ)/lãi trong công ty liên kết	(967.331.882)	391.174.528
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	15.474.289.268	16.441.621.150

	2018				2017			
	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	0,2	2.000.000.000	(*)	(2.000.000.000)	0,2	2.000.000.000	(*)	(2.000.000.000)
Công ty TNHH Coolpad Việt Nam		20.160.000.000	(*)	(20.160.000.000)		20.160.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Khí Công Nghiệp Dầu Khí Việt Hàn	12	6.750.000.000	(*)	-	12	5.400.000.000	(*)	-
		28.910.000.000		(22.160.000.000)		27.560.000.000		(2.000.000.000)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này, vì đây là các khoản đầu tư tài chính dài hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2018 VND	2017 VND
Bên thứ ba		
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	*30.411.004.591*	*133.225.047.545*
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	*123.121.611.348*	*202.772.207.964*
Công ty TNHH Kỹ thuật Icool	*72.210.248.974*	*72.210.248.974*
Công ty TNHH Coolpad Việt Nam	*42.965.708.261*	*64.773.758.615*
Khác	*1.044.051.377.824*	*1.102.962.522.899*
	1.312.759.950.998	1.575.943.785.997
Bên liên quan (Thuyết minh 40(b))	289.577.652.341	108.963.895.148
	1.602.337.603.339	1.684.907.681.145

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2018 VND	2017 VND
Bên thứ ba		
Công ty Global Consulting and Mechanical Services LLC (*)	*119.000.391.587*	*201.462.439.669*
Công ty Rosemount Technology Limited (*)	*-*	*82.247.625.736*
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát	*42.662.223.802*	*42.025.456.603*
Công ty Itel Mobile Limited	*-*	*34.109.668.290*
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Cường Thịnh	*-*	*20.059.023.213*
Khác	*32.050.558.947*	*51.199.052.921*
	193.713.174.336	431.103.266.432

(*) Trong năm 2017, POTS, một công ty con của Tổng Công ty, ký hợp đồng thực hiện dịch vụ cho khách hàng và đã nhận khoản người mua trả trước là 232 tỷ Đồng (Thuyết minh 18) và đồng thời đã trả trước cho những người bán này số tiền nêu trên để thực hiện hợp đồng dịch vụ này. Nội dung dịch vụ sẽ được thực hiện từ ngày ký hợp đồng đến năm 2022. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, khoản trả trước cho người bán ngắn hạn thể hiện giá trị còn được cấn trừ trong tương lai.

7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2018 VND	2017 VND
Phải thu từ chiết khấu thương mại được hưởng	58.447.866.826	77.929.081.416
Phải thu lãi tiền gửi	2.516.436.679	2.825.578.761
Hỗ trợ bán hàng từ người bán	68.874.097.135	71.950.709.329
Ký quỹ, ký cược	25.973.800.000	27.359.900.443
Khác	31.821.032.222	30.980.537.089
	187.633.232.862	211.045.807.038

8 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	2018				2017			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	239.186.171.003	102.638.833.820	(136.547.337.183)	Trên 6 tháng đến dưới 5 năm	195.074.080.813	96.818.570.121	(98.255.510.692)	Trên 6 tháng đến dưới 5 năm

9 HÀNG TỒN KHO

	2018		2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa bất động sản (*)	32.450.512.124	-	-	-
Hàng đang đi đường	118.592.796.571	-	64.496.621.718	-
Nguyên vật liệu	1.351.239.429	-	1.637.344.682	-
Công cụ, dụng cụ	2.018.607.974	-	2.796.581.843	-
Chi phí SXKD dở dang	439.158.002	-	449.417.522	-
Hàng hóa	816.546.887.425	(28.320.748.915	682.996.947.436	(16.259.578.785)
Thành phẩm	19.074.107	-	37.140.025	-
Hàng gửi đi bán	62.708.511.296	-	38.450.824.552	-
	1.034.126.786.928	(28.320.748.915	790.864.877.778	(16.259.578.785)

(*) Hàng hóa bất động sản thể hiện giá trị bất động sản để bán của Dự án Khu dân cư 41D Vũng Tàu tại số 41D Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu ("Dự án 41D Vũng Tàu").

Mẫu số B 09 – DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, một phần giá trị hàng tồn kho đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 22).

Biến động về dự phòng hàng tồn kho trong năm như sau

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	16.259.578.785	16.100.446.541
Tăng dự phòng	25.783.027.297	4.430.546.901
Hoàn nhập dự phòng	(13.721.857.167	(4.271.414.657)
Số dư cuối năm	28.320.748.915	16.259.578.785

10 THUẾ PHẢI THU VÀ THUẾ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	2018 VND	2017 VND
Thuế GTGT được khấu trừ	400.786.975.549	400.131.863.898
Thuế TNDN nộp thừa	128.675.472	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	617.230.461	432.613.901
Khác	1.380.925.963	778.850.285
	402.913.807.445	401.343.328.084

(b) Thuế phải nộp Nhà nước

	2018 VND	2017 VND
Thuế GTGT	7.814.553.202	8.130.155.785
Thuế TNDN	18.963.055.991	19.518.892.604
Thuế thu nhập các nhân	3.024.128.711	3.751.838.822
	29.801.737.904	31.400.887.211

10 THUẾ PHẢI THU VÀ THUẾ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Tình hình biến động trong năm của các khoản thuế phải thu Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2018 VND	Số phải thu/phải nộp trong năm VND	Số đã được hoàn/ đã nộp trong năm VND	Số đã cấn trừ trong năm VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2018 VND
(a) Phải thu						
Thuế GTGT được khấu trừ (*)	400.131.863.898	1.155.076.052.550	(6.377.528.421)	(1.148.043.412.478)	-	400.786.975.549
Thuế TNDN nộp thừa	-		-		128.675.472	128.675.472
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	432.613.901			(432.613.901)	617.230.461	617.230.461
Khác	778.850.285		-	(778.850.285)	1.380.925.963	1.380.925.963
	401.343.328.084	1.155.076.052.550	(6.377.528.421)	(1.149.254.876.664)	2.126.831.896	402.913.807.445
(b) Phải nộp						
Thuế GTGT	8.130.155.785	1.562.819.112.950	(415.091.303.055)	(1.148.043.412.478)	-	7.814.553.202
Thuế TNDN	19.518.892.604	55.880.843.431	(56.565.355.516)	-	128.675.472	18.963.055.991
Thuế thu nhập cá nhân	3.751.838.822	36.083.536.119	(36.995.862.790)	(432.613.901)	617.230.461	3.024.128.711
Khác	-	6.536.261.918	(7.138.337.596)	(778.850.285)	1.380.925.963	-
	31.400.887.211	1.661.319.754.418	(515.790.858.957)	(1.149.254.876.664)	2.126.831.896	29.801.737.904

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, bao gồm trong thuế GTGT được khấu trừ là khoản thuế GTGT của TGT đã được Tổng Công ty làm hồ sơ xin hoàn là 265,7 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 272,4 tỷ Đồng) và đang chờ kết quả từ các cơ quan thuế.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	**98.795.139.489**	**90.378.570.462**	**122.936.404.549**	15.760.137.682	**327.870.252.182**
Mua trong năm	**1.149.436.818**	**2.561.268.136**	8.841.174.660	392.541.269	**12.944.420.883**
Thanh lý, nhượng bán	**(245.855.885)**	**(3.929.199.885)**	(6.731.493.665)	(2.044.188.550)	**(12.950.737.985)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	**99.698.720.422**	**89.010.638.713**	125.046.085.544	14.108.490.401	**327.863.935.080**
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	**57.111.942.496**	**70.163.865.027**	**86.192.785.060**	13.653.951.532	**227.122.544.115**
Khấu hao trong năm	**4.265.692.290**	**6.934.857.241**	12.163.901.240	1.405.749.322	**24.770.200.093**
Thanh lý, nhượng bán	**(162.253.332)**	**(3.929.199.885)**	(6.118.028.284)	(1.813.189.047)	**(12.022.670.548)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	**61.215.381.454**	**73.169.522.383**	92.238.658.016	13.246.511.807	**239.870.073.660**
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	**41.683.196.993**	**20.214.705.435**	**36.743.619.489**	2.106.186.150	**100.747.708.067**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	**38.483.338.968**	**15.841.116.330**	32.807.427.528	861.978.594	**87.993.861.420**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	101.988.494.434	5.094.313.303	**107.082.807.737**
Mua trong năm	-	98.500.000	**98.500.000**
Xoá sổ	-	(321.123.105)	**(321.123.105)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	101.988.494.434	4.871.690.198	**106.860.184.632**
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	-	4.229.675.064	**4.229.675.064**
Khấu hao trong năm	-	448.767.000	**448.767.000**
Xoá sổ	-	(321.123.105)	**(321.123.105)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	-	4.357.318.959	**4.357.318.959**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	101.988.494.434	864.638.239	**102.853.132.673**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	101.988.494.434	514.371.239	**102.502.865.673**

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 2,87 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2,7 tỷ Đồng).

12 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	6.120.000.000	855.878.984.24	**861.998.984.242**
Tăng	-	699.257.15	**699.257.155**
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.504.082.819	**(4.504.082.819)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	6.120.000.000	852.074.158.57	**858.194.158.578**
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	1.586.213.790	57.672.256.59	**59.258.470.388**
Khấu hao trong năm	612.000.000	40.908.291.89	**41.520.291.895**
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.013.418.634	**(1.013.418.634)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	2.198.213.790	97.567.129.85	**99.765.343.649**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	4.533.786.210	798.206.727.64	**802.740.513.854**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	3.921.786.210	754.507.028.71	**758.428.814.929**

Bất động sản đầu tư chủ yếu bao gồm:

- Nhà cửa, vật kiến trúc liên quan đến khu nhà ở tại Khu liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn ("Dự án Nghi Sơn") được Công ty mẹ xây dựng và cho thuê.
- Quyền sử dụng đất liên quan đến khu đất sở hữu bởi PSMT đang được sử dụng để cho thuê.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, toàn bộ giá trị của nhà cửa, vật kiến trúc được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 22).

Trong năm 2018, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 117.166.729.375 Đồng (năm 2017: 130.750.018.449 Đồng).

Tổng Công ty chưa thu thập đủ thông tin về các bất động sản tương tự làm cơ sở so sánh giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này, Chủ tịch HĐQT tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

13 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	2018 VND	2017 VND
Dự án 41D Vũng Tàu	-	64.546.743.156
Dự án Cape Pearl	37.503.649.278	37.202.219.052
Khác	1.008.844.876	979.052.100
	38.512.494.154	102.728.014.308

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	102.728.014.308	77.085.251.139
Xây dựng cơ bản trong năm	331.223.002	25.642.763.169
Phân loại lại sang hàng tồn kho	(64.546.743.156)	-
Số dư cuối năm	38.512.494.154	102.728.014.308

14 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi tiết của chi phí trả trước dài hạn được trình bày như sau:

	2018 VND	2017 VND
Chi phí thuê văn phòng (*)	99.171.522.333	101.546.888.137
Chi phí vỏ bình ga	48.402.203.601	56.718.116.343
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	20.572.583.834	26.893.678.447
Các khoản khác	30.383.757.751	28.271.815.709
	198.530.067.519	213.430.498.636

(*) Bao gồm khoản trả trước cho PVN để thuê văn phòng. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ năm 2010.

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	213.430.498.636	201.267.567.590
Tăng	11.940.116.106	17.186.236.698
Phân bổ trong năm	(26.840.547.223)	(18.282.177.036)
Phân loại lại từ bất động sản đầu tư	-	13.258.871.384
Số dư cuối năm	198.530.067.519	213.430.498.636

15 THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế.

Chi tiết của thuế thu nhập hoãn lại được trình bày như sau:

	2018 VND	2017 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	3.310.854.521	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng	3.300.000.000	3.300.000.000

Biến động gộp của thuế thu nhập hoãn lại trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	189.110.129
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.300.000.000)	-
Số dư đầu năm	(3.300.000.000)	189.110.129
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 37)	3.310.854.521	(3.489.110.129)
Số dư cuối năm	10.854.521	(3.300.000.000)
Trong đó:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.310.854.521	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.300.000.000)	(3.300.000.000)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả chủ yếu phát sinh từ chênh lệch tạm thời liên quan đến các khoản dự phòng khi tiến hành hợp nhất báo cáo tài chính.

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai của Tổng Công ty để cấn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai của các công ty con trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính của các công ty con. Tuy nhiên, Tổng Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại này vì khả năng các công ty con có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

16 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	13.773.442.500	15.415.319.894
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 35)	(1.530.382.500)	(1.641.877.394)
Số dư cuối năm	12.243.060.000	13.773.442.500

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017, lợi thế thương mại thể hiện giá trị lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua Bình Minh.

17 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2018 VND	2017 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	*70.491.782.900*	*250.308.282.400*
Công ty Shenzhen Sang Fei Consumer Communications Co, Ltd.	*-*	*70.813.364.481*
Công ty Microsoft Regional Sales Corporation	*57.761.717.651*	*70.779.044.651*
Công ty Dell Global B.V. (Singapore Branch)	*199.526.352.550*	*60.427.356.500*
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp	*-*	*42.854.273.564*
Khác	*626.900.455.933*	*372.470.921.933*
	954.680.309.034	867.653.243.529
Bên liên quan (Thuyết minh 40(b))	473.414.947.179	508.334.637.947
	1.428.095.256.213	1.375.987.881.476

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017, Chủ tịch HĐQT tin tưởng rằng Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản phải trả người bán ngắn hạn trên và không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào quá hạn chưa thanh toán.

18 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	2018 VND	2017 VND
Bên thứ ba		
Người mua trả tiền trước	-	*51.324.598.300*
Khác	*10.809.235.647*	*20.532.978.377*
	10.809.235.647	71.857.576.677
Bên liên quan (Thuyết minh 40(b))	78.540.531.090	232.311.035.750
	89.349.766.737	304.168.612.427

19 CHI PHÍ TRẢ NGẮN HẠN

	2018 VND	2017 VND
Chí phí thuê kho và vận chuyển	10.274.515.709	2.814.459.673
Chi phí lãi vay	8.490.392.082	7.153.947.917
Phụ cấp cho nhân viên	474.089.660	4.238.052.915
Chi phí dịch vụ cho thuê chuyên gia	2.859.787.350	-
Khác	6.246.712.883	8.021.518.081
	28.345.497.684	22.227.978.586

20 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

(a) Ngắn hạn

	2018 VND	2017 VND
Doanh thu cho thuê nhận trước (*)	27.272.727.273	27.272.727.273
Khác	4.597.443.913	7.803.968.217
	31.870.171.186	35.076.695.490

(b) Dài hạn

	2018 VND	2017 VND
Doanh thu cho thuê nhận trước (*)	47.727.272.747	75.000.000.011
Khác	-	77.806.667
	47.727.272.747	75.077.806.678

(*) Đây là khoản tiền ứng trước nhận từ Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn, một bên liên quan, để cho thuê khu nhà ở và cung cấp dịch vụ phục vụ cho Dự án Nghi Sơn (Thuyết minh 12)

21 PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2018 VND	2017 VND
Phải trả cho các quỹ sử dụng theo quy định của ngành nghề kinh doanh	4.729.320.176	4.075.406.016
Phải trả hỗ trợ bán hàng cho khách hàng	33.059.818.886	61.169.602.857
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 27)	37.683.689.120	22.777.755.034
Phải trả liên quan tới bảo hiểm khoản phải thu	44.590.090.748	20.273.346.173
Phải trả một bên liên quan cho việc điều chỉnh hợp đồng thuê	17.063.173.604	-
Khác	42.287.820.158	36.650.851.010
	179.413.912.692	144.946.961.090

(b) Dài hạn

	2018 VND	2017 VND
Ký quỹ, ký cược vỏ bình ga (*)	27.872.772.164	34.821.597.036
Ký quỹ, ký cược khác	18.791.253.958	13.582.583.990
Tiền thuê đất ở Vũng Tàu (**)	7.030.627.285	7.030.627.285
Các khoản khác	940.518.269	415.300.000
	54.635.171.676	55.850.108.311

(*) Ký quỹ, ký cược bình ga được kết chuyển vào thu nhập khác tương ứng với thời gian phân bổ khoản trả trước tiền mua vỏ bình ga (Thuyết minh 2.13) theo quy định tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính – "Hướng dẫn về chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai".

(**) Đây là khoản tiền thuê đất phải nộp Kho bạc Nhà nước Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu liên quan đến hợp đồng thuê đất.

22 CÁC KHOẢN VAY

(a) Vay ngắn hạn

Vay ngắn hạn chủ yếu thể hiện giá trị của các khoản vay ngân hàng thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	Tại ngày 1.1.2018 VND	Vay trong năm VND	Trả nợ vay trong năm VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2018 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Ngoại thương Việt Nam	404.546.716.363	1.228.114.662.801	(1.423.371.142.214)	-	209.290.236.950
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	454.122.231.897	966.653.815.643	(1.012.871.503.579)	-	407.904.543.961
Ngân hàng TMCP Quân Đội	201.987.644.397	849.562.058.126	(616.814.358.269)	-	434.735.344.254
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	215.770.426.436	1.406.633.971.762	(1.573.735.308.230)	-	48.669.089.968
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam)	294.569.087.375	1.305.419.726.690	(1.208.787.054.199)	-	391.201.759.866
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	47.000.000.000	379.500.000.000	(344.500.000.000)	-	82.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	23.204.013.888	7.763.087.120	(30.967.101.008)	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	54.110.839.284	-	(54.110.839.284)	-	-
Ngân hàng TMCP An Bình	19.896.763.719	-	(19.896.763.719)	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	36.903.011.154	-	(36.903.011.154)	-	-
Ngân hàng TMCP Á Châu (Thuyết minh 22(b))	21.787.573.927	-	(23.913.225.472)	30.698.379.107	28.572.727.562
Ngân hàng Standard Chartered	226.388.687.785	404.482.989.028	(630.871.676.813)	-	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	6.672.722.500	34.799.097.059	(29.554.764.400)	-	11.917.055.159
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	24.210.729.540	48.292.348.461	(72.503.078.001)	-	-
	2.031.170.448.265	6.631.221.756.690	(7.078.799.826.342)	30.698.379.107	1.614.290.757.720

Các khoản vay từ các ngân hàng thương mại được thực hiện dưới hình thức hợp đồng hạn mức tín dụng hoặc phát hành tín dụng thư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản thế chấp của các khoản vay bao gồm:

- Cam kết bảo lãnh tín dụng của Công ty mẹ cho các công ty con với giá trị là là 3.812,6 tỷ Đồng và 30 triệu Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 4.309,5 tỷ Đồng và 10 triệu Đô la Mỹ) (Thuyết minh 41(c));
- Cam kết bảo lãnh của PSD cho Bình Minh với giá trị là 10 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 10 tỷ Đồng) (Thuyết minh 41(c));
- Một phần tiền gửi có kỳ hạn, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và hàng tồn kho (Thuyết minh 4(a), 5, 9).

Lãi suất tiền vay được xác định theo lãi suất do các ngân hàng công bố tại thời điểm giải ngân hoặc lãi suất điều chỉnh theo từng thời kỳ do các ngân hàng công bố.

(b) Vay dài hạn

	Tại ngày 1.1.2018 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2018 VND
Ngân hàng TMCP Á Châu	278.882.003.882	31.726.800.000	-	(30.698.379.107)	279.910.424.775

Khoản vay với Ngân hàng TMCP Á Châu có hạn mức tín dụng là 400 tỷ Đồng, có hiệu lực rút vốn đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2018 và chịu lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ do ngân hàng này công bố.

Khoản vay này được sử dụng để tài trợ đầu tư Dự án Nghi Sơn, có thời hạn là 9 năm kể từ năm 2016 và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ Dự án Nghi Sơn; quyền phát sinh từ hợp đồng thuê đất; các khoản phải thu, quyền phát sinh có được theo hợp đồng cho thuê tại Dự án Nghi Sơn và 5.345.200 cổ phiếu của PSA sở hữu bởi Tổng Công ty.

Chi phí lãi vay của khoản vay liên quan đến Dự án Nghi Sơn trước khi Dự án đi vào hoạt động được vốn hóa vào bất động sản đầu tư. Từ tháng 10 năm 2016, sau khi Dự án Nghi Sơn đưa vào hoạt động, chi phí lãi vay được hoàn trả bởi Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn, bên đi thuê của Dự án Nghi Sơn.

Mẫu số B 09 – DN/HN

23 QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	67.424.459.272	64.798.796.053
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 25)	17.673.309.241	15.619.894.972
Sử dụng quỹ	(10.611.476.937)	(12.994.231.753)
Số dư cuối năm	74.486.291.576	67.424.459.272

(24 VỐN CỔ PHẦN

(a) Số lượng cổ phiếu

	2018		2017	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	86.600.124	-	86.600.124	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (Thuyết minh 25)	(1.590.310)	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	85.009.814	-	86.600.124	-

(b) Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu

	2018		2017	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
PVN	20.973.851	24,63	20.973.851	24,22
Phần vốn của các đối tượng khác	64.035.963	75,77	65.626.273	75,78
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	85.009.814	100	86.600.124	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Cổ phiếu ưu đãi VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	86.600.124	866.001.240.000	-	**866.001.240.000**
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-	**-**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	86.600.124	866.001.240.000	-	**866.001.240.000**
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-	**-**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	86.600.124	866.001.240.000	-	**866.001.240.000**

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

25 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Mẫu số B 09 – DN/HN

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND	Lợi ích cổ đông thiểu số	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	866.001.240.000	133.918.052.614	56.740.087.775	(35.523.322.342)	172.453.174.126	270.142.492.969	**1.463.731.725.142**	180.726.846.470	**1.644.458.571.612**
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	**-**	2.352.773.000	**2.352.773.000**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	131.362.586.804	**131.362.586.804**	12.456.679.160	**143.819.265.964**
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(84.972.262.673)	**(84.972.262.673)**	(29.457.692.327)	**(114.429.955.000)**
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(13.354.140.938)	**(13.354.140.938)**	(2.265.754.034)	**(15.619.894.972)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	866.001.240.000	133.918.052.614	56.740.087.775	(35.523.322.342)	172.453.174.126	303.178.676.162	**1.496.767.908.335**	163.812.852.269	**1.660.580.760.604**
Mua lại cổ phiếu đã phát hành (*)	-	-	-	(14.595.110.632)	-	-	**(14.595.110.632)**	-	**(14.595.110.632)**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	113.081.223.363	**113.081.223.363**	16.861.274.457	**129.942.497.820**
Chia cổ tức (**)	-	-	34.080.000.000	-	-	(135.936.890.213)	**(101.856.890.213)**	(35.988.398.831)	**(137.845.289.044)**
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (***)	-	-	-	-	-	(15.267.255.570)	**(15.267.255.570)**	(2.406.053.671)	**(17.673.309.241)**
Thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	-	-	-	(768.418.152)	**(768.418.152)**	768.418.152	**-**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	866.001.240.000	133.918.052.614	90.820.087.775	(50.118.432.974)	172.453.174.126	264.287.335.590	**1.477.361.457.131**	143.048.092.376	**1.620.409.549.507**

(*) Theo Nghị quyết số 13/NQ-DVTHDK-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt mua tối đa 10% cổ phiếu đang lưu hành làm cổ phiếu quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số lượng cổ phiếu đăng ký mua lại là 3.000.000 cổ phiếu và số lượng cổ phiếu quỹ đã mua lại là 1.590.310 cổ phiếu (Thuyết minh 24(a)).

(**) Chia cổ tức trong năm 2018 bao gồm chia cổ tức bằng tiền và chia cổ tức bằng cổ phiếu.

(***) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của năm 2017 hoặc tạm trích từ kế hoạch lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của năm 2018 được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

26 CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Chi tiết của cổ đông không kiểm soát như sau:

	2018 VND	2017 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	171.665.773.000	171.665.773.000
Vốn khác của chủ sở hữu (*)	22.686.160.000	14.238.490.000
Cổ phiếu quỹ	(1.170.000.000)	(1.170.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	7.080.808.161	7.080.808.161
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(57.214.648.785)	(28.002.218.892)
	143.048.092.376	163.812.852.269

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, bao gồm trong vốn khác của chủ sở hữu là khoản chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2018 có giá trị là 8.447.670.000 Đồng.

27 CỔ TỨC PHẢI TRẢ

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	22.777.755.034	20.833.461.631
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 25)	180.372.959.044	114.429.955.000
Cổ tức chi trả bằng cổ phiếu	(42.527.670.000)	-
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(120.145.639.162)	112.215.661.597)
Giảm khác	(2.793.715.797)	(270.000.000)
Số dư cuối năm (Thuyết minh 21(a))	37.683.689.120	22.777.755.034

28 LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mẹ mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	113.081.223.364	131.362.586.804
Tạm trích/thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(6.405.919.489)	(10.113.031.863)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	106.675.303.875	121.249.554.941
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	85.851.054	86.600.124
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	1.243	1.400

28 LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

(*) Lợi nhuận thuần dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của năm 2017 được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông tương ứng với phần lợi ích phân bổ cho Công ty mẹ.

Trong năm 2018, Tổng Công ty tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2018 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận cho năm tài chính 2018 đã được các Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2017 đã được tính lại như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	124.806.900.369	(3.557.345.428)	121.249.554.941
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	86.600.124	-	86.600.124
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	1.441		1.400

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm đến từ việc chuyển đổi công cụ tài chính khác sang cổ phiếu phổ thông. Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

29 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(a) Ngoại tệ các loại

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ là 2.838.469,58 Đô la Mỹ và 262,79 Euro (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 335.251,46 Đô la Mỹ và 273 Euro).

(b) Tài sản thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang được trình bày ở Thuyết minh 41(a).

30 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2018 VND	2017 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	9.671.234.648.111	9.448.840.094.194
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.566.118.830.419	1.385.726.091.181
	11.237.353.478.530	10.834.566.185.375
Giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(68.351.778.606)	(84.462.928.336)
Giảm giá bán hàng	(16.367.084.140)	(17.710.663.131)
Hàng bán bị trả lại	(60.658.281.045)	(29.134.321.818)
	(145.377.143.791)	(131.307.913.285)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần về bán hàng	9.546.185.755.345	9.319.579.703.406
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	1.545.790.579.394	1.383.678.568.684
	11.091.976.334.739	10.703.258.272.090

31 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP

	2018 VND	2017 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.245.319.099.769	8.748.843.031.307
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp (*)	1.172.154.959.288	1.206.347.603.240
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	12.061.170.130	159.132.244
	10.429.535.229.187	9.955.349.766.791

(*) Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp bao gồm chi phí lãi vay với số tiền là 29,2 tỷ Đồng (năm 2017: 30,9 tỷ Đồng), liên quan đến lãi vay của Dự án Nghi Sơn. Sau khi Dự án này đưa vào hoạt động, chi phí lãi vay được hoàn trả bởi Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn (Thuyết minh 22), bên đi thuê của Dự án Nghi Sơn.

32 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi	61.028.163.419	49.115.630.410
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	7.285.458.238	10.300.572.057
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	3.384.565.760	-
Tiền lãi phạt thanh toán chậm	8.375.041.559	6.356.718.292
Khác	604.640.136	564.387.096
	80.677.869.112	66.337.307.855

33 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền vay	93.376.087.267	105.602.842.553
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	8.709.718.138	2.834.099.813
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	20.160.000.000	853.268.080
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	585.648.946
Chiết khấu thanh toán	3.016.168.461	3.517.343.136
	125.261.973.866	113.393.202.528

34 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lương	86.944.839.253	82.645.171.667
Chi phí vận chuyển	36.188.309.974	34.445.325.325
Chi phí quảng cáo	12.940.920.945	15.099.219.348
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.512.309.275	2.552.461.239
Chi phí thuê kho	22.625.323.369	22.232.972.448
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.351.658.022	18.052.300.978
Khác	67.212.664.213	80.742.387.008
	240.776.025.051	255.769.838.013

35 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lương	72.501.979.217	80.360.649.505
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.433.268.675	9.909.822.361
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.317.748.851	48.459.465.945
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	38.291.826.491	53.995.641.029
Chi phí quản lý phải trả cho bên liên quan	6.041.917.929	6.425.062.580
Phân bổ lợi thế kinh doanh	1.530.382.500	1.641.877.394
Khác	44.785.869.773	45.945.842.688
	202.902.993.436	246.738.361.502

36 THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2018 VND	2017 VND
Thu nhập khác		
Phân bổ tiền ký quỹ, ký cược vỏ bình ga	5.896.226.162	5.487.805.507
Tiền phạt thu được	169.942.249	1.647.080.214
Lãi do thanh lý TSCĐ	1.328.461.487	568.462.727
Khác	6.167.726.032	4.298.645.935
	13.562.355.930	12.001.994.383
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	(1.787.586.087)	(6.009.772.668)
Khác	(2.472.933.542)	(2.265.292.906)
	(4.260.519.629)	(8.275.065.574)
Lợi nhuận khác	9.301.836.301	3.726.928.809

37 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 20% theo quy định của luật thuế hiện hành như sau:

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	182.512.486.730	202.462.514.449
Thuế tính ở thuế suất 20%	36.502.497.346	40.492.502.890
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	-	(78.234.906)
Chi phí không được khấu trừ	1.680.454.389	4.073.845.716
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	14.630.310.809	14.139.674.746
Dự phòng (thừa)/thiếu thuế TNDN năm trước	(225.467.767)	69.726.433
Sử dụng lỗ tính thuế	(17.805.867)	(54.266.394)
Chi phí thuế TNDN (*)	52.569.988.910	58.643.248.485
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành	55.880.843.431	55.154.138.356
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 15)	(3.310.854.521)	3.489.110.129
	52.569.988.910	58.643.248.485

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

38 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2018 VND	2017 VND
Giá vốn hàng hóa bất động sản đã bán	93.000.662.258	-
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	514.859.563.943	451.415.001.927
Chi phí nhân công	521.120.158.226	431.515.197.261
Chi phí khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	66.739.258.988	81.004.855.657
Phân bổ lợi thế thương mại	1.530.382.500	1.641.877.394
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	12.061.170.130	159.132.244
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	38.291.826.491	53.995.641.029
Chi phí dịch vụ mua ngoài	579.675.265.091	568.111.707.235
Chi phí lãi vay	29.256.661.676	30.898.152.769
Khác	111.998.533.986	126.688.229.696
	1.968.533.483.289	1.745.429.795.212

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố chỉ thể hiện hoạt động sản xuất và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty.

39 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT ("BCLCTT")

(a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT

	2018 VND	2017 VND
Mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác chưa thanh toán	2.026.698.327	893.146.711

(b) Các khoản tiền do Tổng Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tổng Công ty được dùng làm tài sản thế chấp cho hợp đồng vay của Tổng Công ty như được trình bày ở Thuyết minh 4(a).

(c) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	2018 VND	2017 VND
Vay theo khế ước thông thường	6.662.948.556.690	6.965.782.684.792

(d) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	2018 VND	2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	7.078.799.826.342	7.209.668.614.101

40 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

PVN là cổ đông lớn nhất do sở hữu 24,6% vốn cổ phần của Tổng Công ty (Thuyết minh 24).

Theo đó, PVN, các công ty thành viên thuộc PVN, và công ty liên kết của Tổng Công ty được xem là các bên liên quan của Tổng Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2018 VND	2017 VND
i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
PVN	5.512.786.830	118.301.549.773
Các công ty thành viên thuộc PVN	1.416.226.132.790	229.884.899.134
	1.421.738.919.620	348.186.448.907
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
PVN	19.759.753.049	5.789.067.056
Các công ty thành viên thuộc PVN	744.366.925.882	1.219.307.712.334
	764.126.678.931	1.225.096.779.390
iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	4.775.916.385	5.782.527.597
iv) Phí quản lý		
Chi phí trả cho PVN	6.041.917.929	6.425.062.580
viii) Chia cổ tức		
PVN	25.169.460.039	20.974.550.033

40 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2018 VND	2017 VND
i) Phải thu ngắn hạn khách hàng (Thuyết minh 5)		
PVN	15.192.801.006	13.539.327.316
Các công ty thành viên thuộc PVN	274.384.851.335	95.424.567.832
	289.577.652.341	108.963.895.148
ii) Phải thu ngắn hạn khác		
PVN	564.093.538	-
Các công ty thành viên thuộc PVN	1.044.022.765	-
	1.608.116.303	-
iii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 17)		
PVN	301.669.366.269	288.362.356.866
Các công ty thành viên thuộc PVN	171.745.580.910	219.972.281.081
	473.414.947.179	508.334.637.947
iv) Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 18)		
Công ty thành viên thuộc PVN	78.540.531.090	232.311.035.750
v) Doanh *thu chưa thực hiện ngắn hạn*		
Công ty thành viên thuộc PVN	27.272.727.273	27.272.727.273
vi) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		
Công ty thành viên thuộc PVN	47.727.272.747	75.000.000.011

vii) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 21(a))		
PVN	4.729.320.176	4.075.406.016
Công ty thành viên thuộc PVN (*)	17.063.173.604	-
	21.792.493.780	4.075.406.016
viii) Phải trả dài hạn khác		
Công ty thành viên thuộc PVN	5.207.861.036	-

(*) Phải trả ngắn hạn khác cho công ty thanh viên thuộc PVN thể hiện giá trị điều chỉnh doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê phát sinh trong năm 2018.

41 CÁC CAM KẾT

(a) Cam kết thuê hoạt động

(i) Tổng Công ty là bên đi thuê

Tổng Công ty đã ký hợp đồng thuê đất trong 70 năm tính từ năm 2009 với Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn. Theo đó, Tổng Công ty được miễn tiền thuê đất đến năm 2022. Ngoài ra, Tổng Công ty cũng ký hợp đồng thuê kho và thuê văn phòng với các nhà cung cấp để thực hiện hoạt động kinh doanh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	Thuê mặt bằng	
	2018 VND	2017 VND
Dưới 1 năm	12.693.743.792	25.253.948.047
Từ 1 năm đến 5 năm	14.938.377.131	19.149.528.420
Trên 5 năm	54.941.664.415	55.984.746.168
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	82.573.785.338	100.388.222.635

(ii) Tổng Công ty là bên cho thuê

Tổng Công ty đã ký hợp đồng cho thuê hoạt động Dự án Nghi Sơn và cho thuê đất, theo đó khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Cho thuê hoạt động	
	2018 VND	2017 VND
Dưới 1 năm	137.408.413.985	108.862.814.778
Từ 1 đến 5 năm	388.013.783.137	390.315.690.839
Trên 5 năm	239.914.838.035	359.398.440.173
Tổng cộng các khoản phải thu tối thiểu	765.337.035.157	858.576.945.790

(b) Cam kết góp vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tình hình cam kết góp vốn điều lệ vào các công ty và dự án như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh VND	Tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty (%)	Số vốn đã góp tại ngày 31.12.2018 VND	Số vốn còn phải góp tại ngày 31.12.2018 VND
PSSSG	229.500.000.000	51	10.733.401.247	218.766.598.753
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn ("ITS") (*)	20.000.000.000	40	-	20.000.000.000
	249.500.000.000		10.733.401.247	238.766.598.753

(*) Theo Nghị quyết số 16/NQ-DVTHDK ngày 29 tháng 3 năm 2016, Hội đồng Quản trị đồng ý chủ trương đầu tư góp vốn thành lập ITS, trong đó Công ty mẹ góp 40% vốn điều lệ tương đương 20 tỷ Đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các cổ đông của ITS vẫn chưa thực hiện góp vốn vào ITS.

(c) Cam kết bảo lãnh tín dụng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có cam kết bảo lãnh không hủy ngang đối với các khoản vay ngân hàng của các công ty con với tổng hạn mức bảo lãnh là 3.812,6 tỷ Đồng và 30 triệu Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 4.309,5 tỷ Đồng và 10 triệu Đô la Mỹ) và có cam kết bảo lãnh không hủy ngang đối với các khoản phải trả người bán của các công ty con với tổng giá trị là 7 triệu Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 7 triệu Đô la Mỹ) . Theo đó, Tổng Công ty có trách nhiệm hoàn trả nợ gốc, lãi vay, chi phí bảo lãnh và các chi phí khác cho nhà cung cấp và ngân hàng trong trường hợp các công ty con không có khả năng thanh toán hoặc thanh toán trễ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, PSD có cam kết bảo lãnh không hủy ngang đối với các khoản vay tại một ngân hàng thương mại cấp cho Bình Minh với tổng hạn mức bảo lãnh là 10 tỷ Đồng. Theo đó, PSD có trách nhiệm hoàn trả số gốc vay, lãi vay, chi phí bảo lãnh và các chi phí khác cho ngân hàng trong trường hợp bên được bảo lãnh không có khả năng thanh toán hoặc thanh toán chậm trễ.

(d) Cam kết khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có ký hợp đồng bảo lãnh với ngân hàng thương mại với hạn mức là 150 tỷ Đồng nhằm mục đích bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước cho Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn.

42 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty không có bất kỳ hoạt động kinh doanh ở ngoài lãnh thổ Việt Nam, vì vậy Tổng Công ty không trình bày báo cáo kinh doanh theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty như sau:

2018	Mua bán thiết bị viễn thông, máy tính, thiết bị VND	Cung cấp vật tư, thiết bị chuyên ngành dầu khí VND	Kinh doanh bán buôn các sản phẩm hạt nhựa, xơ sợi, khí gas VND	Các dịch vụ khác VND	Tổng cộng VND
Tổng tài sản	2.548.208.090.080	490.386.271.526	454.122.238.264	2.070.344.974.367	**5.563.061.574.237**
Tổng nợ phải trả	2.076.901.583.279	450.053.811.006	348.930.222.350	1.066.766.408.095	**3.942.652.024.730**

2017	Mua bán thiết bị viễn thông, máy tính, thiết bị VND	Cung cấp vật tư, thiết bị chuyên ngành dầu khí VND	Kinh doanh bán buôn các sản phẩm hạt nhựa, xơ sợi, khí gas VND	Các dịch vụ khác VND	Tổng cộng VND
Tổng tài sản	2.952.698.858.919	611.545.822.134	388.016.630.118	2.220.517.934.896	**6.172.779.246.067**
Tổng nợ phải trả	2.527.309.058.763	544.845.970.579	307.253.033.157	1.132.790.422.964	**4.512.198.485.463**

42 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Doanh thu, giá vốn theo lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018				
	Mua bán thiết bị viễn thông, máy tính, thiết bị VND	Cung cấp vật tư, thiết bị chuyên ngành dầu khí VND	Kinh doanh bán buôn các sản phẩm hạt nhựa, xơ sợi, khí gas VND	Các dịch vụ khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.476.312.872.744	1.274.770.115.191	1.663.293.105.389	1.677.600.241.415	**11.091.976.334.739**
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(6.117.230.528.773)	(1.173.769.472.749)	(1.609.696.775.631)	(1.528.838.452.034)	**(10.429.535.229.187)**
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	359.082.343.971	101.000.642.442	53.596.329.758	148.761.789.381	**662.441.105.552**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017				
	Mua bán thiết bị viễn thông, máy tính, thiết bị VND	Cung cấp vật tư, thiết bị chuyên ngành dầu khí VND	Kinh doanh bán buôn các sản phẩm hạt nhựa, xơ sợi, khí gas VND	Các dịch vụ khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.371.855.447.741	685.611.692.886	1.273.445.926.571	1.372.345.204.892	**10.703.258.272.090**
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(6.939.968.802.979)	(578.485.321.684)	(1.230.939.219.439)	(1.205.956.422.689)	**(9.955.349.766.791)**
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	431.886.644.762	107.126.371.202	42.506.707.132	166.388.782.203	**747.908.505.299**

43 NỢ TIỀM TÀNG

Tổng Công ty đã ký hợp đồng thuê đất và thuê mặt bằng với các nhà cung cấp để thực hiện hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Theo Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty phải trả lại tài sản thuê trong tình trạng như khi nhận, trừ hao mòn tự nhiên hoặc theo đúng như tình trạng đã thỏa thuận; nếu giá trị của tài sản thuê bị giảm sút so với tình trạng khi nhận thì bên cho thuê có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại, trừ hao mòn tự nhiên.

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và Nợ tiền tàng và Thông tư số 200/2014/TT-BTC – Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty phải lập dự phòng cho chi phí phá dỡ và khôi phục mặt bằng khi kết thúc hợp đồng thuê. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Chủ tịch HĐQT chưa thể có được một ước tính đáng tin cậy về chi phí phá dỡ và khôi phục mặt bằng liên quan đến hợp đồng thuê nêu trên nên Tổng Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nợ trên vào báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Chủ tịch HĐQT phê duyệt ngày 25 tháng 3 năm 2019.

Phạm Thị Ninh Người lập	Nguyễn Thị Thanh Kế toán trưởng	Phùng Tuấn Hà Chủ tịch HĐQT Ngày 25 tháng 3 năm 2019